

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LƯU BÌNH DƯƠNG

**PHÁP LUẬT VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ
THEO YÊU CẦU CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG
TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 62380104

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Tất Viễn

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi.
Các kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực và chưa được công bố
trong các công trình khoa học khác.*

Tác giả luận án

Lưu Bình Dương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	9
1.1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước	9
1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	15
1.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.....	23
Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	29
2.1. Điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự	29
2.2. Những yếu tố tác động đến pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự	59
3.3. Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại.....	65
Chương 3. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN THEO YÊU CẦU CỦA NGƯỜI BỊ HẠI VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN.....	77
3.1. Quá trình hình thành và hoàn thiện các quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại.....	77
3.2. Nội dung của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự.	83
3.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại và những vấn đề đặt ra	102
Chương 4. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	126
4.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại	126
4.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại.....	134
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	151
PHỤ LỤC.....	163

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	: Cơ quan điều tra
CQTHTT	: Cơ quan tiến hành tố tụng
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Pháp luật tố tụng hình sự là phương tiện, cách thức của các nhà nước đương đại thực hiện để phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các hành vi phạm tội và người thực hiện tội phạm. Trong xã hội có nhà nước nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm được đặt ra cho các cơ quan bảo vệ pháp luật của nhà nước, nhà nước có trách nhiệm duy trì quyền lực công bảo vệ các lợi ích, giá trị xã hội mà nhà nước đó xác định. Việc nhà nước nhân danh công quyền truy cứu trách nhiệm hình sự người thực hiện hành vi phạm tội được gọi là quyền công tố. Tính chất công tố trở thành nguyên tắc chung và là xu thế tất yếu của hầu hết nhà nước hiện nay [86, tr.20]. Tuy nhiên, phụ thuộc vào kiểu tố tụng, mô hình tố tụng và truyền thống pháp luật mỗi nhà nước có cách thức thực hiện khác nhau. Hiện nay nguyên tắc công tố được coi là nền tảng của tất cả các nước, bên cạnh đó có nước cũng quy định cơ chế điều chỉnh pháp luật tố tụng hình sự về “quyền tư tố” đối với vụ án hình sự bên cạnh quyền công tố. Về phạm vi tư tố trong trường hợp này chỉ áp dụng đối với một số lượng ít các tội phạm có tính chất xâm hại đến quyền riêng tư cá nhân người bị hại về thể chất, tinh thần và tài sản.

Việc lựa chọn quy định cách thức nào để khởi động tố tụng hình sự với vụ án bằng con đường công tố hay tư tố phải xuất phát từ các nhu cầu và đòi hỏi nhất định, phải dựa trên các triết lý nhất định, phản ánh truyền thống văn hóa pháp luật của quốc gia đó, đánh giá được hiệu quả mà pháp luật quốc gia đó quy định cho cách thức tố tụng mà họ lựa chọn. Trong tố tụng hình sự có một kết quả chung hướng đến là nhà nước phải chủ động nắm được nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm, xử lý tội phạm, kiểm soát được tội phạm, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị thiệt hại do tội phạm gây ra. Tuy nhiên, nhà nước không chỉ hướng tới mục tiêu duy nhất là bảo vệ các giá trị nhà nước xác định, lợi ích xã hội mà còn phải tính đến bảo vệ hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia tố tụng, bảo vệ quyền con người nhất là quyền của người bị hại, tổ chức bị thiệt hại do tội phạm gây ra.

Xét về hiệu quả điều chỉnh pháp luật của việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người, tổ chức bị hại trong tố tụng hình sự không phải chỉ là các lợi ích thực tế vật chất mà còn là các lợi ích tinh thần, lợi ích khác; lợi ích không chỉ đặt

trong một quan hệ nhất định mà phải đặt trong tổng thể các quan hệ xã hội. Chính vì vậy pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam đã quy định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, dành cho bị hại (cá nhân và tổ chức) được lựa chọn cách thức bắt đầu và chấm dứt tố tụng bằng quy định “Quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại”; nội dung của quyền này bao gồm các yếu tố là: Quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của bị hại trong vụ án. Trong lịch sử lập pháp tố tụng Việt Nam, quyền này được ghi nhận lần đầu tiên tại Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 và tại Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nay là Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Thực hiện các quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại thời gian qua còn nhiều bất cập, hạn chế về: phạm vi và chủ thể thực hiện quyền, về cách thức thực hiện quyền, hậu quả pháp lý của việc thực hiện quyền khởi tố hoặc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Việc nhận thức và thực hiện chưa thống nhất các nội dung trên làm cho pháp luật chưa nghiêm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại. Mặt khác các quy định nêu trên chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay theo hướng bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự, đa dạng hóa các biện pháp xử lý về tội phạm và người phạm tội, do đó cần phải nghiên cứu làm rõ hạn chế, đưa ra giải pháp khắc phục.

Nghiên cứu về nội dung này, đã có nhiều bài báo, công trình khoa học, đề tài luận văn, luận án đề cập dưới nhiều góc độ khác nhau: lý luận, thực tiễn pháp luật thực định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại; nghiên cứu chuyên đề về quyền của người bị hại dựa trên “phương pháp tiếp cận dựa trên quyền”, nghiên cứu về việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự. Các công trình nghiên cứu đã luận giải sâu sắc khái niệm người bị hại, về quyền của người bị hại, phân biệt người bị hại và những người khác có tính chất, quan hệ tương đồng trong tố tụng hình sự như: nghiên cứu về nạn nhân tội phạm, nguyên đơn dân sự, người bị oan trong tố tụng hình sự...theo quan điểm tiếp cận của các tác giả.

Đánh giá các kết quả nghiên cứu trên đây cho thấy:

i) Còn thiếu vắng các công trình nghiên cứu tiếp cận dưới góc độ pháp luật và điều chỉnh của pháp luật thực định về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự: nghiên cứu nhu cầu điều chỉnh của xã hội đối với quy định

pháp luật khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại; nghiên cứu sự tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội đến việc lựa chọn phương pháp điều chỉnh, lựa chọn đối tượng điều chỉnh, quy định nội dung điều chỉnh cũng như làm rõ triết lý tổ tụng của quy định pháp luật khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại.

ii) Các kiến nghị hoàn thiện pháp luật đã giải quyết căn bản các hạn chế của quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 mà chưa có điều kiện làm rõ những hạn chế, vướng mắc, kiến nghị về các quy định mới phát sinh của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

iii) Các nghiên cứu đã công bố chưa chỉ ra được bằng các số liệu khảo sát, minh chứng từ thực tiễn về nhận thức và thực hiện quy định pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại... từ đó đưa ra các khuyến nghị cần giải thích, nhận thức thống nhất để thực hiện.

vi) Việc tiếp cận vấn đề nghiên cứu của các công trình đã công bố còn thiếu vắng các nghiên cứu mang tính chuyên khảo tiếp cận dưới góc độ liên ngành, đa ngành và xã hội học pháp luật; còn ít các nghiên cứu tiếp cận vấn đề điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại dựa trên việc “bảo vệ quyền của người bị hại” với tính chất là quyền con người trong tư pháp hình sự.

Hiến pháp năm 2013 đã được Quốc hội thông qua và đi vào đời sống xã hội, theo đó nhiều nội dung mới cần phải được triển khai, cụ thể hóa sâu sắc trong đó nhu cầu về bảo vệ quyền con người nói chung và trong pháp luật tố tụng hình sự nói riêng đang là nội dung cấp bách. Nội dung của việc bảo vệ quyền con người theo cách tiếp cận mới không chỉ đơn thuần là ghi nhận mà cần phải tôn trọng và bảo đảm thi hành là những yêu cầu phải tính đến. Mặt khác, nhìn nhận về chính sách hình sự và chính sách về pháp luật tố tụng hình sự cũng cần phải được thay đổi để đáp ứng các nhu cầu điều chỉnh xã hội hiện nay trên những phương diện mới để hướng đến một nền tư pháp đồng bộ, minh bạch, dân chủ, công lý, tôn trọng và bảo vệ các quyền con người.

Chính vì lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài: ***“Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay”*** làm luận án tiến sĩ Luật học của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận án là nhằm làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận, thực tiễn pháp luật và điều chỉnh pháp luật, thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự. Trên cơ sở đó, đưa ra các định hướng, các luận cứ khoa học nhằm kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế bảo đảm thực hiện pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu được nghiên cứu sinh xác định cụ thể nghiên cứu về *bản thân pháp luật và hoàn thiện pháp luật thực định* về nội dung nghiên cứu như sau:

- Phân tích, đánh giá bản chất pháp lý, nhu cầu khách quan điều chỉnh bằng pháp luật đối với việc khởi tố vụ án hình sự; cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự; cơ chế điều chỉnh pháp luật và các yếu tố tác động đến điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại.

- Phân tích, đánh giá điều chỉnh pháp luật của một số nước và mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới có liên quan đến đề tài, nêu ra kinh nghiệm có thể tham khảo trong quá trình hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá làm rõ pháp luật và thực trạng thực hiện pháp luật, vai trò của điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự hiện hành, làm rõ những vướng mắc, hạn chế, bất cập và nhu cầu hoàn thiện.

- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là các vấn đề lý luận, thực tiễn pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, phạm vi nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn pháp luật và thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam; so sánh đối tượng nghiên cứu với pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới có mô hình tố tụng hình sự điển hình, có chế độ chính trị và truyền thống văn hóa pháp lý tương đồng.

Về không gian và thời gian, phạm vi nghiên cứu của Luận án là các quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2016. Số liệu giải quyết được phân tích, tổng hợp, đánh giá từ năm 2010 đến năm 2015.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể gồm: phân tích, tổng hợp, hệ thống, liên ngành và đa ngành, luật học so sánh, nghiên cứu trường hợp điển hình, phương pháp sử dụng số liệu thống kê để làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu trong phạm vi luận án. Các nội dung cụ thể của Luận án, nghiên cứu sinh sử dụng các biện pháp sau đây:

Chương 2, mục 2.1. Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống, phương pháp nghiên cứu đánh giá liên ngành giữa ngành luật học và các ngành khoa học xã hội khác để làm rõ khái niệm, đặc điểm pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2, mục 2.2. Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp nghiên cứu đánh giá liên ngành giữa ngành luật học và các ngành khoa học xã hội khác, tiếp cận và đánh giá liên ngành của các chuyên ngành trong luật học như giữa: pháp luật tố tụng hình sự với pháp luật hình sự; pháp luật tố tụng hình sự với chuyên ngành luật hiến pháp, pháp luật về kinh tế, pháp luật về quyền con người, pháp luật dân sự, pháp luật tố tụng dân sự; phương pháp tiếp cận dựa trên quyền để chỉ ra các yếu tố tác động và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2, mục 2.3. Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích hệ thống và phương pháp so sánh luật để làm rõ đối tượng, nội dung và phương pháp

điều chỉnh của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và pháp luật tố tụng hình sự một số nước quy định liên quan đến việc khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự.

Chương 3, mục 3.1. Luận án sử dụng phương pháp lịch sử và phân tích hệ thống để làm rõ sự hình thành và phát triển của pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam thời gian qua.

Chương 3, mục 3.2. Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để nêu lên các đánh giá của nghiên cứu sinh về quy định pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 3, mục 3.3. Tại mục này tác giả sử dụng các phương pháp:

Phương pháp sử dụng số liệu thống kê, phân tích, phương pháp hệ thống để chỉ ra thực trạng pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp hệ thống, tiếp cận liên ngành để lập luận xác định hiệu quả, đánh giá mức độ hoàn thiện thực trạng pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 4, mục 4.1. Tại mục này luận án sử dụng các phương pháp:

Phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp hệ thống, tiếp cận liên ngành để lập luận để khẳng định rõ các yêu cầu xã hội đặt ra trong điều chỉnh pháp luật và xây dựng pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay và thời gian tới.

Phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp hệ thống, tiếp cận liên ngành để lập luận để đưa ra các định hướng cơ bản trong việc hoàn thiện pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay và thời gian tới.

Chương 4, mục 4.2. Luận án sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp hệ thống, tiếp cận liên ngành, phương pháp so sánh luật để lập luận để đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và điều chỉnh pháp luật nhằm nâng cao

hiệu quả về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam thời gian tới.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Luận án làm rõ khái niệm pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam, nhu cầu điều chỉnh của xã hội và các yếu tố tác động đến điều chỉnh bằng pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay.

- Luận án luận giải rõ nguyên lý điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam dựa trên phương pháp điều chỉnh đặc thù là “phương pháp ghi nhận và bảo đảm” quyền tự quyết định về ý chí của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trong thực hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong giới hạn pháp luật tố tụng hình sự quy định.

- Luận án làm rõ bản chất của pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại trong tố tụng hình sự là “trường hợp đặc biệt” của pháp luật về khởi tố vụ án, đây là quyền “yêu cầu khởi tố đối với vụ án hình sự” của người bị hại trong giới hạn pháp luật quy định; là cơ sở, là điều kiện để phát sinh quyền công tố nhà nước với các tội phạm khi nhà nước áp dụng chính sách hình sự dành quyền tự quyết định việc xử lý tội phạm cho người bị hại.

- Luận án phân tích rõ vai trò của pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam trong việc bảo đảm các yêu cầu của pháp luật tố tụng về bảo vệ quyền con người, đấu tranh phòng, chống và kiểm soát tội phạm như: vai trò là phương tiện pháp lý người bị hại thực hiện quyền của họ; là phương tiện pháp lý quan trọng để nhà nước thực hiện chính sách hình sự và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, kiểm soát tội phạm; là phương tiện pháp lý để nhà nước bảo đảm dân chủ, công bằng trong tố tụng hình sự.

- Luận án trình bày khái quát lịch sử phát triển, thực trạng quy định pháp luật và thực trạng thực hiện pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại trong tố tụng hình sự; đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự và những vấn đề còn tồn tại, hạn chế.

- Luận án đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện

nay thông qua các giải pháp cụ thể trước mắt và lâu dài, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật về nội dung này trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật và điều chỉnh pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung lý luận về hoàn thiện pháp luật và điều chỉnh pháp luật về quyền của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự, cung cấp các kết luận khoa học, luận cứ để góp phần làm sáng tỏ thêm lý luận và thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về “khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại” trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam trước yêu cầu của cải cách tư pháp.

Kết quả nghiên cứu luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy về luật hình sự, luật tố tụng hình sự, pháp luật về phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học, các chuyên đề về nâng cao nhận thức trong xử lý các vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của người bị hại; Luận án có thể sử dụng như nguồn tham khảo đối với việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Bộ luật tố tụng hình sự.

7. Cơ cấu của luận án

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2. Những vấn đề lý luận pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự

Chương 3. Các quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại và thực tiễn thực hiện

Chương 4. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Nghiên cứu về pháp luật và điều chỉnh pháp luật về vấn đề khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự thời gian qua được các tác giả trên thế giới và Việt Nam công bố cụ thể:

1.1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Công bố khoa học các công trình nghiên cứu về pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam ở nước ngoài chưa có tác giả nào thực hiện.

Qua nghiên cứu các công trình khoa học đã công bố gần với đề tài ở ngoài nước và tác giả nước ngoài thực hiện, có một số công trình có phạm vi nghiên cứu gần đề tài là các công trình nghiên cứu về “quyền tư tố” hay “quyền truy tố cá nhân” trong tố tụng hình sự của các nước trên thế giới. Trong đó quyền tư tố là một bộ phận “quyền của người bị hại hay quyền của bị hại”, do vậy tác giả xác định các công trình nghiên cứu về quyền của người bị hại là một tư liệu quý để khai thác cho việc thực hiện luận án. Cụ thể đã có các tài liệu, công trình nghiên cứu sau:

- Các công trình nghiên cứu điển hình Châu Mỹ:

Cuốn sách “*Seeking Justice through the Criminal Justice System*” (2010) (Tìm kiếm công lý trong hệ thống tư pháp hình sự) do Bộ Tư pháp Hoa Kỳ công bố trong chương trình khảo sát về thực trạng bảo vệ quyền của các bên tham gia vào quá trình tố tụng hình sự, là cuốn sách nổi bật. Sách đã phân tích vai trò của pháp luật và điều chỉnh pháp luật về quyền của người bị hại trong các hoạt động tố tụng hình sự; làm rõ điều chỉnh pháp luật về các quyền của người bị hại trong quá trình đồng hành cùng Tòa án xác định sự thật vụ án. Nghiên cứu chỉ ra rằng có cơ chế điều chỉnh pháp luật phù hợp người bị hại có thể là nhân tố tích cực, thúc đẩy sự hợp tác của họ với các cơ quan tố tụng sẽ góp phần nhanh chóng, hiệu quả chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án [137].

Bài báo “*Let’ Rivive Private Criminal Procecutions*”¹ “Hãy thực hiện quyền truy tố cá nhân” của Hiệp Hội nghiên cứu Hiến pháp Hoa kỳ. Bài viết phân tích trong bối cảnh pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ chưa quy định quyền tư tố, công trình nghiên cứu này các tác giả nêu ra yêu cầu vận động hành lang quy định trong pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ chế định “Quyền truy tố cá nhân” và phân tích các lợi ích của thực hiện quyền này cho phía người bị hại, đặt cơ sở lý luận xây dựng điều chỉnh pháp luật về quyền tư tố trong tố tụng hình sự ở Hoa Kỳ[136].

Bài “*Mô hình tố tụng hình sự của liên bang Hoa Kỳ*” của GS Richard S.Shine; theo bài viết mô hình tố tụng hình sự của Hoa Kỳ ưu tiên mục tiêu kiểm soát tội phạm trong khi đó đồng thời duy trì một quy trình thủ tục công bằng; Ông cũng trực tiếp so sánh mô hình này với mô hình tố tụng hình sự Việt Nam trên phương diện điều chỉnh pháp luật chỉ ra các nội dung khác biệt trong đó: nội dung điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại ở pháp luật Hoa kỳ không được đề cập; việc phát động tố tụng đối với vụ án và truy tố người phạm tội do công tố viên đại diện nhà nước toàn quyền quyết định, người bị hại chỉ có vai trò như nhân chứng trong quá trình tố tụng hình sự. Tác giả cũng nêu ra bên cạnh tính chất tuyệt đối của công tố, pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ có chế định đặc thù là “mặc cả nhận tội” để điều chỉnh tính chất truy tố khi người phạm tội chủ động xác nhận tội phạm. Cũng theo tác giả xu thế điều chỉnh pháp luật về nội dung và tính chất của mô hình tố tụng hình sự Hoa Kỳ thời gian tới cũng vẫn không thay đổi [77, tr.361-458].

- Tại Châu Úc: Công trình “*Victim of Crime: An Overview of Reasearch and Policy*” (1998) “Nạn nhân của tội phạm: Tổng quan tình hình nghiên cứu và chính sách” của Viện Tội phạm học Australia. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên về người bị hại trong tố tụng hình sự của Australia, công trình đã trình bày trọng tâm về vấn đề nạn nhân của tội phạm (trong đó cơ bản là người bị hại) phân tích và bình luận các quan điểm và sáng kiến chính sách về điều chỉnh pháp luật bảo đảm quyền của người bị hại trong hệ thống tư pháp hình sự Australia. Công trình cũng đã phân tích các quan điểm và xu thế kiến nghị để hoàn thiện pháp luật nước này về bảo vệ

¹ Xem trang website <http://www.constitution.org/uslaw/pripro01.htm> tra cứu 10 PM ngày 10/10/2016

quyền của nạn nhân tội phạm trong đó có định hướng trao các quyền rộng hơn cho người bị hại [133].

- Các công trình nghiên cứu điển hình tại Châu Âu:

Công trình khoa học “*Transition of criminal procedure systems*” (2004) Quá trình chuyển đổi của hệ thống tố tụng hình sự của tác giả Pavisic Berislav, NXB Pravni fakultet Sveucilista, Croatia, xuất bản năm 2004. Đây là công trình nghiên cứu về quá trình chuyển đổi của hệ thống tố tụng hình sự nhiều quốc gia thời gian gần đây như: Nga, Ukraina, Ba Lan, Lit va, CHDC Đức, Belarus, Grudia, Rumnia... về nhiều nội dung. Phân tích của tác giả về xu thế chuyển đổi và hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự của các nước và điều chỉnh pháp luật tố tụng hình sự tại các quốc gia về điều chỉnh pháp luật khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại gọi là “quyền yêu cầu truy tố tư nhân” hay là “quyền tư tố” đã chỉ rõ: (i) Quyền tư tố ở các quốc gia khác nhau có phạm vi khác nhau, cụ thể dẫn chứng: một số nước pháp luật tố tụng hình sự quy định quyền tư tố của cá nhân được áp dụng đối với tất cả tội phạm (như Cộng hòa Phần Lan, Síp), nhưng hầu hết các nước lại chỉ giới hạn một số hành vi phạm tội ít nghiêm trọng xâm phạm đến nhân thân của người bị hại (ở Nga, Ba Lan). (ii) Tác giả cũng phân tích điều chỉnh pháp luật về vai trò của người bị hại có những nội dung khác nhau: ở Nga người bị hại có quyền tư tố độc lập với vụ án tư tố; nhưng ở Đức, Thụy Điển, Pháp thì người bị hại chỉ có vai trò phụ thuộc hỗ trợ cùng công tố viên nhà nước thực hiện quyền của mình. Tác giả cũng làm rõ được các bảo đảm trong điều chỉnh pháp luật về quy trình, thủ tục để người bị hại thực hiện hiệu quả quyền của họ thông qua các quy phạm pháp luật riêng biệt [138].

Bài báo “*Criminal Procedure in England and the United States: Comparisons in Initiating Prosecutions*” của Irving R. Kaufman. Tác giả trình bày so sánh luật tố tụng hình sự của Anh và Hoa Kỳ trong quá trình bắt đầu khởi tố: liên quan đến quy định pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án xác nhận “ở nước Anh hệ thống pháp luật được xây dựng trên nền tảng tư tố”; do đó “người Anh vẫn coi quyền tư tố hình sự của công dân như một trong các nguyên tắc Hiến định quan trọng chống lại sự lạm quyền của các công chức nhà nước”. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế người anh rất ít khi thực hiện quyền này vì lý do là chi phí tố tụng là quá lớn, họ có xu thế báo tin để

yêu cầu cảnh sát khởi tố. Về nội dung của tư tố pháp luật chỉ cho phép thực hiện đối với các tội hành hung hoặc trộm cắp vật đơn giản. Một trong các lý do hạn chế quyền tư tố chính là rào cản pháp luật của họ: rất nhiều đạo luật khác nhau quy định một vụ phạm tội, người yêu cầu trước tiên phải đạt được sự chấp thuận của tòa án và công chức chính phủ, lý do đưa ra là để tăng cường sự thống nhất trong chính sách khởi tố và giảm thiểu việc không đủ chứng cứ. Điều kiện này xuất phát từ tư tưởng điều chỉnh trong tố tụng hình sự của Vương quốc Anh dựa trên triết lý “khi quyết định bắt đầu khởi tố hình sự, người thực hiện khởi tố phải cân bằng hai trách nhiệm: phải có căn cứ xác đáng và tránh được hàm oan hoặc quấy rầy người vô tội” [135].

Bài “*Mô hình tố tụng hình sự của Cộng hòa Italia*” của TS. Marco Fabri; theo tác giả mô hình tố tụng hình sự của Cộng hòa Italia hiện nay là mô hình tố tụng tranh tụng với vai trò nhà nước giành toàn quyền “truy tố bắt buộc” với mọi loại tội phạm. Trong pháp luật tố tụng hình sự của nước này quy định địa vị pháp lý và quyền của người bị hại khá khiêm tốn. Tuy vậy, họ vẫn có quyền yêu cầu khởi tố vụ án (querela) đối với các tội phạm ít nghiêm trọng. Trong trường hợp này, mặc dù yêu cầu của người bị hại là điều kiện tiên quyết để khởi tố vụ án, song người bị hại không trở thành bên công tố [50, tr.242- 243]. Tác giả cũng phân tích điều chỉnh pháp luật ở các giai đoạn tố tụng khác nhau trong trường hợp có liên quan đến khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại có quyền và nghĩa vụ nhất định. Cũng theo nhận định của tác giả xu hướng cải cách mô hình tố tụng hình sự của Cộng hòa Italia thời gian tới vẫn trong khuôn khổ mô hình tố tụng hình sự tranh tụng nhưng mang tính pha trộn, nguyên tắc “truy tố bắt buộc” vẫn là điểm nhấn và không có ý tưởng ghi nhận mở rộng thêm quyền yêu cầu khởi tố của người bị hại như một số nước [50].

Bài “*Mô hình tố tụng Cộng hòa Pháp*” của tác giả Jean Philippe Rivaud; theo trình bày của tác giả, Bộ luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Pháp quy định quyền yêu cầu khởi tố của người bị hại với tên gọi giống Việt Nam mà không gọi là “quyền tư tố”, các tội phạm mà người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố là các tội xâm hại nhân thân bị hại; điều chỉnh về nội dung này pháp luật tố tụng hình sự Pháp khuyến khích mạnh mẽ việc người bị hại và người phạm tội hòa giải để thống nhất việc bồi thường nhất là đối với các tội trộm cắp, đánh nhau hoặc phá hoại tài sản;

khi hai bên đạt được sự thống nhất công tố viên có thể miễn tố cho người thực hiện tội phạm [130, tr.473].

Bài “*Mô hình tố tụng hình sự Cộng hòa Liên bang Nga*” của GS. William Burnham; bài viết của ông khẳng định trong Bộ luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Liên bang Nga dung hòa cả hai mục đích công bằng và hạn chế tội phạm đều được nhấn mạnh ngang nhau, bổ sung cho nhau để bảo đảm hài hòa các lợi ích xã hội và cá nhân. Mô hình tố tụng hình sự của CHLB Nga là điển của sự kết hợp yếu tố tranh tụng và yếu tố thẩm vấn để điều chỉnh các quan hệ tố tụng: Trong điều chỉnh pháp luật liên quan đến quyền của người bị hại, Bộ luật tố tụng hình sự khẳng định rõ người bị hại có quyền tư tố, đồng thời luật cũng chia thành ba loại vụ án hình sự là công tố, công - tư tố và án tư tố, đi liền đó xác lập cơ chế điều về trình tự, thủ tục riêng đối với từng loại án này. Quyền tư tố của người bị hại còn đồng thời được gắn kết với các quy định pháp luật khác như hòa giải giữa người bị hại và người thực hiện tội phạm về một số loại án ít nghiêm trọng để làm cơ sở miễn tố; thỏa thuận nhận tội hoặc tự thú chủ động của người phạm tội và công tố viên và bồi thường dân sự với người bị hại... [132, tr.162-201].

- Các công trình nghiên cứu điển hình tại Châu Á:

Bài báo “*Tư tố trong tố tụng hình sự Trung Quốc*”, của tác giả Ngũ Hồng Quang, ở Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc giới thiệu và phân tích về điều chỉnh pháp luật đối với việc khởi tố vụ án hình sự của người bị hại về các nội dung: cách thức, hậu quả pháp lý và căn cứ pháp lý của quyền tư tố trong tố tụng hình sự Trung Quốc. Đặc biệt tác giả nhấn mạnh quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Trung Quốc về quyền tư tố là chế định riêng biệt, song hành cùng công tố, có giá trị to lớn để người bị hại tự bảo vệ quyền của họ; tác giả trình bày một cách có hệ thống các điều kiện và quy trình, thủ tục cũng như hiệu quả xã hội khi người bị hại thực quyền tư tố trong pháp luật tố tụng hình sự Trung Quốc, đưa ra triết lý tố tụng mà các nhà làm luật xây dựng nội dung điều chỉnh pháp luật về nội dung này[76, tr.254-257].

Bài “*Mô hình tố tụng hình sự Nhật Bản*” và bài “*Mô hình tố tụng hình sự Hàn Quốc*” của GS. Byung – Sun Cho. Đề cập pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản khi

điều chỉnh quan hệ tố tụng hình sự không thừa nhận quyền tư tố và vai trò tư tố của người bị hại. Vai trò công tố thuộc cơ quan công tố Nhật Bản. Truy tố là nguyên tắc phổ quát theo triết lý “sẽ không có bên khởi kiện, sẽ không có thẩm phán”, tuy bị hạn chế về quyền tư tố nhưng người bị hại có thể thực hiện quyền tố cáo hành vi phạm tội đến cơ quan công tố, đồng thời vai trò của người bị hại giống nhân chứng trong vụ án. Đối với pháp luật tố tụng hình sự Hàn Quốc, theo phân tích của tác giả được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khác nhau; triết lý xử tội phạm được nhấn mạnh trong điều chỉnh pháp luật tố tụng hình sự; người bị hại không có quyền tư tố như một số nước, đồng thời pháp luật tố tụng hình sự cũng không quy định thương lượng nhận tội của người phạm tội [10, tr.05 - 62].

Nhận xét: các công trình nghiên cứu trên đây, đánh giá dưới góc độ điều chỉnh pháp luật hiện tại mới chỉ đề cập trực tiếp và chủ yếu đến quyền của người bị hại trên phương diện vai trò, xác định vị trí, đi tìm công lý đối với hành vi phạm tội gây cho người bị hại, đồng thời cũng đã bàn đến cơ chế trong việc thực hiện quyền truy tố cá nhân, quyền tư tố tại pháp luật nước họ. Các tư liệu cũng đã cung cấp cụ thể về quy định: đối tượng và nguyên tắc của quyền tư tố, ranh giới của quyền tư tố với công tố; quy trình và phương thức điều chỉnh pháp luật trong thực hiện quyền tư tố của người bị hại trong tố tụng hình sự của mỗi mô hình tố tụng cụ thể (Bộ luật tố tụng hình sự: Liên bang Nga, Trung Quốc, Nhật bản, pháp luật Hoa Kỳ); phân tích lợi ích của bị hại với tích chất cá nhân trong thực hiện quyền truy tố cá nhân nếu pháp luật có ghi nhận. Tuy nhiên, các tác giả chưa phân tích về cơ sở khoa học và thực tiễn của quy định về quyền của người bị hại, nhất là quyền tư tố hay truy tố cá nhân trong bản thân mô hình tố tụng của quốc gia họ đây là những thiếu vắng nhất định.

Đây là các công trình nghiên cứu giới thiệu các mô hình tố tụng hình sự điển hình cung cấp cái nhìn toàn cảnh về mô hình và xu thế của tố tụng hình sự ở mỗi quốc gia nêu trên; Cung cấp tư liệu khẳng định nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản và kể cả Hoa Kỳ cũng chưa từng thừa nhận quyền tư tố trong tố tụng hình sự của họ; cũng đã gợi ý những hướng nghiên cứu vận dụng trong hoàn thiện pháp luật

tố tụng hình sự Việt Nam trong bối cảnh hội nhập hiện nay trong đó có các thông tin về tố tụng, truy tố cá nhân và khởi tố theo yêu cầu của người bị hại.

1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Tình hình nghiên cứu trong nước được chia làm hai nội dung: *Một là* những nghiên cứu của tác giả Việt Nam về pháp luật khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự một số quốc gia trên thế giới và *Hai là*, nghiên cứu của các tác giả Việt Nam về pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Ở nội dung thứ nhất: hầu hết các nghiên cứu là các công trình tổng thuật của các cơ quan nghiên cứu và hướng dẫn pháp luật Việt Nam như: Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Tư pháp, cụ thể là: cuốn sách chuyên đề “*Tư pháp hình sự so sánh*”, của ấn phẩm Thông tin khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp xuất bản năm 1999, đã phân tích cụ thể về các mô hình tố tụng hình sự và truyền thống pháp luật tố tụng hình sự trên thế giới có ảnh hưởng nhất định đến quan niệm và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự và quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự theo hướng dịch chuyển sang mô hình công tố là chủ yếu [116, tr 118 -171].

Viện kiểm sát nhân dân tối cao ấn hành các ấn phẩm là Thông tin Khoa học pháp lý số 01/2003: “*Số chuyên đề về: pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới*”[113]; cuốn Thông tin khoa học pháp lý số 2+ 3/2003 chuyên đề: “*Tìm hiểu hệ thống tố tụng trang tụng và tố tụng thẩm vấn*”[114];. Ngoài ra còn có cuốn sách “*Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*” của TS Lê Hữu thể chủ biên, Nhà xuất bản Tư pháp 2005 có phần phân tích đánh giá về quyền tố tụng trong pháp luật nước ngoài.

Các công trình nghiên cứu trên đã giới thiệu tổng quan và so sánh các quy định của pháp luật tố tụng giữa các nước và Việt Nam trong đó có thủ tục tố tụng, địa vị pháp lý của người bị hại trong vụ án hình sự, giới hạn quyền, vai trò của người bị hại... các tài liệu đã cung cấp các tư liệu quý để so sánh pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam với quy định này hoặc quy định về “quyền tố tụng” trong pháp luật một số nước về các nội dung: triết lý tố tụng, yêu cầu xã hội về điều chỉnh pháp

luật, phạm vi, nội dung và phương thức điều chỉnh pháp luật, đánh giá hiệu quả điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu người bị hại trong tố tụng hình sự.

Hai là, nghiên cứu của các tác giả Việt Nam về pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Nghiên cứu pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam được bắt đầu với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 (BLTTHS) cho đến nay; phân tích kết quả đạt được trên phương diện pháp luật và thực hiện pháp luật tố tụng hình sự cụ thể:

1.2.1. Nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại: được nhiều tác giả bàn luận nhất so với các nội dung khác dưới góc độ pháp luật thực định như yêu cầu về xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật và hoàn thiện pháp luật cụ thể có các bài viết điển hình là:

(i) Về các công trình khoa học là bài báo có các tác giả: Quốc Việt, (1990), “*Vấn đề khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại*”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 5/1990; Nguyễn Đức Thuận, (1998), “*Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, những vướng mắc*”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 10/1998; Mai Bộ, (1999), “*Bàn về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại*”, Tạp chí Kiểm sát số 3/1999; ThS. Phạm Mạnh Hùng, (1999), “*Bàn thêm về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại*”, Tạp chí Kiểm sát số 09/1999 tr.27; Đinh Xuân Hiền, (2001), “*Một số vấn đề thực tiễn và lý luận khi áp dụng Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự*”, Tạp chí Kiểm sát số 3/2001 tr.32; ThS. Phạm Mạnh Hùng, (2003), “*Những bất cập và việc hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố theo yêu cầu của người bị hại*”, Tạp chí Kiểm sát số 1/2003 tr 32; ThS. Nguyễn Hải Ninh, (2010), “*Vấn đề khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại*”, Tạp chí Luật học số 6/2010 tr 48; Hoàng Thị Liên, (2008), “*Cần sửa đổi các quy định liên quan đến quyền khởi tố theo yêu cầu của người bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự 2003*”, Tạp chí Kiểm sát số 3/2008 tr.29; Mai Văn Minh, (2005), “*Bàn về việc khởi tố và không khởi tố vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự*”, Tạp chí

Kiểm sát số 09/2005; Nguyễn Đức Thái, (2009), “*Một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng chế định khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại*”, Tạp chí Kiểm sát, số 9/2009, tr.27-30; TS. Trần Quang Tiệp, (2010), “*Một số vấn đề về người bị hại, nguyên đơn dân sự trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2013*”, Tạp chí Kiểm sát, số 9/2010, tr.17. Ngoài ra có các tác giả khác như: Trần Quốc Tú, Nguyễn Văn Cường, Lê Sỹ Quế, Nguyễn Sơn, Lê Hiền, Đinh Công Thành, Trần Mai Lâm, Nguyễn Sơn, Nguyễn Hữu Cầu, Trần Cao Ngãi, Hồ Thị Hạnh, Đỗ Văn Tạo...

Nội dung chủ yếu của các bài viết cùng trao đổi về các nội dung bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong BLTTHS năm 1988, BLTTHS sửa đổi năm 2000 và BLTTHS năm 2003 như về chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; phạm vi yêu cầu, quyền rút yêu cầu và hậu quả của việc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại; từ đó các tác giả kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật cụ thể trong BLTTHS năm 2003.

(ii) Về công trình nghiên cứu chuyên khảo, tham khảo có các công trình của GS.TS Võ Khánh Vinh, (2004), “*Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*”, Nhà xuất bản Công an nhân dân; PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn, (2005), “*Người tham gia tố tụng*”, *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nhà xuất bản Tư pháp 2005; PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn, (2010), “*Trao đổi ý kiến: tổ chức toà án theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW về cải cách tư pháp, bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học năm 2010, Bộ Tư pháp. Các công trình này phần đề cập đến người bị hại và quyền của người bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ đã cung cấp thêm các nội dung về bản chất pháp lý, đặc điểm của người bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ.

(iii) Luận văn, luận án: Luận văn thạc sĩ của Hoàng Phương Lan, “*Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, bảo vệ năm 2010 tại Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội; Luận văn thạc sĩ luật học của Thịnh Quang Thắng, “*Người bị hại trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, bảo vệ năm 2011 tại Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội; Luận án tiến sĩ luật học của Lê Nguyên Thanh, “*Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt*

Nam”, bảo vệ tại trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh năm 2013 ; Luận án tiến sĩ luật học của Đinh Thị Mai, “*Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam*”, bảo vệ tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam năm 2014. Luận án tiến sĩ luật học của Nguyễn Đức Thái, “*Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam*”, bảo vệ năm 2015 tại trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, luận án đã tiếp cận dưới góc độ việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam từ khi có BLTTHS năm 1988 đến BLTTHS năm 2003.

Các tác giả đã đưa ra định nghĩa và chỉ ra bản chất pháp lý của khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam theo quan niệm của các tác giả; luận giải cơ sở của việc thiết lập quy định khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, làm rõ thực trạng của việc áp dụng quy định này trong thời gian qua (đến BLTTHS năm 2003), từ đó các tác giả kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật thực định.

Nhận xét: nhìn chung các bài viết, công trình nghiên cứu về vấn đề khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam dưới góc độ quy định pháp luật và thực hiện pháp luật thực định, các tác giả đã trình bày một cách hệ thống các quyền của người bị hại trong vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của họ; làm rõ địa vị pháp lý của người bị hại, nêu ra khái niệm và bản chất pháp lý và các đặc điểm của khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại dưới góc nhìn của tác giả; chỉ ra cơ sở thiết lập của quy định này trong pháp luật tố tụng hình sự; các tác giả cũng đã tập trung vào việc chỉ ra những điểm còn hạn chế, bất cập trong những quy định của BLTTHS hiện hành và những vướng mắc khi áp dụng trong thực tế; một số tác giả đã dùng biện pháp so sánh luật để chỉ ra sự tương đồng và khác biệt của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam với pháp luật một số quốc gia để rút ra các kinh nghiệm cho Việt Nam, từ đó đề xuất hoàn thiện pháp luật.

Tuy vậy, điểm hạn chế của các công trình là chưa tập trung lý giải cơ sở lý luận, triết lý làm cơ sở quy định pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự; chưa làm sáng tỏ các đòi hỏi và các yếu tố xã hội nào chi phối việc quy định pháp luật và điều chỉnh pháp luật

về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự ở các giai đoạn nhất định; chưa có công trình nào tập trung đánh giá vai trò và mức độ hoàn thiện của các quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự; phương pháp tiếp cận còn thiếu vắng yêu cầu tiếp cận dưới góc độ liên ngành, đa ngành khi nghiên cứu hiện tượng pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự. Các chuyên khảo nghiên cứu pháp luật thực định (BLTTHS năm 2003) mà chưa có điều kiện trao đổi các vấn đề pháp lý mới của BLTTHS năm 2015.

1.2.2. Nghiên cứu về điều chỉnh pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại: bao gồm các nội dung phạm vi đối tượng điều chỉnh; phương pháp điều chỉnh; cơ chế điều chỉnh điển hình có các bài của tác giả: TS. Trần Quang Tiệp, “*Một số vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại*”, đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 01/2006 tr 29; TS. Phạm Mạnh Hùng, “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc khởi tố vụ án và kiểm sát khởi tố vụ án*”, Tạp chí Kiểm sát số 02/2007 tr 29; Lưu Bình Dương, (2016), “*Vấn đề hòa giải tại công đồng trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và những vấn đề pháp lý đặt ra*”, Tạp chí Khoa học kiểm sát số 03/2016, tr 30; TS. Phạm Mạnh Hùng, (2016), “*Vấn đề khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*”, Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 03/2016 tr 03; Lưu Bình Dương, (2016), “*Cần sửa đổi quy định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự để đáp ứng yêu cầu tự do kinh doanh, thương mại hiện nay*”, Tạp chí Công Thương số 8/2016, tr 33.

Nhận xét: trong công trình các tác giả cũng chỉ ra được một số yêu cầu về pháp luật và điều chỉnh pháp luật đối với việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại mà nhu cầu xã hội đặt ra ở các thời kỳ khác nhau; chỉ ra được triết lý tố tụng nhất định để quy định pháp luật về nội dung này; chỉ ra được nội dung và đối tượng điều chỉnh của pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại. Tuy nhiên, còn thiếu vắng các luận giải về phương pháp điều chỉnh, cơ chế điều chỉnh pháp luật về nội dung việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại; thiếu vắng các so sánh quốc tế về nội dung này.

1.2.3. Nghiên cứu đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại: bao gồm đánh giá về mức độ và hiệu quả của tố tụng hình sự đạt được khi thực hiện các quy định pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại đã có một số tác giả: TS. Trần Quang Tiệp, “*Một số vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại*”, đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 01/2006 tr 29; TS. Phạm Mạnh Hùng, “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc khởi tố vụ án và kiểm sát khởi tố vụ án*”, Tạp chí Kiểm sát số 02/2007 tr 29. TS. Phạm Mạnh Hùng, (2016), “*Vấn đề khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*”, Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 03/2016 tr 03; Lưu Bình Dương, (2016), “*Cần sửa đổi quy định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự để đáp ứng yêu cầu tự do kinh doanh, thương mại hiện nay*”, Tạp chí Công Thương số 8/2016, tr 33; Bài của PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí, trao đổi về “*hoàn thiện pháp luật về quyền con người trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự*” (Chương 10 Khởi tố vụ án hình sự), giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia năm 2013, tr 310 – 311; Bài viết “*Đảm bảo quyền con người trong tố tụng hình sự theo tinh thần đổi mới của Hiến pháp năm 2013*” của GS.TSKH Đào Trí Úc, đăng trong sách Thực hiện các quyền hiến định trong Hiến pháp năm 2013, Nhà xuất bản Hồng Đức năm 2015.

Điềm qua tình hình nghiên cứu về nội dung cho thấy: có khá nhiều các tác giả nghiên cứu vấn đề dưới nhiều góc độ thi hành pháp luật để đánh giá về nhu cầu hoàn thiện pháp luật, đánh giá về mức độ và hiệu quả của tố tụng hình sự đạt được khi thực hiện các quy định pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại. Song các tác giả chủ yếu tập trung luận giải trong vai trò của pháp luật thực định (BLTTHS năm 2003 hoặc BLTTHS năm 2015), mà chưa luận giải nhu cầu hoàn thiện từ đời sống xã hội, luận giải trên cơ sở các triết lý và mục đích tố tụng Việt Nam lựa chọn trong mô hình tố tụng đang hiện hữu; các tác giả cũng chưa đưa ra được các dự báo khoa học về nhu cầu và biện pháp điều chỉnh về quy định này trong thời gian tới. Đây thực sự là những vấn đề còn thiếu vắng nhất định mà khoa học luật tố tụng hình sự cần nghiên cứu phát triển.

1.2.4. Đánh giá tình hình nghiên cứu đã đạt được liên quan đến đề tài Luận án

Qua nghiên cứu các tài liệu, công trình có liên quan đến đề tài nghiên cứu “Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam” từ trước đến nay trên thế giới và ở Việt Nam mà nghiên cứu sinh tiếp cận được, tác giả đưa ra một vài đánh giá về những kết quả nghiên cứu trước đây đã đạt được:

Về mặt lý luận:

- Các nghiên cứu đã xác định rõ: về khái niệm, đặc điểm của người bị hại trong vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của họ (như luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh Đinh Thị Mai, Lê Nguyên Thanh); đồng thời cũng đã chỉ ra khái niệm, đặc điểm của khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam; có tác giả nêu bản chất pháp lý của khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại chính là “quyền buộc tội của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam”, đây là quyền có tính chất tư tố; việc thực hiện quyền của người bị hại là điều kiện phát sinh quyền công tố của nhà nước nằm trong giới hạn quyền công tố; chỉ ra cơ sở để nhà nước thiết lập quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự (như luận án của Nguyễn Đức Thái) [49],[82], [84].

- Các công trình nghiên cứu đã xác định quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là quy định quan trọng “về quyền của người bị hại” để bảo vệ người bị hại trước tội phạm với tư cách là quyền con người trong tư pháp hình sự, nhà nước dành cho họ quyền năng pháp lý để định đoạt số phận pháp lý của người đã thực hiện hành vi tội phạm đối với họ trong phạm vi pháp luật quy định. Việc thực hiện quyền năng tư pháp này làm căn cứ hình thành và chấm dứt tố tụng hình sự với vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại; các nghiên cứu đã đồng thời có so sánh với pháp luật của một số nước gần và cùng mô hình tố tụng Việt Nam như: Liên bang Nga, CHLB Đức, Trung Quốc để thấy điểm tương đồng và khác biệt. [32],[76],[90].

- Một số công trình nghiên cứu cũng đã chỉ ra những yếu tố cần thiết phải quy định trách nhiệm nhà nước trong bảo đảm quyền yêu cầu như: các bảo đảm

thực hiện quyền của người bị hại khi họ tự thể hiện ý chí bằng việc hòa giải, thương lượng, rút đơn; so sánh lợi ích của người bị hại khi cân nhắc thực hiện quyền; đề xuất mở rộng quy định của quyền này sang một số tội danh cho phù hợp yêu cầu thực tiễn và có đối chiếu tham khảo với pháp luật một số nước [20, tr.30 - 36], [21, tr.33-36], [32], [49],[90].

Đây là những kết quả lý luận quan trọng mà các tác giả trước đó đã đạt được, cung cấp cho nghiên cứu sinh cái nhìn tổng quan về tình hình nghiên cứu lý thuyết với đề tài, đó cũng là cơ sở để nghiên cứu sinh kế thừa làm sáng tỏ hơn trong các nghiên cứu của mình.

Với các nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự nước ngoài tác giả tiếp cận được đã cung cấp cho tác giả cái nhìn toàn diện về “Quyền tư tố” hay “Quyền truy tố cá nhân” trong tố tụng hình sự của họ dưới giác độ luật so sánh; từ đó tác giả có cái nhìn đa chiều, có cơ sở để nghiên cứu so sánh với thực trạng pháp luật Việt Nam, làm cơ sở luận giải và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về quy định này.

Về mặt thực tiễn:

Các nghiên cứu chỉ ra với quy định này trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam quyền của người bị hại được quan tâm bảo vệ; người bị hại dành được thế chủ động khi yêu cầu thực hiện thủ tục tố tụng hình sự với vụ án mà họ là người bị thiệt hại để tự bảo vệ mình.

- Các nghiên cứu cũng chỉ ra nhiều tồn tại trong quá trình áp dụng quy định của BLTTHS về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại ở những nội dung: thủ tục công nhận người bị hại; quy trình và nội dung thực hiện quyền; việc thực hiện quy định này vào xử lý đối với một số trường hợp cụ thể có nhiều bất cập.

Các nghiên cứu thực tiễn đã mang lại bức tranh sinh động, chứng minh sức sống của quy định trong thực tế đó là các cơ sở khoa học rất có giá trị để nghiên cứu sinh tổng kết thực tiễn, tiếp thu các kết quả nghiên cứu đã thu được, kiến nghị hoàn thiện chế định này trong đề tài luận án.

- Về nội dung hướng nghiên cứu của các công trình đã công bố: hầu hết đề cập về nội dung “việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố

tụng hình sự Việt Nam” mà chưa có công trình nào nghiên cứu sâu sắc, toàn diện về “thực trạng pháp luật và điều chỉnh pháp luật” về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam để luận giải, đánh giá về các nội dung quy định pháp luật: về nội dung, đối tượng, phương thức điều chỉnh, hiệu quả điều chỉnh pháp luật, các yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay.

- Các nghiên cứu về “thực trạng pháp luật và điều chỉnh pháp luật” về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam đã công bố mang tính chất đơn lẻ, cũng chỉ dừng lại ở phạm vi bài báo khoa học, một phần trong sách chuyên đề, mà chưa có tác giả nào nghiên cứu trong phạm vi Luận án tiến sĩ Luật học.

1.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tổng hợp các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến luận án, tác giả xác định các vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án này là:

- *Thứ nhất*, nghiên cứu, phân tích làm rõ nội hàm khái niệm pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam; làm rõ cơ sở lý luận về nội dung, vai trò và những yếu tố tác động đến pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam.

- *Thứ hai*, nghiên cứu làm rõ quá trình hình thành và phát triển, thực trạng pháp luật và thực trạng thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam; đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay; so sánh với pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới để rút ra kinh nghiệm tham khảo vận dụng trong xây dựng pháp luật, thực hiện pháp luật, xác định nhu cầu và biện pháp điều chỉnh pháp luật về quy định này.

- *Thứ ba*, làm rõ và luận giải bằng cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn những yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật và hoàn thiện cơ chế điều chỉnh pháp luật về

khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam; khuyến nghị các dự báo, giải pháp hoàn thiện pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam thời gian tới.

Để giải quyết các vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án, nghiên cứu sinh dựa trên cơ sở lý thuyết, đặt ra câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu và hướng tiếp cận sau đây:

1.3.1. Cơ sở lý thuyết

Luận án sử dụng một số lý thuyết sử dụng khi nghiên cứu sau đây:

- Lý thuyết chung mà luận án dùng để tiếp cận được thực hiện trên cơ sở học thuyết Mác Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về định hướng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế; tư tưởng và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; tư tưởng và yêu cầu của Hiến pháp 2013 về ghi nhận, bảo vệ và thực hiện các quyền con người phổ quát.

- Lý thuyết mà luận án tiếp cận nghiên cứu cụ thể là quan điểm của Đảng, nhà nước về tính thống nhất của quyền lực nhà nước vào phân tích điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự làm rõ: nguyên lý quyền công tố trong tố tụng hình sự Việt Nam, nguyên lý trách nhiệm xử lý tội phạm thuộc về nhà nước, nguyên tắc bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự; nguyên lý về phối hợp và kiểm soát trách nhiệm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong giải quyết vụ án hình sự...

- Lý thuyết về chính sách hình sự và phòng ngừa tội phạm;
- Lý thuyết bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự;
- Lý thuyết về tính hiệu quả trong tố tụng hình sự.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

- *Câu hỏi thứ nhất.* Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại được tiếp cận dưới góc độ nào? Bản chất và đặc điểm của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam?

- *Câu hỏi thứ hai.* Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay?

- *Câu hỏi thứ ba.* Vai trò, hiệu quả điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong giải quyết vụ án hình sự ở Việt Nam? Những yếu tố tác động ảnh hưởng đến điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại hiện nay?

- *Câu hỏi thứ tư.* Thực trạng pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam? Còn những tồn tại, bất cập nào?

- *Câu hỏi thứ năm.* Các giải pháp hoàn thiện và đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam?

1.3.3. Giả thuyết nghiên cứu:

Thứ nhất, khái niệm, nội dung pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay chưa rõ ràng, chưa đầy đủ được tiếp cận khác nhau.

Thứ hai, cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam như hiện nay chưa đầy đủ, chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới về tố tụng hình sự trong nhà nước pháp quyền.

Thứ ba, điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam còn chưa rõ ràng, bất cập, thiếu tính hệ thống, còn nhiều hạn chế trong bảo vệ quyền con người trong tư pháp hình sự. Những yếu tố tác động ảnh hưởng đến điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại chưa được đánh giá đầy đủ.

Thứ tư, thực trạng pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam còn nhiều bất cập, hạn chế, vướng mắc, thiếu nhất quán.

Thứ năm, chưa có các phương hướng rõ ràng về mặt lý luận và thực tiễn để hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam theo hướng bảo vệ tốt hơn quyền của người bị hại trong vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của họ. Các giải pháp chưa đồng bộ, thiếu tính khả thi, tính dự báo để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự.

1.3.4. Hướng tiếp cận của luận án

- *Tiếp cận hệ thống*: tác giả đặt vấn đề nghiên cứu trong cả hệ thống vấn đề chung của tố tụng hình sự, coi quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại là một quyền đặc thù của người bị hại trong tố tụng hình sự. Đặt mối quan hệ pháp luật tố tụng hình sự với hệ thống các ngành luật khác. Khi phân tích từng nội dung đều phải áp dụng nguyên tắc hệ thống để giải quyết, tách rời nguyên tắc hệ thống sẽ không tìm được đúng bản chất của vấn đề nghiên cứu.

- *Tiếp cận lịch sử*: quan điểm lịch sử cụ thể là yêu cầu của nguyên tắc biện chứng khi giải quyết vấn đề nghiên cứu. Phương pháp tiếp cận này luôn đòi hỏi nghiên cứu, phân tích đánh giá vấn đề khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự phải đặt trong bối cảnh cụ thể của các giai đoạn hoàn thiện pháp luật, xem xét đánh giá các yếu tố nào chi phối đến việc xây dựng pháp luật và điều chỉnh pháp luật về nội dung này.

- *Tiếp cận liên ngành*: đây là cách tiếp cận phổ biến hiện nay trong khoa học luật vì khoa học luật là bộ phận nghiên cứu của khoa học xã hội, trong đó các ngành khoa học nghiên cứu xã hội hiện nay đan xen nhau, bổ sung cho nhau, lý giải các vấn đề nghiên cứu của nhau, phản ánh các khái niệm đồng nhất nên cần phải tiếp cận liên ngành. Áp dụng phương pháp này trong nghiên cứu pháp luật và điều chỉnh pháp luật khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự trong mối quan hệ tiếp cận ngành luật với các ngành khoa học xã hội, ngành kinh tế, chính trị khác; đặt chuyên ngành luật tố tụng hình sự trong mối quan hệ với các chuyên ngành luật hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật hiến pháp...

- Luận án sẽ kế thừa có chọn lọc, phân tích, bình luận các kết quả nghiên cứu đã được công bố trước đề tài, từ đó tác giả đưa ra quan điểm của mình về vấn đề nghiên cứu.

- Qua việc nghiên cứu đề tài, tác giả sẽ đánh giá toàn bộ các quy định pháp luật hiện hành đối với quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, chỉ ra những mặt đạt được, làm rõ những hạn chế và tìm ra định hướng khắc phục, hoàn thiện kiến nghị với Đảng, Nhà nước ban hành chính sách pháp luật phù hợp bảo vệ tốt hơn quyền của người bị hại trong vụ án hình sự.

Kết luận chương 1

Pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam là vấn đề mới ở mỗi giai đoạn phát triển, đang từng bước hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, bảo vệ tốt hơn quyền con người trong tư pháp hình sự. Do vậy trong thực tiễn và lý luận còn nhận thức khác nhau, các công trình nghiên cứu còn chưa nhiều và chưa chuyên sâu.

Việc đánh giá tình hình nghiên cứu ở Việt Nam, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề tài nghiên cứu Luận án là cơ sở để nghiên cứu sinh xác định được mục đích nghiên cứu, đối tượng và phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp. Đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài, giúp cho nghiên cứu sinh có được tri thức của các tác giả đi trước về hướng nghiên cứu để kế thừa, đồng thời phát hiện ra các vấn đề chưa được giải quyết từ đó nghiên cứu sinh đưa ra câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu phù hợp. Nhiệm vụ của luận án là phân tích làm sáng tỏ các vấn đề chính sau đây ở chương 2 và 3 của Luận án: chỉ rõ bản chất và đặc điểm, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng và nội dung của điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam. Trên cơ sở đó chỉ ra các bất cập, hạn chế, tồn tại của quy định pháp luật hiện hành về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, kiến nghị đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quy định pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

2.1. Điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự

2.1.1. Sự cần thiết khách quan của nhu cầu điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại ở Việt Nam

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nghiêm trọng nhất, gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội mà nhà nước bảo vệ, bằng các quy định của pháp luật hình sự, nhà nước xác định những hành vi nguy hiểm nào là tội phạm và quy định hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi. Để xử lý hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm nhà nước phải quy định một trình tự thủ tục, quy trình, các bước chặt chẽ bảo đảm việc xử lý chủ thể thực hiện hành đó là có cơ sở, khách quan, công bằng, minh bạch, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm, bảo vệ quyền con người. Trình tự, thủ tục để giải quyết một vụ án hình sự bao gồm các bước khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được gọi là thủ tục tố tụng hình sự (gọi tắt là tố tụng hình sự).

Tố tụng hình sự là trình tự (quá trình) tiến hành giải quyết vụ án hình sự theo quy định của pháp luật (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự) [100, tr.09]. Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu tiên của tố tụng hình sự, giai đoạn này có nhiệm vụ đánh giá vụ việc đang giải quyết để đưa đến kết luận có hay không có dấu hiệu tội phạm để quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự nhằm khẳng định về mặt pháp lý có hay không có tội phạm xảy ra. Theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, về nguyên tắc, việc khởi tố vụ án hình sự là hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền được pháp luật quy định không phụ thuộc vào ý chí của ai ngoài nhà nước như người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... Nội dung này xuất phát từ nguyên tắc công tố của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam là nghĩa vụ xử lý tội phạm thuộc về nhà nước. Pháp luật tố tụng hình sự của bất kỳ nhà nước nào đều có mục đích chung là trừng trị và phòng ngừa tội phạm,

bảo vệ các quan hệ xã hội đã xác định, trật tự pháp luật và quyền con người, quyền công dân. Bên cạnh nguyên tắc chung về xử lý tội phạm pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam còn quy định những trường hợp riêng biệt, đặc thù là việc khởi tố vụ án hình sự phụ thuộc vào ý chí của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ (sau đây Luận án gọi chung là người bị hại) bằng quy định “khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại”.

Quy định pháp luật “khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại” xác định một số trường hợp riêng biệt, đặc thù đó là các trường hợp hành vi phạm tội xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cá nhân người bị hại, trong trường hợp này pháp luật dành để người bị hại có quyền lựa chọn cách thức bảo vệ quyền của mình bằng việc có hay không việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự để bảo vệ quyền của họ. Tuy nhiên, khi quy định cho người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự thì việc thực hiện quyền này cũng phải trên cơ sở quy định của pháp luật.

Việc giới hạn về quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại phải được xác định rõ về: chủ thể, phạm vi các tội phạm được quyền yêu cầu, phạm vi thực hiện quyền và hậu quả pháp lý xuất phát từ việc người bị hại thực hiện quyền này, phải được điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự. Sự cần thiết điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại được lý giải bởi các lý do sau đây:

***Thứ nhất**, điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự là biện pháp đặc trưng có hiệu quả nhất cần áp dụng để bảo đảm quyền của người bị hại*

Khởi tố vụ án hình sự nói chung và khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại nói riêng là hoạt động chính thức phát động quy trình tố tụng đối với vụ án hình sự, xác nhận về mặt pháp lý một vụ án hình sự đã xảy ra và nhà nước phải có trách nhiệm giải quyết đối với vụ án đó, có ý nghĩa chính trị, pháp lý rất quan trọng. Vì vậy, nhà nước dùng pháp luật tố tụng hình sự để điều chỉnh với lý do: điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự mang các đặc trưng mà các biện pháp điều chỉnh khác không có như tính quy phạm phổ biến, tính bắt buộc chung, tính

cưỡng chế, đồng thời mang tính chất riêng biệt của biện pháp điều chỉnh trong tố tụng hình sự.

Pháp luật tố tụng hình sự thừa nhận có một số trường hợp phạm tội được khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là xác nhận quyền đặc thù của người bị hại trong tố tụng hình sự. Đây là biện pháp bảo vệ cao nhất, là việc nhà nước thông qua công cụ là Bộ luật hình sự (BLHS) tác động vào chủ thể thực hiện hành vi tội phạm, buộc họ phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi là hình phạt đối với hành vi mà họ gây ra, hình phạt có tính răn đe cao tác động mạnh mẽ vào ý thức người phạm tội.

Nhà nước bằng pháp luật tố tụng hình sự điều chỉnh việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại để xác nhận, ghi nhận các nội dung: chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố, giới hạn về các hành vi và phạm vi thực hiện quyền, biện pháp thực hiện quyền và hậu quả pháp lý của việc thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại, để từ đó thiết lập cơ chế điều chỉnh bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của người bị hại trong tố tụng hình sự.

Phương pháp điều chỉnh của pháp luật tố tụng hình sự là phương pháp quyền uy, nghĩa là thể hiện sức mạnh của nhà nước thông qua các biện pháp bảo đảm của nhà nước (bằng sức mạnh cưỡng chế). Do đó điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự với việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại thông qua quy định quyền và nghĩa vụ của người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ đồng thời xác định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT) bảo đảm quyền của người bị hại khi họ thực hiện quyền, sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để người bị hại, nhà nước thực hiện quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ pháp luật tố tụng hình sự.

Thứ hai, điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự với việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại xuất phát từ hiệu quả của chính sách hình sự và các biện pháp pháp lý hình sự

Mỗi nhà nước tồn tại và hoạt động đều phải duy trì một quan điểm học thuyết định hướng phát triển, trong tổng thể các loại chính sách của nhà nước có chính sách phòng chống tội phạm (chính sách hình sự). Chính sách hình sự là một

bộ phận của chính sách pháp luật, thể hiện phản ứng của nhà nước, của xã hội đối với các hành vi phạm tội và người phạm tội, mặt khác đó là chính sách, đường hướng cho việc tổ chức đấu tranh và phòng chống tội phạm. Nói cách khác chính sách hình sự là chính sách về tội phạm và về tổ chức đấu tranh phòng, chống tội phạm [48].[104, tr.182-184].

Thông qua chính sách hình sự ở mỗi thời kỳ, quốc gia xác định được ra loại quan hệ pháp luật nào ưu tiên (giới hạn) cần điều chỉnh bằng pháp luật hình sự. Về bản chất đây chính là việc phải xác định phạm vi của nhu cầu điều chỉnh bằng pháp luật hình sự, nhu cầu này phải căn cứ vào hệ thống các yếu tố chủ quan và khách quan như: trình độ phát triển về kinh tế, xã hội, văn hóa và bối cảnh xã hội của quốc gia ở mỗi giai đoạn nhất định [48]. Khi đã xác định được nhu cầu điều chỉnh bằng pháp luật hình sự (quy định hành vi nào, ở mức độ nào là tội phạm) thì cần phải xác định phương pháp điều chỉnh nó (biện pháp tác động nó) để đạt mục tiêu đề ra.

Nhà nước quy định để người bị hại trong tố tụng hình sự được lựa chọn giải pháp thực hiện bảo vệ quyền của họ bằng việc yêu cầu khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự đối với một số tội phạm nhất định gây ra hậu quả cho họ là một biện pháp của chính sách hình sự trong xử lý tội phạm. Căn cứ vào chính sách hình sự ở từng giai đoạn, sự tăng hay giảm số lượng tội phạm mà BLHS quy định bằng quyền yêu cầu của người bị hại là nhu cầu khách quan về phòng ngừa tội phạm, đấu tranh phòng chống tội phạm để điều chỉnh bằng pháp luật ở mỗi giai đoạn cụ thể. Đây cũng chính là lý luận về vai trò của các biện pháp pháp lý nói chung và của biện pháp hình sự nói riêng:

- Biện pháp pháp lý nói chung là việc xác định nhu cầu điều chỉnh bằng pháp luật và xác định phương pháp điều chỉnh các quan hệ xã hội cần thiết trong xã hội bằng pháp luật nên tăng hay giảm cho phù hợp, việc tăng hay giảm các quan hệ xã hội cần sự can thiệp (điều chỉnh) bằng pháp luật chính là xác định vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

- Điều chỉnh xã hội bằng pháp luật hình sự là biện pháp nghiêm khắc nhất trong các biện pháp mà nhà nước áp dụng để điều chỉnh xã hội, biện pháp điều chỉnh của pháp luật hình sự càng ít sự lựa chọn trong giải quyết từng quan hệ pháp

luật cụ thể thì cũng đồng nghĩa với pháp luật càng nghiêm khắc; nếu đa dạng các biện pháp điều chỉnh quan hệ pháp luật hình sự sẽ đồng nghĩa với sự mềm dẻo, giảm bớt nghiêm khắc trong giải quyết các hành vi bị coi là tội phạm. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam giai đoạn (từ năm 1945 đến 1988 trải qua 43 năm) nhà nước chỉ quy định biện pháp pháp lý duy nhất là quyết định việc truy tố kẻ phạm tội là thuộc về quyền của nhà nước (quyền công tố của nhà nước). Từ năm 1988, với việc ban hành BLTTHS, nhà nước bắt đầu ghi nhận quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại ở 06 tội phạm, đến nay là 17 tội phạm². Đây là minh chứng cho việc áp dụng biện pháp hình sự nói riêng có nhiều hướng phát triển thay thế dần các biện pháp nghiêm khắc của pháp luật hình sự giai đoạn trước, phù hợp tình hình kinh tế - xã hội, ý thức pháp luật của người dân trong xã hội hiện tại.

Thứ ba, điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự với việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại xuất phát từ phương diện mục đích của pháp luật hình sự

Pháp luật hình sự xác định rõ mục đích bảo vệ là quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước và trật tự xã hội, các giá trị khác chống lại mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm (Điều 01 BLHS năm 1985, năm 1999, năm 2015). Như vậy, mục đích bảo vệ, đấu tranh, phòng ngừa và trừng trị là một thể thống nhất của pháp luật hình sự, trong đó lấy phòng làm chính, coi trọng mục đích bảo vệ, xử lý công minh, nghiêm khắc hành vi phạm tội. Để đạt mục tiêu này nhà nước cần sử dụng các biện pháp tổng hợp để đạt mục tiêu kiểm soát, đẩy lùi tội phạm ở mức độ thấp nhất; coi tội phạm là sai lệch xã hội do những yếu tố xã hội gây ra. Vì vậy, muốn loại trừ tội phạm phải khắc phục các nguyên nhân xã hội gây ra tội phạm; còn xử lý tội phạm chỉ là biện pháp mang

² 17 Tội phạm BLHS năm 1999 quy định là: Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác; Điều 105. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại Các cho sức khỏe của người khác trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh; Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; Điều 107. Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong khi thi hành công vụ; Điều 109. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính; Điều 111. Tội hiếp dâm; Điều 113. Tội cưỡng dâm; Điều 121. Tội làm nhục người khác; Điều 122. Tội vu khống; Điều 171. Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

tính sau cùng. Nhà nước ban hành ra pháp luật hình sự để điều chỉnh xã hội, nhưng tiếp cận dưới nguyên lý mục đích và tính hiệu quả xã hội của luật hình sự cho thấy rằng “chỉ nên sử dụng pháp luật hình sự như giải pháp sau cùng khi tất cả các giải pháp khác đã được áp dụng tỏ ra không hiệu quả” [104, tr.73].

Tổ tụng hình sự Việt Nam duy trì triết lý xử lý tội phạm thuộc về nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tế không ít những tội phạm xảy ra gây thiệt hại cho cả lợi ích nhà nước, xã hội và cá nhân người bị hại. Có nhiều tội phạm gây ra những thiệt hại không chỉ về vật chất mà cả những thiệt hại nghiêm trọng về mặt tinh thần đối với người bị hại. Việc khởi tố hình sự, xử lý người phạm tội trong những trường hợp đó, mặc dầu nhằm góp phần giữ nghiêm trật tự kỷ cương và mang lại lợi ích cho xã hội, nhưng chính việc khởi tố, điều tra, truy tố xét xử đó lại gây ra tiếp những tổn thương về tinh thần cho người đã bị tội phạm gây thiệt hại. Vì vậy, nhà nước xác lập một khả năng, điều kiện để người bị hại được cân nhắc tính toán khởi tố như thế có quá bất lợi cho cả lợi ích của họ hay không. Điều này cũng biểu hiện một khía cạnh của nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam [128, tr.234].

Việc nhà nước điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự với việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại chính là việc áp dụng các khả năng để cho người bị hại lựa chọn biện pháp xử lý tội phạm gây ra cho mình, nếu không lựa chọn biện pháp khác phù hợp với pháp luật thì biện pháp yêu cầu xử lý về hình sự là biện pháp cuối cùng của người bị hại.

Thứ tư, điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự với việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại xuất phát từ phương diện về phòng ngừa tội phạm và phụ thuộc mô hình phòng, chống, kiểm soát tội phạm

Qua nghiên cứu tư pháp hình sự của một số nước, có thể thấy rằng: việc quy định cho bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự còn phụ thuộc kiểu tố tụng mà quốc gia thực hiện. Trên thế giới hiện nay tồn tại ba kiểu tố tụng là: kiểu tố tụng tranh tụng, kiểu tố tụng thẩm vấn và kiểu tố tụng có sự đan xem giữa thẩm vấn và tranh tụng. Với mỗi kiểu tố tụng đó hình thành mô hình tương ứng: kiểu tố tụng thẩm vấn hình thành nên mô hình kiểm soát tội phạm; kiểu tố tụng tranh tụng hình thành nên mô hình tố tụng công bằng [116, tr.81-85].

Trong mô hình tố tụng công bằng (kiểu tố tụng tranh tụng), tố tụng nhấn mạnh một quy trình tìm kiếm bằng chứng nặng tính hình thức thông qua tranh tụng, trong mô hình này đặt ra nguyên tắc đòi hỏi vị trí bình đẳng của các bên tranh tụng, xác định trách nhiệm và khả năng chứng minh của các bên trong quá trình tố tụng đối với vụ án. Các nước theo mô hình này thừa nhận “quyền tư tố”. Đồng thời với việc ghi nhận quyền tư tố còn quy định thủ tục riêng biệt với án tư tố (thủ tục tố tụng đối với vụ án tư tố). Quyền tư tố được coi là quyền riêng tư của người bị hại cho phép cá nhân người bị hại có quyền hòa giải, thỏa thuận với người phạm tội đã dẫn đến tình trạng nhiều vụ án nghiêm trọng không bị xét xử và trừng trị. Chính từ thực tế này, dần dần nhà nước thấy cần thiết phải can thiệp vào quá trình giải quyết các vụ án tư tố trong các trường hợp người bị hại không muốn thực hiện quyền tư tố nhằm bảo vệ các lợi ích công cộng. Vì vậy, xu thế quyền tư tố dần bị hẹp lại trở thành thứ yếu; cơ chế vận hành của hệ thống tư pháp hình sự đã có sự thay đổi cơ bản. “Từ chỗ vận hành dựa vào tư tố là chủ yếu, tố tụng hình sự chuyển sang vận hành chủ yếu dựa vào quyền công tố” [86, tr.17-21].

Mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm (kiểu tố tụng thẩm vấn), có thiên hướng sử dụng quyền lực nhà nước và uy thế của các cơ quan nhà nước để chứng minh tội phạm. Nhà nước chủ động phát động tố tụng, thi hành tố tụng và chấm dứt tố tụng theo các điều kiện nhà nước đặt ra. Từ đó nhà nước cân nhắc hạn chế mức độ thấp nhất sự ràng buộc của cá nhân, tổ chức khác vào hoạt động của nhà nước trong lĩnh vực tố tụng. Trong mô hình này quyền tư tố được ghi nhận dưới nhiều hình thức khác nhau (quyền tư tố hoặc khởi tố theo yêu cầu của bị hại) nhưng vị trí vai trò bị giảm đi, nội dung của tư tố chỉ còn tồn tại trong một số ít tội danh có khung hình phạt thấp, là tội phạm ít nghiêm trọng, xâm hại đến khách thể trực tiếp là các quyền riêng tư của cá nhân về sức khỏe, tinh thần, uy tín. Nội dung và thủ tục pháp lý thực hành quyền tư tố cũng bị hạn chế, có nước chỉ quy định đây là quyền yêu cầu, đề nghị của người bị hại hoặc đại diện của họ, còn nhà nước giữ vai trò đứng ra truy tố tội phạm. “Nhà nước lấy từ bị hại nghĩa vụ điều tra, truy tố và phạt người phạm tội” [116, tr.118].

Mô hình tố tụng ở Việt Nam giai đoạn trước khi ban hành BLTTHS năm 2015 được đa số các nhà luật học thừa nhận là “mô hình tố tụng pha trộn”[70]. BLTTHS năm 2015 trên cơ sở kế thừa nguyên lý tố tụng trước đây thừa nhận công khai nguyên tắc tranh tụng. Vì vậy, mô hình tố tụng Việt Nam được đa số các nhà khoa học đều đi đến thống nhất “đặc điểm chung của mô hình tố tụng hình sự hiện nay ở nước ta về cơ bản là mô hình pha trộn nghiêng về thẩm vấn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, mô hình này đã tiếp thu một số điểm tiến bộ của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng, có vận dụng cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cụ thể của Việt Nam” [33, tr.63-64]. Mục đích của tố tụng được xác định là nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án để đấu tranh phòng chống tội phạm (kiểm soát tội phạm), nên nhà nước không quy định quyền tư tố, đồng thời khẳng định dứt khoát nguyên tắc công tố trong tố tụng. Việc nhà nước ghi nhận để người bị hại có “quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự”, nghĩa là chỉ thừa nhận người bị hại có quyền yêu cầu mà không có quyền khởi tố vụ án hình sự (phát động tố tụng) như quyền tư tố ở một số nước.

Lý luận này dựa trên quan điểm: trong nhà nước XHCN quyền công tố thuộc về nhà nước do viện kiểm sát đại diện; quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại cũng chỉ giới hạn trong phạm vi mà nhà nước thừa nhận đối với một số trường hợp nhất định, có tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi không cao, xâm hại đến thể chất, tinh thần, tài sản của cá nhân người bị hại. Thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại cũng chỉ trong phạm vi nhất định; đồng thời không có một thủ tục tố tụng riêng biệt, người bị hại thực hiện quyền mà không phải thực hiện nghĩa vụ chứng minh tội phạm, buộc tội như trong thủ tục tư tố đối với vụ án. Trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại duy trì quyền công tố và buộc tội là thuộc về nhà nước.

Thứ năm, điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng hình sự với việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại xuất phát từ phương diện bảo vệ quyền con người, quyền công dân

Pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại xác định người bị hại (bị hại) gồm cá nhân và cơ quan, tổ chức trong đó số lượng tội phạm xâm hại

đến cá nhân là 16/17 tội phạm (xâm hại đến cơ quan, tổ chức là 01 tội phạm³) được quyền yêu cầu khởi tố. Vì vậy, trao quyền yêu cầu khởi tố vụ án cho bị hại trong đó chủ yếu là cá nhân là biện pháp quan trọng để bảo vệ quyền con người trong tư pháp hình sự.

Mục đích của pháp luật trong nhà nước pháp quyền hướng đến nhiều giá trị, trong đó có giá trị là bảo vệ quyền con người. Lý luận về quyền con người xác định về nội dung bảo vệ quyền con người gồm các yêu cầu là thừa nhận, bảo đảm và thực thi quyền con người như là yếu tố tự nhiên vốn có của nó, không phụ thuộc ý chí nhà nước [17, tr.46-47]. Trong lĩnh vực tư pháp hình sự nội dung thừa nhận đã được quy định rất sớm và rộng rãi; việc thừa nhận được nêu rõ từ các lĩnh vực thiết thân nhất như: bảo vệ quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do, quyền nhân thân đến danh dự, nhân phẩm... trong các tội danh cụ thể thông qua xác định khách thể và đối tượng bảo vệ của pháp luật hình sự. Về nội dung bảo đảm và thực thi về quyền con người trong pháp luật hình sự được xác lập bằng hai phương thức: là phương thức nhà nước tự quyết định biện pháp bảo vệ cho mọi công dân gọi là công tố và phương thức cá nhân được phép sử dụng quyền mà nhà nước ghi nhận và bảo đảm. Trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại ghi nhận quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự là việc ghi nhận, bảo đảm “quyền con người” ở phạm vi nhất định.

Vì vậy, tôn trọng quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự là việc để cho người bị hại có quyền tự do lựa chọn biện pháp bảo vệ quyền của họ mà họ coi là tốt nhất và thực hiện theo quy định pháp luật về “khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại”. Mục đích của quy định này là nhằm để người bị hại cân nhắc về mặt lợi ích nào cần đạt có lợi cho họ nhất: như lợi ích vật chất, tinh thần, lợi ích khác. Chỉ có họ (bị hại) mới có điều kiện đánh giá chính xác và tự quyết định trong giới hạn pháp luật cho phép. Tuy nhiên, việc xây dựng và áp dụng quy định này phải tính tới yếu tố bảo vệ lợi ích hợp pháp của mọi công dân khác và các lợi ích hợp pháp chung của Nhà nước, của xã hội, bảo đảm nguyên tắc nhà nước duy trì quyền công tố trong xử lý tội phạm. Điều này lý giải ngay trong trường hợp vụ án khởi tố

³ Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 171 BLHS năm 1999.

theo yêu cầu của người bị hại thì việc đấu tranh, bảo vệ quan điểm truy tố của viện kiểm sát (quan điểm buộc tội) vẫn do kiểm sát viên thực hiện, là nghĩa vụ, chức trách của họ, người bị hại có quyền mà không có nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ buộc tội.

Luật tố tụng hình sự là hình thức pháp lý để thực hiện thủ tục buộc tội chủ thể đã thực hiện tội phạm, mục đích của tố tụng hình sự là tìm ra sự thật khách quan vụ án, giải quyết hài hòa lợi ích. Tố tụng hình sự của bất kỳ hệ thống quốc gia và hệ thống pháp lý nào cũng đều phải thực hiện cùng lúc hai nhiệm vụ: vừa phải xác định cho được sự thật của vụ án, bảo đảm để công lý được thực thi, nhưng lại vừa phải làm thế nào để trên con đường đi tìm sự thật và công lý thì quyền của tất cả những ai có liên quan đều phải được tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ. “Cách duy nhất để thỏa mãn được yêu cầu đó là đổi mới cách nhìn về mục đích của tố tụng hình sự theo hướng bình đẳng đối với các giá trị, lợi ích cần đạt được của tố tụng hình sự giữa lợi ích của trật tự pháp luật và lợi ích của cá nhân những con người nằm trong vòng tố tụng” [46, tr.145-152]. Tiếp cận dưới góc độ về quyền đối với người bị hại trong tố tụng hình sự thì ghi nhận quy định khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại là việc bảo đảm quyền của người bị hại với tư cách quyền con người phù hợp mục đích của tố tụng hình sự hiện đại đã nêu trên. Đúng như quan điểm của GS.TS Hồ Trọng Ngũ “Ý nghĩa của việc quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là ở chỗ, một trong những mục tiêu quan trọng của cuộc đấu tranh với tội phạm mà Nhà nước và xã hội tổ chức là vì bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những con người, cá nhân công dân của Nhà nước, thành viên của xã hội đó” [128, tr 234].

Như vậy, cơ sở lý luận về sự cần thiết quy định pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam phải dựa trên các cơ sở lý luận chính đã nêu.

2.1.2. Khái niệm pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

Khi một sự kiện có dấu hiệu tội phạm xảy ra được thông tin đến các cơ quan bảo vệ pháp luật (cơ quan tiến hành tố tụng) làm phát sinh mối quan hệ giữa nhà

nước và các chủ thể có liên quan đến việc giải quyết sự kiện có dấu hiệu tội phạm. Mỗi quan hệ phát sinh giữa nhà nước và các chủ thể có liên quan đến việc giải quyết sự kiện có dấu hiệu tội phạm được một quy phạm pháp luật tổ tụng hình sự điều chỉnh trở thành quan hệ pháp luật tổ tụng hình sự. Tập hợp các quy phạm pháp luật tổ tụng hình sự điều chỉnh mỗi quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và các chủ thể có liên quan đến việc giải quyết sự kiện có dấu hiệu tội phạm để đạt mục tiêu nhà nước đặt ra trong tổ tụng hình sự gọi là pháp luật về tổ tụng hình sự.

Pháp luật tổ tụng hình sự là một bộ phận của pháp luật nói chung, vì vậy nó cũng có những đặc điểm chung của pháp luật. Tuy nhiên, xuất phát từ tính chất, đặc điểm, nội dung mỗi quan hệ pháp luật nó điều chỉnh là mỗi quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và các chủ thể có liên quan đến việc giải quyết sự kiện có dấu hiệu tội phạm nên nó có những đặc điểm riêng. Pháp luật tổ tụng hình sự là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do nhà nước ban hành thể hiện ý chí, lợi ích của nhân dân, được nhà nước bảo đảm thực hiện, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hình thành trong quá trình các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết sự kiện có dấu hiệu tội phạm nhằm bảo đảm mọi tội phạm đều được phát hiện, điều tra, xử lý nhanh chóng, chính xác, công minh, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Pháp luật tổ tụng hình sự có đối tượng điều chỉnh rất rộng bao gồm các quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể khác nhau trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự [100, tr.12]. Khởi tố vụ án hình sự là một phần của tổ tụng hình sự, hiện nay được giới nghiên cứu luật học tiếp cận dưới các giác độ sau:

Thứ nhất, với giác độ là giai đoạn của tổ tụng hình sự: khởi tố vụ án hình sự có thời điểm bắt đầu từ khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết tin báo tội phạm tiếp nhận thông tin về sự việc có dấu hiệu tội phạm theo thủ tục luật định để xem xét giải quyết, kết thúc khi cơ quan này ban hành một trong hai quyết định là “Quyết định khởi tố vụ án hình sự” khi xác định có dấu hiệu tội phạm hoặc “Quyết định không khởi tố vụ án hình sự” khi xác định không có dấu hiệu tội phạm.

Để khởi tố vụ án hình sự phải dựa trên các căn cứ và cơ sở mà BLTTHS quy định; Theo Điều 100 BLTTHS năm 2003, căn cứ để khởi tố vụ án hình sự là “dấu hiệu tội phạm” cụ thể trong phần các tội phạm của BLHS năm 1999; để xác định có dấu hiệu tội phạm thì phải dựa vào lý luận tội phạm, lý luận tội phạm xác định tội phạm là hiện tượng xã hội với bốn đặc điểm: (1) tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi; (2) tính có lỗi; (3) tính trái pháp luật hình sự; (4) tính chịu hình phạt⁴, chỉ khi xác định có đủ các đặc điểm của tội phạm thì mới có cơ sở xác định “có dấu hiệu tội phạm” và khi đó mới (có thể) ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Cơ sở để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự là sự việc có dấu hiệu tội phạm và được xác định bằng các nguồn thông tin chứa đựng dấu hiệu tội phạm. Các nguồn thông tin theo quy định tại Điều 100 BLTTHS năm 2003 bao gồm: tố giác của công dân; tin báo của các cơ quan, tổ chức; tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm; người phạm tội tự thú.

Như vậy, khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn của tố tụng hình sự nên có những đặc điểm chung của giai đoạn trong tố tụng hình sự: đây là phần độc lập của tố tụng hình sự liên quan đến các giai đoạn khác của tố tụng hình sự, có nhiệm vụ riêng; có chủ thể tiến hành tố tụng riêng biệt là CQTHTT và người tiến hành tố tụng đặc thù; có trình tự, thủ tục và các hành vi tố tụng riêng; có kết quả tố tụng là văn bản tố tụng riêng biệt [123, tr.526-527].

Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự có ý nghĩa quan trọng là giai đoạn đầu tiên của chu trình tố tụng hình sự, là cơ sở để tiến hành các giai đoạn tiếp sau đó; là cơ sở để đánh giá tính hợp pháp trong các hoạt động giải quyết vụ án, là cơ sở để bảo vệ công dân, quyền con người, quyền của các cơ quan tổ chức trong tố tụng hình sự. Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự mang tính chất kiên quyết, thể hiện thái độ của nhà nước trước tội phạm, là cơ sở để đấu tranh, phòng chống và kiểm soát tội phạm.

Thứ hai, giác độ hành vi và hậu quả tố tụng: khởi tố vụ án hình sự là quyết định của cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự đã quyết định việc khởi tố khi có đủ căn cứ luật định bằng văn bản. Quyết định khởi tố vụ án hình sự là hành

⁴ Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung), Khoa Luật, ĐHQGHN, Nhà xuất bản ĐHQGHN, năm 2003, tr.315 – 353.

vi tố tụng hình sự của một pháp nhân (chủ thể tiến hành tố tụng) có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự biểu hiện bằng một văn bản tố tụng hình sự xác định một sự kiện pháp lý xảy ra trong thực tế có dấu hiệu của tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự nhằm khởi phát những quan hệ tố tụng, mở đầu cho việc thực hiện những hành vi tố tụng cần thiết để làm rõ sự thật khách quan về sự kiện đó [128, tr.25].

Như vậy, khởi tố vụ án hình sự là hành vi tố tụng của chủ thể có thẩm quyền khởi tố mà luật định thể hiện ý chí của nhà nước trước sự việc có dấu hiệu tội phạm cần phải đưa vào quy trình tố tụng hình sự để điều tra, làm rõ và xử lý bằng pháp luật hình sự.

Thứ ba, dưới giác độ chế định luật của luật tố tụng hình sự: thì đây là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, căn cứ khởi tố vụ án hình sự. Chế định khởi tố vụ án hình sự với tính chất là chế định của ngành luật tố tụng hình sự tập hợp các quy pháp luật điều chỉnh nhóm quan hệ về khởi tố vụ án hình sự và các nội dung liên quan đến việc xác định có hay không dấu hiệu tội phạm của sự việc nhất định.

Dù được tiếp cận dưới giác độ nào thì khởi tố vụ án hình sự đều có vai trò quan trọng thể hiện ở các phương diện sau:

Ở phương diện kiểm soát và phòng ngừa tội phạm: khởi tố vụ án hình sự là biện pháp quan trọng nhằm ngăn chặn và phòng ngừa hành vi phạm tội, thể hiện sự phản ứng nhạy cảm và kịp thời của các cơ quan đấu tranh chống tội phạm nhằm xác định sự thật của vụ án và là tiền đề để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có tội, bảo đảm thực hiện nguyên tắc đã phạm tội thì phải bị trừng trị. Khởi tố vụ án hình sự là thể hiện nguyên tắc trách nhiệm của nhà nước trong khởi tố và xử lý vụ án hình sự được quy định tại Điều 13, BLTTHS năm 2003, Điều 18, BLTTHS năm 2015. Khởi tố vụ án hình sự có một ý nghĩa quan trọng trong đấu tranh chống tội phạm, nó chính thức công nhận sự tồn tại của một vụ án, khẳng định trên thực tế một sự kiện phạm tội đã xảy ra từ đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án trong việc xác định tội phạm và xử lý người phạm tội.

Ở phương diện pháp lý: khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu cho các giai đoạn tố tụng tiếp theo. Việc ra quyết định khởi tố vụ án sẽ làm phát sinh quyền hạn của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án khi thực hiện các hành vi tố tụng nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý nghiêm minh tội phạm và người phạm tội. Khi các cơ quan có thẩm quyền quyết định khởi tố vụ án hình sự là lúc bắt đầu áp dụng các quy định của pháp luật hình sự. Và cũng chính từ thời điểm áp dụng các quy định của luật hình sự thì cũng là lúc các quan hệ pháp luật hình sự được thực hiện. Giai đoạn đầu tiên để thực hiện các quan hệ pháp luật hình sự này chính là việc khởi tố vụ án hình sự.

Từ phân tích trên xác định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự là bộ phận của pháp luật tố tụng hình sự, chúng có những đặc điểm chung của pháp luật tố tụng hình sự, đồng thời có các đặc điểm riêng. Như vậy, có thể thấy pháp luật về khởi tố vụ án hình sự: *là tập hợp các nguyên tắc, quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa các chủ thể có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự với người tham gia tố tụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong quá trình các chủ thể có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự tiếp nhận, giải quyết thông tin về sự kiện có dấu hiệu tội phạm để quyết định việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự.*

BLHS Việt Nam quy định chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, cơ sở của trách nhiệm hình sự là tội danh cụ thể trong BLHS. Nghĩa là khi có đủ bốn yếu tố cấu thành tội phạm cụ thể phù hợp với giai đoạn phạm tội mà luật định thì hành vi của chủ thể thực hiện hành vi đó bị coi là tội phạm mà không đòi hỏi yếu tố khác.

Nói một cách khác: cấu thành tội phạm là yếu tố cần và đủ của trách nhiệm hình sự [30, tr.113],[95]. Tuy nhiên, đây là quy định của BLHS với tính cách là luật nội dung, trường hợp một chủ thể có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình hay không thì trong quy định của pháp luật tố tụng hình sự lại có quy định cụ thể đặc thù, đó là các trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại. “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là trường hợp đặc biệt mà do tính chất của vụ án và vì lợi ích của người bị hại, cơ quan có thẩm quyền không tự ý

quyết định việc khởi tố mà việc khởi tố vụ án hình sự được thực hiện theo yêu cầu của người bị hại”[128, tr.233].

Trong trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, BLTTHS ngoài việc thừa nhận quy định các yếu tố cấu thành tội phạm của BLHS như là “điều kiện cần”, còn quy định bổ sung căn cứ (điều kiện) về hình thức pháp lý là yêu cầu của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trước khi khởi tố vụ án là “điều kiện đủ”. Không có căn cứ (điều kiện) hình thức thì không được tiến hành khởi tố với vụ án. Điều này được luận giải bởi cơ sở lý luận và thực tiễn quy định chế định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Học thuyết Mác Lê nin về nhà nước và pháp luật nêu rõ: Nhà nước chỉ xuất hiện và tồn tại khi xuất hiện và tồn tại những mâu thuẫn đối kháng mang tính giai cấp không thể điều hòa được [57, tr.7-20]. Trong xã hội có nhà nước sẽ luôn tồn tại giai cấp thống trị và các giai cấp khác trong đó có cả những lực lượng thù địch chống đối lại nhà nước. Biểu hiện ở những hành vi vi phạm pháp luật chống lại ý chí của giai cấp thống trị đến mức nguy hiểm đe dọa đến quyền thống trị nhà nước của giai cầm quyền cần phải bị trừng trị. Muốn trừng trị kẻ vi phạm thì phải buộc được tội của họ. Quyền nhân danh nhà nước, nhân danh công quyền thực hiện sự buộc tội này chính là quyền công tố [108, tr.4-5]. Quyền công tố liên hệ chặt chẽ mật thiết với pháp luật hình sự, khi một hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm được thực hiện và bị phát giác sẽ làm phát sinh quan hệ pháp luật giữa một bên là nhà nước và một bên là người, tổ chức thực hiện hành vi phạm tội. Trong mối quan hệ này nhà nước là chủ thể sử dụng quyền lực công để truy cứu trách nhiệm hình sự người, tổ chức phạm tội; chủ thể của tội phạm phải gánh chịu các chế tài pháp luật hình sự do nhà nước đã quy định, sự buộc tội nhân danh công quyền gọi là “quyền công tố”. Quyền công tố chỉ có trong lĩnh vực hình sự mà không có trong các lĩnh vực khác. Công tố trở thành nguyên tắc chính thống của bất kỳ nhà nước nào [18, tr.167].

Như đã phân tích, mô hình tố tụng Việt Nam là “mô hình tố tụng xét hỏi”, tố tụng hình sự là một quá trình trải qua nhiều giai đoạn: khởi tố, điều tra, truy tố và

xét xử. Giai đoạn đầu tiên là giai đoạn khởi tố vụ án. Theo nguyên tắc công tố thì khởi tố vụ án hình sự là quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm duy trì trật tự ổn định xã hội và bảo vệ công lý, không phụ thuộc vào ý muốn cá nhân và không ai có thể can thiệp. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định (mà BLTTHS quy định), xuất phát từ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (trong đó chủ yếu là người bị hại chiếm 16/17 tội phạm), nhà nước quy định cho phép người bị hại lựa chọn quyền yêu cầu khởi tố hoặc không khởi tố vụ án. Đây là những trường hợp mà hành vi phạm tội vừa xâm phạm trật tự xã hội, vừa xâm phạm đến thể chất, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị hại. Những trường hợp này nếu khởi tố vụ án, lợi ích về mặt xã hội thu được có thể không lớn mà còn có khả năng làm tổn thương thêm về mặt tinh thần, uy tín cho người bị hại. Vì vậy, các nhà làm luật đã xác lập một khả năng, điều kiện để người bị hại cân nhắc, quyết định có yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý về mặt hình sự đối với hành vi phạm tội hay không xử lý. Với quy định đó, nhà làm luật tạo điều kiện cho người phạm tội có cơ hội thuận lợi để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, hạn chế việc gây thêm những tổn thất, mất mát về mặt tinh thần, danh dự không cần thiết có thể có đối với người bị hại.

Như vậy, có thể coi trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là “căn cứ hình thức” để khởi tố vụ án hình sự. Căn cứ pháp luật về nội dung (BLHS quy định) phải kết hợp với căn cứ pháp luật hình thức (BLTTHS) thì mới hình thành quyền công tố, duy trì chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự. Khi chưa có căn cứ hình thức thì chưa thể bắt đầu hoạt động tố tụng là khởi tố vụ án, đồng thời nếu đã bắt đầu tố tụng với vụ án thì việc người bị hại rút đơn yêu cầu sẽ làm mất đi một căn cứ để khởi tố vụ án cho nên vụ án phải được đình chỉ [123, tr.536-537].

Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là tập hợp các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa các CQTHTT (gồm cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án) với người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại khi họ có yêu cầu CQTHTT khởi tố vụ án hình sự đối với một số hành vi có dấu hiệu tội phạm xâm hại đến quyền và lợi ích hợp

pháp của người bị hại bằng quyết định khởi tố vụ án hình sự ở giai đoạn khởi tố vụ án hình sự.

Mặt khác, bên cạnh điều chỉnh mối quan hệ pháp luật phát sinh do việc thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại, pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại còn điều chỉnh mối quan hệ pháp luật trong quá trình tố tụng tiếp theo của vụ án như hành vi tự nguyện rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại và trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền này của người bị hại từ các CQTHTT đối với vụ án. Điều chỉnh về hậu quả của việc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại khi vụ án đã được khởi tố. Điều chỉnh về trách nhiệm pháp lý của người bị hại khi tham gia buộc tội tại phiên tòa.

Từ phân tích trên xác định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là bộ phận của pháp luật tố tụng hình sự, chúng có những đặc điểm chung của pháp luật tố tụng hình sự, đồng thời có các đặc điểm riêng, chúng tôi rút ra khái niệm pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại: *Pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam là tập hợp các nguyên tắc, quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự với người bị hại (hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại) khi họ yêu cầu khởi tố vụ án, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi có dấu hiệu tội phạm xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại.*

2.1.3. Đặc điểm của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

Ngoài những đặc điểm chung của pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật về khởi tố vụ án hình sự, pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại có một số đặc điểm riêng về: tính chất, phương thức điều chỉnh, cơ chế bảo đảm thực hiện việc điều chỉnh pháp luật, Luận án tập trung phân tích các đặc điểm sau đây:

2.1.3.1. Đặc điểm về tính chất điều chỉnh

Về nguyên lý chung của tố tụng hình sự Việt Nam vận hành theo nguyên tắc công tố, quy định trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự thuộc về nhà nước; trách nhiệm chứng minh hành vi phạm tội thuộc về nhà nước. Nội dung này xuất phát từ nguyên

lý “lợi ích của nhà nước, lợi ích chung của xã hội là động lực làm cho hoạt động tố tụng hình sự xuất hiện và phát triển từ giai đoạn này đến giai đoạn khác và chấm dứt, hoàn toàn không lệ thuộc vào ý chí của công dân tham gia vào hoạt động này. Tội phạm là hành vi vi phạm pháp luật nguy hiểm nhất. Người phạm tội xâm phạm trước hết đến lợi ích nhà nước, lợi ích xã hội (trật tự, an ninh chung xã hội), sau là lợi ích của người bị hại. Bởi lẽ đó, nhà nước là người nhân danh xã hội thay mặt xã hội đứng ra trừng phạt kẻ phạm tội” [86, tr.38]. Về mặt nội dung, quyền công tố được nhận thức là “quyền nhân danh nhà nước thực hiện sự buộc tội (thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự) đối với người phạm tội” [86, tr.44]. “Buộc tội là hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được BLHS quy định là tội phạm” [111, tr.88]. Khởi tố vụ án hình sự chính là hoạt động đầu tiên phát động quy trình, thủ tục truy cứu người có hành vi phạm tội để xử lý. Khởi tố vụ án là trách nhiệm của nhà nước, là bước đầu tiên chính thức của hoạt động công tố. Quyết định khởi tố vụ án hình sự hay không thuộc về nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh đó pháp luật tố tụng hình sự lại quy định một số trường hợp, tuy hành vi có dấu hiệu tội phạm nhưng chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại. Nếu người bị hại rút yêu cầu của họ một cách tự nguyện thì vụ án phải được đình chỉ.

Quy định pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại về mặt nội dung chính là việc nhà nước thừa nhận “quyền tự quyết định về mặt ý chí của người bị hại” trong xử lý hành vi phạm tội xâm hại đến lợi ích của họ bằng việc yêu cầu khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự (khi đã có đủ căn cứ nội dung là thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội phạm có quyền yêu cầu khởi tố). Thừa nhận sự lựa chọn lợi ích của người bị hại thông qua thừa nhận về mặt pháp lý là thừa nhận việc lựa chọn phương thức thực hiện quyền của họ; khi người bị hại đã lựa chọn dù là biện pháp nào (yêu cầu khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự) thì các CQTHTT phải có trách nhiệm bảo đảm và thực thi sự lựa chọn đó của họ mà không được gây cản trở, phiền hà hoặc từ chối. Với lý luận

như vậy về quyền tự quyết định của người bị hại trong tố tụng hình sự thì quyền này sẽ không bị hạn chế bởi giai đoạn tố tụng nào.

Đối với trường hợp người bị hại lựa chọn yêu cầu khởi tố vụ án, người bị hại chỉ có quyền đề đạt việc yêu cầu mà hệ quả pháp lý của nó đưa đến việc cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự để giải quyết theo thủ tục thông thường nếu có đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bản thân người bị hại không có quyền khởi tố vụ án hình sự. Khi CQTHTT ban hành quyết định khởi tố vụ án là chính thức thừa nhận một sự kiện tội phạm, để tiến hành tố tụng đối với vụ án và quyền công tố của nhà nước chính thức phát sinh.

Như vậy, khi khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại sẽ làm phát sinh quyền công tố, đây cũng chính là lý do điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại không coi là quyền tư tố như một số nước quan niệm. Vì tư tố chính là hoạt động buộc tội do cá nhân (tư nhân) thực hiện, và quyền tư tố là quyền của cá nhân được nhà nước cho phép thực hiện việc buộc tội đối với người thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm. Dưới góc độ hình thức thì quyền tư tố là hình thức thực hiện chức năng buộc tội do cá nhân thực hiện; dưới góc độ là quyền buộc tội thì quyền tư tố là quyền của cá nhân được nhà nước cho phép nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự người đã thực hiện hành vi phạm tội [84, tr.50], [86, tr17-21]. Việc nhà nước thừa nhận quyền tự quyết định về ý chí lựa chọn về mặt lợi ích của người bị hại trong xử lý hành vi tội phạm xâm hại đến lợi ích của họ bằng việc yêu cầu khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự đóng vai trò là động lực chính hình thành quyền công tố. Hai nội dung yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại và hành vi có dấu hiệu tội phạm của sự kiện phát sinh là cơ sở để hình thành quyền công tố trong vụ án. Nói cách khác nội dung này tạo ra tính chất đặc biệt của quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là: Quyền công tố đối với vụ án chỉ phát sinh khi và chỉ khi có yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại.

Từ đặc thù về tính chất trên nên trong điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại quyết định phạm vi thực hiện quyền công tố trong vụ án “khởi tố theo yêu cầu của người bị hại” khác phạm vi công tố của các

vụ án thông thường. Nhận thức chung về phạm vi của quyền công tố trong các vụ án thông thường được bắt đầu từ khi CQTHTT phát hiện có dấu hiệu tội phạm xảy ra và tiến hành tố tụng với vụ án; kết thúc quyền công tố khi Tòa án ra bản án, bản án có hiệu lực pháp luật [18, tr.180]; Trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, pháp luật điều chỉnh về quyền công tố bắt đầu khi người bị hại chính thức có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự với CQTHTT có thẩm quyền. Như vậy, nếu các CQTHTT có thẩm quyền với vụ án trước đó đã tiếp nhận thông tin về tội phạm không được tự ý bắt đầu thực hiện quyền công tố đối với vụ án. Thời điểm kết thúc của quyền công tố trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại có thể là theo quy định thông thường như nêu trên (khi Tòa án ra bản án, bản án có hiệu lực pháp luật), nhưng cũng có thể sớm hơn khi tính chất công tố bị mất khi người bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án. Đây là đặc điểm riêng biệt của pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự.

Từ đặc điểm về tính chất điều chỉnh nêu trên, pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại có tính chất khác biệt ở các nội dung điều chỉnh sau: về chủ thể, về phạm vi, về nội dung điều chỉnh.

Thứ nhất, đặc điểm về chủ thể điều chỉnh

Chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại quy định cho hai loại chủ thể: *Một là* trực tiếp là người bị hại; *Hai là* người đại diện của người bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết theo quy định tại Điều 105, BLTTHS năm 2003, Điều 155, BLTTHS năm 2015.

Loại chủ thể thứ nhất là người bị hại trong pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại: người bị hại trong pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trước hết phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện của người bị hại nói chung trong tố tụng hình sự, song bên cạnh đó còn có các đặc điểm riêng biệt.

Khái niệm pháp lý “người bị hại” trong pháp luật tố tụng hình sự được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự có sự phát triển nhất định: tại khoản 1, Điều 51 BLTTHS năm 2003 đã định nghĩa “Người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất,

ting thần, tài sản do tội phạm gây ra”. Đến BLTTHS năm 2015, khái niệm pháp lý người bị hại được, quy định tại khoản 01, Điều 62 như sau: “Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra”. Theo khái niệm này “người bị hại” là một trong hai chủ thể của “bị hại”, vì bị hại được xác định bao gồm các loại chủ thể là cá nhân, cơ quan, tổ chức.

BLTTHS năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015, được áp dụng một phần để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội⁵. Như vậy, đến thời điểm hiện tại (năm 2016) BLTTHS hiện hành bao gồm cả BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015.

Nhận thức về khái niệm khoa học vấn đề người bị hại trước khi có BLTTHS năm 2015 còn có nhiều ý kiến khác nhau (các ý kiến chủ yếu xoay quanh nội dung: bị hại là cá nhân⁶ [98, tr 198], [100, tr128], [123, tr.439], [128, tr.114-115], hay bao gồm cả cá nhân và cơ quan, tổ chức⁷[14, tr.38],[82, tr.38]; vấn đề thiệt hại do tội phạm gây ra là trực tiếp hay không trực tiếp⁸[58], [128, tr 114-115], thiệt hại phải là thiệt hại đã xảy ra hay bao gồm cả thiệt hại đe dọa xảy ra⁹[49], vấn đề tư cách bị hại là đương nhiên hay tư cách người bị hại phải do CQTHTT thừa nhận¹⁰[49], [128, tr.114-115].

Hiện nay khái niệm pháp lý “người bị hại” đã được chính thức xác nhận là “bị hại” theo quy định tại BLTTHS năm 2015. BLTTHS năm 2015, có hiệu lực một phần theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội.

Trong khái niệm pháp lý về bị hại trong tố tụng hình sự tại Điều 155, BLTTHS năm 2015 chưa đề cập đến nội dung mà vẫn còn tranh luận trước đó là: người bị hại là mang tính khách quan hay chủ quan với các CQTHTT vụ án. Nghĩa

⁵ Xem: Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của BLHS số 100/2015/QH13, BLTTHS số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016.

⁶ Các quan điểm của GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa, GS.TS Võ Khánh Vinh, TS Phan Thị Thanh Mai, TS Đặng Quang Phương.

⁷ TS. Lê Tiến Châu, TS Lê Nguyên Thanh.

⁸ GS. TS Võ Khánh Vinh. TS Đinh Thị Mai.

⁹ TS Đinh Thị Mai.

¹⁰ GT.TS Võ Khánh Vinh, TS Đinh Thị Mai

là người bị hại không đương nhiên trở thành bị hại mà phải qua thủ tục công nhận của CQTHTT có thẩm quyền. Nội dung này được GS.TS Võ Khánh Vinh và TS. Đinh Thị Mai khẳng định phải thông qua thủ tục công nhận, thừa nhận của CQTHTT thì mới phát sinh tư cách người bị hại [49], [128, tr.114-115].

Tác giả luận án đồng tình với quan điểm này và phân tích bổ sung các lý do sau đây: một người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra trở thành chủ thể quan hệ pháp luật tố tụng hình sự khi có hai yếu tố là khách quan và chủ quan. *Một là*, là dấu hiệu khách quan, người bị hại là người trực tiếp bị tội phạm gây ra thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản. Đây là yếu tố tất yếu không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của CQTHTT, nghĩa là CQTHTT có biết đến, công nhận hay không công nhận thì về bản chất họ đã là người bị hại. *Hai là*, nếu chỉ có dấu hiệu khách quan thì người bị hại chưa có tư cách chủ thể tham gia quan hệ tố tụng hình sự mà cần phải có yếu tố chủ quan là CQTHTT xác nhận, công nhận.

Người bị hại trong tố tụng hình sự chỉ có tư cách pháp lý, địa vị pháp lý khi kết hợp cả hai yếu tố chủ quan và khách quan. Thiếu yếu tố chủ quan cá nhân bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm trực tiếp gây ra chưa trở thành người bị hại trong tố tụng hình sự, chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ tố tụng theo luật định. Thiếu yếu tố khách quan nghĩa là CQTHTT đã xác định sai tư cách người bị hại trong tố tụng hình sự (thừa nhận người không phải thiệt hại trực tiếp do tội phạm gây ra về thể chất, tinh thần, tài sản là người bị hại).

Từ quy định của BLTTHS năm 2015, chúng tôi đưa ra định nghĩa khoa học về bị hại như sau: *Bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam là cá nhân, cơ quan, tổ chức trực tiếp bị thiệt hại do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra, giữa hậu quả của thiệt hại và hành vi phạm tội có mối quan hệ nhân quả với nhau; loại thiệt hại được gắn liền với từng chủ thể là cá nhân hay tổ chức (thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản đối với chủ thể là cá nhân; thiệt hại về tài sản, uy tín đối với chủ thể là cơ quan, tổ chức); bị hại trong tố tụng hình sự có tư cách pháp lý khi được CQTHTT đối với vụ án thừa nhận hoặc công nhận và đưa vào tham gia tố tụng đối với vụ án.*

Trong luận án này thống nhất gọi bị hại là “người bị hại” để phù hợp với nội dung trình bày của tác giả luận án.

Loại chủ thể thứ hai là người đại diện của người bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết

Điều chỉnh về chủ thể là người đại diện của người bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết trong pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, được ghi nhận tại khoản 01, Điều 105 BLTTHS năm 2003 và nay quy định khoản 01, Điều 155 BLTTHS năm 2015, gồm các trường hợp:

- *Trường hợp thứ nhất*: người bị hại là người chưa đủ 18 tuổi, đây là trường hợp pháp luật tố tụng hình sự suy đoán bản thân người bị hại chưa phát triển hoàn thiện về thể chất, tâm sinh lý, chưa có đủ năng lực để cân nhắc quyết định các quyền của mình mà pháp luật cho phép trong tố tụng hình sự liên quan đến trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của họ. Vì vậy, họ cần có người đại diện. Người đại diện cho người dưới 18 tuổi phải là người đã thành niên và có tư cách đại diện hợp pháp bao gồm các trường hợp đại diện theo pháp luật mà Bộ luật dân sự quy định cho cá nhân. Khi một người là người đại diện cho người bị hại thì họ thực hiện các quyền của bị hại mà không phải là người bị hại.

- *Trường hợp thứ hai*: người bị hại là người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất. Người có nhược điểm tâm thần và thể chất là người không bình thường do đó không có năng lực hành vi đầy đủ nên không có đủ năng lực để cân nhắc quyết định các quyền của mình mà pháp luật cho phép trong tố tụng hình sự liên quan đến trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của họ, vì thế cần thiết phải có người đại diện. Việc xác nhận dấu hiệu người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần phải thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự. Người đại diện cho người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất phải là người đã thành niên và có tư cách đại diện hợp pháp gồm các trường hợp đại diện theo pháp luật mà Bộ luật dân sự quy định cho cá nhân. Khi họ là người đại diện cho người bị hại thì họ thực hiện các quyền của bị hại mà không phải là người bị hại.

- *Trường hợp thứ ba người bị hại chết*, theo Bộ luật dân sự thì chết của người

bị hại có thể có hai trường hợp là họ chết sinh học nghĩa là đã chết thực tế và cái chết thứ hai là chết pháp lý theo quy định của Bộ luật dân sự về tuyên bố chết. Đối với trường hợp người bị hại là người chết theo pháp lý thì khi người đại diện thực hiện quyền của người bị hại phải đang trong giai đoạn “coi là đã chết”, nếu người bị hại sau đó trở về bình thường thì người đại diện sẽ chấm dứt quyền đại diện. Tương tự hai trường hợp trên, người đại diện cho người đã chết phải là người đã thành niên và có tư cách đại diện hợp pháp bao gồm các trường hợp đại diện theo pháp luật mà Bộ luật dân sự quy định cho cá nhân. Khi họ là người đại diện cho người bị hại thì họ thực hiện các quyền của bị hại mà không phải là người bị hại.

Như vậy, người đại diện cho người bị hại trong trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại (Điều 105, BLTTHS năm 2003, Điều 155 BLTTHS năm 2015) chỉ đặt ra với trường hợp người bị hại là cá nhân mà không đặt ra với người bị hại là cơ quan, tổ chức. Cả ba trường hợp người đại diện hợp pháp cho người bị hại thì họ chỉ là chủ thể thực hiện các quyền của bị hại mà không phải là người bị hại.

Lý luận về người bị hại trong pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại theo chúng tôi cần phải xác định rõ về thời điểm thừa nhận tư cách chủ thể: như đã phân tích trên không phải bất kỳ cá nhân nào bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra đương nhiên trở thành chủ thể quan hệ pháp luật tố tụng hình sự mà đòi hỏi phải được CQTHTT xác nhận tư cách chủ thể. Vấn đề là thời điểm kết hợp của yếu tố chủ quan và khách quan tạo thành yếu tố chủ thể người bị hại. Chúng tôi cho rằng có hai thời điểm người bị hại được xác nhận, công nhận tư cách chủ thể là: *Một là*, thời điểm để xác nhận tư cách diễn ra trước khi khởi tố vụ án hình sự, *Hai là*, thời điểm để xác nhận tư cách diễn ra sau khi khởi tố vụ án hình sự.

Trong pháp luật khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại: yếu tố khách quan tương tự như trên, nhưng yếu tố chủ quan phải được diễn ra trước khi vụ án hình sự được khởi tố. Nghĩa là cơ quan có thẩm quyền khởi tố phải thừa nhận cá nhân là bị hại trước khi chấp nhận các yêu cầu của họ. Vì chỉ sau khi đã xác định tư cách pháp lý của người bị hại (thừa nhận, công nhận là người bị hại) thì mới xem

xét giải quyết yêu cầu của người bị hại (yêu cầu khởi tố vụ án hình sự hay không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự) theo quy định tại Điều 105 BLTTHS năm 2003. Đây là điểm đặc thù của người bị hại trong pháp luật khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại so với người bị hại nói chung trong tố tụng hình sự.

Từ phân tích tính chất riêng biệt chủ thể của quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, tác giả rút ra khái niệm như sau: Chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án là đối tượng điều chỉnh của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là chính bị hại hoặc người đại diện của người bị hại là cá nhân (trong trường hợp người bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết) bị hành vi phạm tội gây ra có yêu cầu khởi tố vụ án và được CQTTT thừa nhận, công nhận tư cách cho họ trong vụ án.

Thứ hai, đặc điểm về phạm vi các trường hợp điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

Về lý luận, xác định phạm vi điều chỉnh của pháp luật nghĩa là xác định giới hạn của sự điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ xã hội khách quan cần đến sự điều chỉnh của pháp luật bao gồm các yếu tố không gian, thời gian và đối tượng điều chỉnh, về phạm vi mức độ điều chỉnh và khả năng có thể điều chỉnh của pháp luật [70, tr.516], [99, tr.233].

Như đã phân tích, điều chỉnh xã hội bằng pháp luật hình sự là biện pháp nghiêm khắc nhất trong các biện pháp mà nhà nước áp dụng để điều chỉnh xã hội, về nguyên tắc điều chỉnh của pháp luật hình sự là quyền hạn của Nhà nước trong xử lý tội phạm không phụ thuộc ý chí của bất kỳ ai. Tuy nhiên, do tính chất đặc biệt của những yếu tố cần thiết quy định phải điều chỉnh pháp luật dưới hình thức ghi nhận quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại. Từ năm 1988, với việc nhà nước ban hành BLTTHS, bắt đầu ghi nhận quyền yêu cầu khởi tố vụ án cho người bị hại ở 06 tội phạm, sau đó sửa đổi thành 11 tội phạm đến nay là 17 tội phạm đã nêu tại mục 2.1.1.

Như vậy, trong số 265 điều luật cụ thể của BLHS năm 1999 quy định về tội phạm cụ thể, pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại mới

chi điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại tại 10 điều luật với 17 tội phạm chiếm 3,77% tổng số điều luật quy định về tội phạm cụ thể. Nghiên cứu 17 tội phạm trên có thể thấy phạm vi điều chỉnh đã cân nhắc các yếu tố sau: xét về loại tội hầu hết đây là các tội phạm ít nghiêm trọng (tội nghiêm trọng có 02 trường hợp, 15 trường hợp là tội phạm ít nghiêm trọng); xét về tính nguy hiểm cho xã hội đây là các trường hợp có tính chất nguy hiểm cho xã hội không cao; về khách thể bị xâm hại là những quan hệ xã hội có liên quan trực tiếp đến cá nhân người bị hại như sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản chỉ có một trường hợp xâm hại đến quyền sở hữu trí tuệ có liên quan đến cơ quan, tổ chức; xét về hậu quả các trường hợp phạm tội gây ra thiệt hại không lớn, hình phạt quy định cho tội phạm không cao. Đây là những đặc điểm cơ bản phân biệt pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại với pháp luật về khởi tố vụ án thông thường, cụ thể đây được coi là những trường hợp riêng biệt về phạm vi của khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại.

Thứ ba, đặc điểm về nội dung điều chỉnh của quan hệ pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

Nội dung điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội chính là việc nhà nước xác lập các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể; trong quan hệ pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tiến hành tố tụng và đặc biệt là chủ thể người bị hại được quy định mang tính chất đặc thù, nội dung này thể hiện ở các quyền và nghĩa vụ sau đây: *Một là*, pháp luật ghi nhận cho người bị hại và người đại diện của người bị hại có quyền tự quyết định thể hiện ý chí về việc có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự hay không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; khi đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và vụ án đã được khởi tố có quyền thể hiện ý chí rút yêu cầu khởi tố vụ án; đồng thời quy định giới hạn thực hiện quyền yêu cầu, quy định hậu quả của việc thực hiện quyền yêu cầu của người bị hại và đại diện hợp pháp của họ. *Hai là*, pháp luật quy định nghĩa vụ tương ứng của CQTHTT trong bảo đảm các quyền của người bị hại và đại diện của họ như: bảo đảm quyền yêu cầu khởi tố, bảo đảm quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án;

quy định về việc rút yêu cầu của bị hại hoặc đại diện của họ không phản ánh đúng ý chí đích thực do bị ép buộc, cưỡng bức thì vẫn tiến hành tố tụng với vụ án.

Những quy định trên đây về quyền và nghĩa vụ mang tính chất đặc thù của riêng pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại so với quy định pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự thông thường trong tố tụng hình sự Việt Nam.

2.1.3.2. Đặc điểm về phương pháp điều chỉnh

Phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự là những cách thức mà nó dùng để tác động đến các quan hệ tố tụng hình sự. Phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự được xác định căn cứ vào tính chất đặc thù của quan hệ tố tụng hình sự. Luật tố tụng hình sự Việt Nam có hai phương pháp chi phối đặc trưng là phương pháp quyền uy và phương pháp phối hợp chế ước [100, tr.12]. Phương pháp quyền uy là phương pháp thể hiện tính quyền lực của các cơ quan tố tụng trong quan hệ với các chủ thể khác, có quyền đơn phương ban hành các quyết định tố tụng mang tính bắt buộc phải chấp hành. Phương pháp phối hợp - chế ước điều chỉnh mối quan hệ giữa các CQTHTT, theo nguyên tắc này các cơ quan có nhiệm vụ phối hợp nhau khi thực hiện nhiệm vụ, đồng thời trên cơ sở chức năng nhiệm vụ pháp luật quy định có quyền phát hiện sai sót, vi phạm của cơ quan khác để yêu cầu sửa chữa, khắc phục.

Tuy nhiên, trong quy định của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại còn ghi nhận phương pháp điều chỉnh đặc thù là “phương pháp ghi nhận và bảo đảm” quyền tự quyết định về ý chí của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trong thực hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với các vụ án mà người bị hại được quyền yêu cầu khởi tố vụ án.

Tại điều 105, BLTTHS năm 2003, Điều 155, BLTTHS năm 2015 quy định 17 tội phạm trong BLHS chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ; trường hợp người đã yêu cầu rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ. Ghi nhận cho bị hại có quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án là cơ sở để hình thành hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật tố tụng hình sự đặc thù thuộc 17 trường hợp quy định. Đây là quy định mang tính đặc trưng, riêng biệt của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại so với quy định pháp luật về

khởi tố vụ án thông thường.

“Phương pháp ghi nhận và bảo đảm” quyền tự quyết định về ý chí của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trong thực hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với các vụ án mà người bị hại được quyền yêu cầu khởi tố vụ án được thực hiện qua các cách thức chủ yếu sau đây: *Một là*, các quy phạm pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại xác định cách thức “cho phép” người bị hại thực hiện các quyền và nghĩa vụ của họ, cụ thể là cho phép người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trong thực hiện quyền yêu cầu, quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. *Hai là*, để bảo đảm quyền của người bị hại khi sử dụng cách thức “cho phép”, pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại xác định cách thức “bắt buộc” đối với CQTHTT trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong quan hệ pháp luật tố tụng hình sự này.

Quy định cụ thể hóa phương pháp điều chỉnh này trong BLTTHS năm 2015, về căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự quy định tại khoản 8, Điều 157 đã bổ sung nội dung: *“Tội phạm quy định tại khoản 01 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự (năm 2015) mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố”*. Nếu đã khởi tố vụ án hình sự mà phát hiện thuộc trường hợp khởi tố vụ án hình sự phải có yêu cầu của bị hại mà bị hại không yêu cầu thì người có thẩm quyền khởi tố phải hủy bỏ quyết định đã khởi tố theo quy định tại Điều 158, BLTTHS. Ngoài ra còn quy định cụ thể căn cứ đình chỉ như: đình chỉ điều tra tại Điều 230, đình chỉ vụ án tại Điều 248 ở giai đoạn truy tố, đình chỉ vụ án Điều 282 ở giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Như vậy, với việc ghi nhận phương pháp điều chỉnh đặc thù là “phương pháp ghi nhận và bảo đảm” quyền tự quyết định về ý chí của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trong thực hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự thuộc đối tượng điều chỉnh đã tạo ra đặc điểm riêng biệt, đặc thù của quy định pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại so với quy định pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự thông thường trong tố tụng hình sự Việt Nam.

2.1.3.3. Đặc điểm về cơ chế điều chỉnh

Trước hết điều chỉnh của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại được hiểu là: nhà nước tác động có mục đích, có chủ hướng lên các quan hệ pháp luật hình thành trong quá trình người bị hại có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về tội phạm xâm hại đến lợi ích của họ được pháp luật quy định thông các phương tiện (là quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật, hành vi thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý...) nhằm thực hiện mục đích của nhà nước là bảo đảm xử lý tội phạm kết hợp hài hòa với bảo đảm quyền con người, quyền công dân của người bị hại trong tố tụng hình sự trong giới hạn nhà nước xác định.

Điều chỉnh của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là hoạt động điều chỉnh phức tạp, tính chất phức tạp của nó do tính chất của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự nội dung này quy định. Muốn đạt được mục tiêu điều chỉnh đặt ra, nhà nước phải tác động thông qua các phương tiện (bao gồm: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật, hành vi thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý...), quy trình pháp lý (quy trình tố tụng hình sự như: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử) được gọi là cơ chế điều chỉnh pháp luật đối với việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại.

Theo tiến sĩ Nguyễn Quốc Hoàn, “Cơ chế điều chỉnh pháp luật là hệ thống các phương tiện pháp luật có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại với nhau trong một thể thống nhất theo một quá trình nhất định để điều chỉnh các quan hệ xã hội với sự bảo đảm của nhà nước nhằm đạt được mục đích xác định” [34, tr.23]. Cơ chế thực hiện điều chỉnh của pháp luật đối với việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại cũng tuân theo quy luật chung của điều chỉnh pháp luật, nhưng nó có tính đặc thù so với điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự nói chung ở các điểm sau đây:

Thứ nhất, quy phạm pháp luật điều chỉnh về việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là trường hợp điều chỉnh cá biệt, đơn lẻ. Tính chất đơn lẻ của quy phạm pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự chỗ quy phạm của nhóm quan hệ này chỉ điều chỉnh đối với các trường hợp tại khoản 01 của 17 tội

phạm tại 10 điều luật (10/265 điều luật) quy định về các tội phạm cụ thể trong phần các tội phạm của BLHS năm 1999¹¹.

Xét về cấu trúc logic thì quy phạm pháp luật có ba yếu tố hợp thành là giả định, quy định và chế tài, tùy theo tính chất và mục đích điều chỉnh cách thức thể hiện của quy phạm rất đa dạng. Trong quy phạm pháp luật điều chỉnh về việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, cơ cấu của quy phạm được xác định chỉ có hai phần là giả định và quy định mà không có chế tài. Phần quy định nêu trực tiếp về quyền và nghĩa vụ của người bị hại và CQTHTT thuộc một trong hai tình huống là “yêu cầu khởi tố hoặc rút yêu cầu khởi tố” của người bị hại.

Thứ hai, văn bản áp dụng pháp luật điều chỉnh về việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là trường hợp điều chỉnh cá biệt, tính cá biệt thể hiện ở các nội dung: (i) So với các văn bản áp dụng pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng với vụ án hình sự thông thường mang tính đơn phương, chủ động thì văn bản áp dụng pháp luật do CQTHTT ban hành điều chỉnh về việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại mang tính bị động, phái sinh ghi nhận việc thực hiện quyền của người bị hại theo các quy định của pháp luật tố tụng hình sự đối với họ. Nói cách khác văn bản áp dụng pháp luật điều chỉnh về việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại được ban hành khi và chỉ khi có yêu cầu khởi tố hoặc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại. Nếu không có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, không có việc rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại thì không được ban hành các quyết định tố tụng này. (ii) Loại văn bản áp dụng pháp luật điều chỉnh về việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong số các văn bản áp dụng pháp luật và thể hiện dưới dạng quyết định tố tụng (bao gồm: quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án, quyết định chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án) còn các văn bản áp dụng pháp luật khác rất phong phú, đa dạng phù hợp tính chất giai đoạn và hành vi tố tụng của CQTHTT ở mỗi giai đoạn nhất định.

Thứ ba, quan hệ pháp luật điều chỉnh về việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại có một số đặc điểm riêng như sau: (i) Về chủ thể của quan hệ

¹¹ 17 tội phạm đã nêu tại phân 2.1.1. của luận án.

pháp luật khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại so với các quan hệ pháp luật tố tụng khác mang tính xác định về chủ thể; trong quan hệ pháp luật thuộc trường hợp này chủ thể chỉ có hai bên: một là CQTHTT (là cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án) và bên kia là người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ mà không có chủ thể khác. Mặt khác pháp luật cũng quy định chặt chẽ các điều kiện chủ thể để được xác định là người bị hại hoặc chỉ thừa nhận tính đại diện của người bị hại trong trường hợp người bị hại dưới 18 tuổi, người bị hại có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần hoặc đã chết. (ii), Về nội dung của quan hệ pháp luật là quyền và nghĩa vụ của hai bên trong quan hệ pháp luật điều chỉnh về việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại; mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ mang tính tương ứng một chiều theo đó các CQTHTT có trách nhiệm bảo đảm quyền của người bị hại khi họ thực hiện quyền được pháp luật quy định. Đây là điểm đặc trưng riêng so với nội dung các quan hệ pháp luật tố tụng khác khi tính mệnh lệnh đơn phương của CQTHTT chi phối. (iii), Về khách thể, quan hệ pháp luật điều chỉnh về việc khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là mong muốn của nhà nước khi thiết lập quy định pháp luật này, đó là sự bảo đảm để người bị hại thực hiện tốt nhất quyền của họ, họ có quyền cân nhắc về ý chí trong việc yêu cầu khởi tố hay rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự mà họ là người bị hại.

2.2. Vai trò và những yêu tố tác động đến pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự

2.2.1. Vai trò pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự

- Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là phương tiện pháp lý quan trọng để người bị hại thực hiện bảo vệ quyền của mình trong tố tụng hình sự

Người bị hại là người trực tiếp bị thiệt hại, tổn thất do tội phạm gây ra về vật chất, tinh thần, tài sản được nhà nước bảo hộ, bảo trợ về mặt pháp lý. Việc bảo hộ của nhà nước được thông qua pháp luật, nhà nước chủ động trừng trị tội phạm, buộc người phạm tội khắc phục hậu quả về mặt dân sự cho bị hại thì hiệu quả xã hội đạt được về mặt vật chất. Tuy nhiên, có thể hiệu quả cho cá nhân không đạt được vì: có

những tội phạm gây ra thiệt hại không chỉ về vật chất mà cả những thiệt hại nghiêm trọng về tinh thần đối với người bị hại. Việc khởi tố hình sự, xử lý người phạm tội trong những trường hợp đó, mặc dầu góp phần giữ nghiêm trật tự kỷ cương và mang lại lợi ích cho xã hội, nhưng chính việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đó lại gây ra tiếp những tổn thương về tinh thần cho người đã bị tội phạm gây ra thiệt hại [128, tr.234]. Quy định cho người bị hại có quyền lựa chọn biện pháp pháp lý tùy nghi để đánh giá, cân nhắc theo ý chí của họ là phương tiện quan trọng để họ bảo vệ tốt hơn quyền của họ mang tính chủ động không phụ thuộc vào nhà nước.

Mặc dầu pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại không đòi hỏi người bị hại khi thực hiện quyền rút yêu cầu của mình phải đưa ra lý do (nghĩa là rút yêu cầu vì bất kỳ lý do gì nếu là sự tự nguyện), nhưng qua thực tiễn thực hiện có trên 80% số trường hợp người bị hại rút yêu cầu là do đạt được sự thỏa thuận bồi thường từ phía người phạm tội, họ khắc phục hậu quả để được người bị hại rút yêu cầu khởi tố (nhất là các tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chiếm 100% số vụ)¹². Như vậy, từ thực tế có thể coi đây là phương tiện pháp lý hỗ trợ quan trọng để người bị hại có được lợi thế trong giải quyết vấn đề dân sự vụ án. Họ không phải chờ đến giai đoạn thi hành án mới có thể thu nhận được tiền bồi thường từ người phạm tội.

- Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là phương tiện pháp lý quan trọng để nhà nước thực hiện chính sách tố tụng hình sự trong phòng ngừa, kiểm soát tội phạm

Chính sách pháp luật tố tụng hình sự là một bộ phận cấu thành của chính sách hình sự nhằm xác định những phương hướng cơ bản có tính chất chỉ đạo của nhà nước trong hoạt động lập pháp và áp dụng pháp luật tố tụng hình sự, bảo đảm sự ổn định của hệ thống pháp luật tố tụng hình sự, tăng cường việc bảo vệ các quyền và tự do của con người, cũng như các lợi ích hợp pháp của xã hội và của nhà nước bằng pháp luật tố tụng hình sự, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm [48, tr.56]. Trong chính sách tố tụng hình

¹² Báo cáo tổng kết Công tác Kiểm sát hàng năm của Viện kiểm sát các tỉnh: Thái Nguyên, Quảng Ninh, Nghệ An, Nam Định, Hà Giang, Bắc Giang.

sự nội dung bảo vệ các quyền và tự do, danh dự, nhân phẩm, tính mạng của con người là quan trọng nhất, để thực hiện cần phải cụ thể trong các chế định của pháp luật tố tụng hình sự sự phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước ở mỗi giai đoạn, phù hợp sự phát triển và nhận thức về dân chủ, quyền con người của người dân trong xã hội, văn hóa pháp lý đã đạt được, truyền thống pháp luật của quốc gia.... Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là một bộ phận của pháp luật tố tụng hình sự, trong đó trực tiếp điều chỉnh mối quan hệ giữa các CQTHTT và người bị hại khi họ yêu cầu khởi tố vụ án hình sự mà họ là người bị hại; việc cân nhắc về sự cần thiết mở rộng hay thu hẹp quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại về: phạm vi các tội phạm được yêu cầu khởi tố, giới hạn của quyền, phương thức điều chỉnh, xác định hậu quả pháp lý...phải trên cơ sở của chính sách pháp luật tố tụng hình sự cụ thể. Việc xây dựng và thực hiện ra các quy phạm pháp luật mới về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại triển khai sâu rộng các yêu cầu đổi mới của chính sách tố tụng hình sự ở mỗi thời kỳ - chính là phương tiện pháp lý quan trọng thực thi có hiệu quả chính sách tố tụng hình sự của quốc gia ở từng thời điểm cho phù hợp.

- Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là phương tiện pháp lý quan trọng để thực hiện nguyên tắc dân chủ, công bằng trong tố tụng hình sự

Nguyên tắc dân chủ là nguyên tắc xuyên suốt của nhà nước ta, thể hiện bản chất của chế độ chính trị XHCN, trong tố tụng hình sự tính dân chủ cũng được thể hiện theo mức độ ở từng chế định. Pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại là tập hợp các quy định thể hiện rõ nét, tập trung và sâu sắc về nguyên tắc dân chủ, bảo đảm để người dân (với vai trò là người bị hại hoặc đại diện của họ) được nói lên ý chí của họ trong xử lý tội phạm gây ra thiệt hại đến họ. Với ý nghĩa là việc trao quyền quyết định việc khởi tố vụ án cho người bị hại, nhà nước tôn trọng sự định đoạt về ý chí của người bị hại trong việc lựa chọn xử lý hay không xử lý tội phạm trong những trường hợp pháp luật ghi nhận. Khi người bị hại đã quyết định lựa chọn phương thức nào thì các CQTHTT phải theo phương thức đó.

Công bằng là thuộc tính bản chất của pháp luật tố tụng hình sự nhà nước XHCN; nguyên tắc công bằng được thể hiện trong các quy định pháp luật tố tụng hình sự nói chung và pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại nói riêng theo mức độ, tính chất khác nhau ở mỗi chế định. Nguyên tắc công bằng trong pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại đòi hỏi việc thiết kế phương thức điều chỉnh, giới hạn điều chỉnh pháp luật, hậu quả việc điều chỉnh pháp luật của trường hợp này phải tương thích với các trường hợp thông thường khác, phải chỉ ra được tính chất cá biệt của đối tượng điều chỉnh mang tính đặc thù. Phải thiết kế các quy định về nội dung này theo những đòi hỏi khác nhau, mang tính tương xứng với các giá trị chính trị - xã hội, đạo đức xã hội, giữa thiệt hại và lợi ích thu được trong xử lý tội phạm ở cả nhà nước và cá nhân... phải tính đến khả năng áp dụng trong thực tiễn, tính đến hiệu quả kinh tế, xã hội của các biện pháp thực hiện. Với ý nghĩa đó pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại chính là phương tiện pháp lý quan trọng để thực hiện nguyên tắc công bằng trong tố tụng hình sự.

2.2.2. Những yêu tố tác động đến pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại

2.2.2.1. Tình hình kinh tế - xã hội, sự phát triển của dân chủ là yếu tố chủ yếu, quyết định chi phối nhu cầu điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại theo hướng tiến bộ

Kinh tế và xã hội với ý nghĩa là cơ sở hạ tầng, quyết định và chi phối sự phát triển của kiến trúc thượng tầng là nhà nước, pháp luật và các thiết chế khác. Thiết chế pháp luật là thiết chế chịu sự chi phối quyết định nhất, mạnh mẽ nhất của các điều kiện kinh tế, xã hội; mọi sự thay đổi của cơ cấu kinh tế, xã hội, quá trình biến đổi của chúng sẽ trở thành các đòi hỏi mang tính nhu cầu gây ra áp lực biến đổi pháp luật, buộc pháp luật phải ghi nhận các đòi hỏi đó. Đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam hơn 30 năm đổi mới đã có nhiều diện mạo mới về chất, nhu cầu điều chỉnh pháp luật theo hướng đa dạng hóa các mục đích bảo vệ, hướng đến sự hài hòa lợi ích đang trở lên cấp bách, điều chỉnh pháp luật phải tính đến nhiều biện pháp tác động để đạt được mục tiêu đề ra.

Việc gia nhập sâu rộng và toàn diện của Việt Nam và đời sống quốc tế, nhất là các “sân chơi về kinh tế” càng đòi hỏi phải có sự ứng xử phù hợp với luật lệ chung của cộng đồng quốc tế; pháp luật tố tụng hình sự cũng phải bảo đảm hài hòa tương thích với pháp luật khu vực và thế giới. Bên cạnh đó xu thế dân chủ và nhân quyền ngày càng trở thành giá trị phổ quát, sự phát triển của dân chủ, ý thức về dân chủ và nhìn nhận toàn diện cởi mở về quyền con người cũng là các nội dung đòi hỏi pháp luật tố tụng hình sự phải thay đổi vì đây là pháp luật điều chỉnh chủ yếu đến mối quan hệ trực tiếp đến quyền tự do của con người.

Các xu thế trên đây tác động vào hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng nhất là quy định về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, đặt ra trong việc thiết kế chính sách hình sự, chính sách pháp luật tố tụng hình sự phải bảo đảm hài hòa các lợi ích, nhất là ưu tiên lợi ích chính đáng của cá nhân; bảo đảm phải đa dạng các biện pháp điều chỉnh tăng sự lựa chọn trong các biện pháp điều chỉnh để đạt được hiệu quả và mục tiêu tố tụng cao nhất. Vì vậy, thực tế quy định pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại thời gian qua tăng từ 6 tội phạm lên 17 tội phạm như hiện nay; giới hạn về phạm vi quyền rút yêu cầu trước đây chỉ đến trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm (theo khoản 2 Điều 105 BLTTHS năm 2003) nay đã không giới hạn giai đoạn của tố tụng hình sự (khoản 2, Điều 155, BLTTHS năm 2015).

2.2.2.2. Chính sách hình sự của Đảng và nhà nước là cơ sở trực tiếp quyết định các biện pháp điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại phù hợp với từng giai đoạn

Các điều kiện kinh tế, xã hội với tính chất tiền đề, bản chất quyết định thành nên chính sách hình sự của Đảng và nhà nước trong mỗi thời kỳ. Đến lượt nó, chính sách hình sự bao gồm nhiều nội dung trong đó “chính sách pháp luật tố tụng hình sự” là bộ phận, có vai trò là cơ sở trực tiếp quyết định hình thành đường hướng các biện pháp điều chỉnh của pháp luật tố tụng hình sự. Trong quá trình xây dựng pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại các nhà lập pháp phải dựa trên chính sách pháp luật tố tụng hình sự để hoàn thiện các quy phạm pháp luật điều

chính nội dung này, bảo đảm tính tương thích và đồng bộ của các quy phạm cụ thể với các nguyên tắc pháp luật tố tụng hình sự nói chung.

Thời gian qua “chính sách pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam” mang tính cởi mở, dân chủ và khả thi, đã thể hiện sâu sắc quan điểm của Đảng ta về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bổ sung nhiều nguyên tắc tư pháp tiến bộ.

2.2.2.3. Các nguyên tắc và mô hình tố tụng hình sự

Nguyên tắc tố tụng được coi là kim chỉ nam cho các quy định cụ thể của pháp luật tố tụng, nguyên tắc tố tụng luôn thể hiện bản chất của nhà nước, định hướng chính sách tố tụng và hoạt động tố tụng. Từ khi hình thành đến nay, hệ thống các nguyên tắc tố tụng hình sự Việt Nam thể hiện rõ triết lý truy tố và xử lý tội phạm thuộc về nhà nước, nhà nước không công nhận có quyền tư tố trong tố tụng hình sự. Triết lý này cũng ảnh hưởng quyết định đến sự lựa chọn mô hình tố tụng Việt Nam là mô hình hỗn hợp, nghiêng về thẩm vấn, hướng về mục tiêu kiểm soát tội phạm, có tiếp thu một số điểm tiến bộ của mô hình tố tụng tranh tụng. Vì vậy, nguyên tắc tố tụng và mô hình đã lựa chọn đã chi phối quyết định hình thành bản chất, phạm vi và nội dung của quy định pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay.

2.2.2.4. Quá trình hội nhập và phát triển, sự tương thích pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế

Việt Nam tham gia vào quá trình toàn cầu hóa về kinh tế và chính trị, văn hóa đương nhiên bị tác động và bị ảnh hưởng và chuyển biến nhất định theo xu thế chung của pháp luật các nước trên thế giới, trong đó cũng phải tính đến việc tiếp thu các yếu tố liên quan đến điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại như các quy định về “quyền tư tố”, “quyền tùy nghi truy tố”, “quyền hòa giải” hoặc “mặc cả thú tội, nhận tội” để vận dụng vào pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam bảo đảm sự phù hợp, tương thích với pháp luật các nước trên thế giới tránh tụt hậu và bất cập trong việc bảo vệ quyền con người trong tư pháp hình sự.

2.2.2.5. Yếu tố truyền thống pháp luật và văn hóa pháp lý Việt Nam

Đây cũng là nhân tố chi phối quan trọng với việc điều chỉnh pháp luật nói chung và pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu người bị hại nói riêng. Tính chi

phối của yếu tố truyền thống pháp luật thể hiện ở việc nhà nước lựa chọn biện pháp điều chỉnh mang tính phụ thuộc hai chiều giữa người bị hại và nhà nước trong xử lý tội phạm với vai trò nhà nước là người có thẩm quyền mà không trao quyền đơn phương cho người bị hại như quyền tư tố (khởi kiện thẳng ra tòa). Tính chi phối của yếu tố văn hóa pháp lý thể hiện ở chỗ: các biện pháp lựa chọn của người bị hại như yêu cầu hay rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại hoặc đại diện của họ do quan niệm truyền thống, tâm lý cộng đồng và tâm lý cá nhân định hướng. Nhìn chung văn hóa pháp lý ở Việt Nam còn hạn chế nên việc thực hiện hay không thực hiện quyền là cả quá trình cân nhắc của bị hại về lợi ích giữa kinh tế và tinh thần...

2.3. Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

2.3.1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại được pháp luật tố tụng Trung Quốc ghi nhận tại BLTTHS của họ (năm 2012) [119], nội dung điều chỉnh pháp luật tập trung các nội dung sau:

Thứ nhất, về tính chất và phương thức điều chỉnh: BLTTHS Trung Quốc xác lập phương thức điều chỉnh pháp luật mang tính riêng biệt, trao quyền tự quyết, quyết định khởi động tố tụng, chấm dứt tố tụng cho người bị hại; xác định đây là “quyền tư tố” của người bị hại, quyền tư tố tồn tại song song với quyền công tố của nhà nước. Quyền tư tố làm phát sinh án tư tố không phụ thuộc vào ý chí nhà nước.

Thứ hai, xác lập chế định pháp lý “án tư tố” trong BLTTHS của họ¹³ bao gồm các nội dung điều chỉnh:

(i), Xác lập khái niệm pháp lý vụ án tư tố “có nghĩa là vụ án do người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp tự truy tố bị cáo, yêu cầu tòa án truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo” [76, tr.254]. Quy định chủ thể có “quyền tư tố” trong vụ án tư tố là người bị hại, trong trường hợp đặc biệt nếu người bị hại chết hoặc chưa thành niên hoặc bị bệnh tâm thần thì người đại diện hợp pháp của họ (gồm bố mẹ, người giám hộ của người bị hại) có quyền tư tố. Trường hợp đặc biệt khác là nếu người đại diện hợp pháp không có hoặc không thực hiện thì người là họ hàng thân

¹³ Quy định tại tiết 2, Chương II (từ Điều 204 – 207) BLTTHS Trung Quốc năm 2012. Xem mục lục 124.

thích của người bị hại có quyền này (họ hàng thân thích bao gồm có chồng, vợ, bố mẹ, con, anh em cùng bố mẹ) quy định tại Điều 112, BLTTHS năm 2012.

Khi người bị hại hoặc người có quyền tư tố thực hiện quyền tư tố bằng hành động cụ thể được gọi là việc truy tố của người tư tố.

(ii), Xác lập cơ sở pháp lý đối với các tội phạm và các trường hợp, điều kiện được thực hiện bởi quyền tư tố: cơ sở pháp lý là Điều 204, BLTTHS năm 2012, các tội phạm bao gồm: làm nhục, phỉ báng người khác, tội dùng vũ lực can thiệp vào tự do hôn nhân của người khác, tội ngược đãi thành viên trong gia đình, tội chiếm đoạt tài sản (theo quy định tại các Điều 246, 257, 260, 270 BLHS). Các trường hợp được thực hiện quyền tư tố là các vụ án ít nghiêm trọng mà người bị hại có chứng cứ chứng minh sự thật của vụ án; hoặc các vụ án cần phải truy tố khi xâm hại đến quyền nhân thân, tài sản của người bị hại nhưng CQĐT hoặc viện kiểm sát lại không truy cứu trách nhiệm hình sự với can phạm. Điều kiện để đưa ra tư tố là phải: xác định rõ bị cáo (xác định danh tính, có thật); vụ án phải thuộc loại án tòa án có thẩm quyền giải quyết và đang còn trong thời hiệu truy tố, Điều 205, BLTTHS năm 2012.

(iii), Xác lập trình tự, thủ tục đưa vụ án tư tố ra tòa như thủ tục về đơn kiện, thủ tục thẩm tra vụ án của tòa án, thủ tục xét xử. Trong thủ tục án tư tố pháp luật tố tụng hình sự coi trọng nguyên tắc tự do hòa giải, xác định rõ hậu quả pháp lý của hòa giải, việc rút khỏi tố vụ án được quy định chi tiết, cụ thể: yêu cầu tư tố phải thể hiện bằng đơn, trường hợp đặc biệt trình bày buộc tội bằng lời trực tiếp tại tòa án và được ghi lại thành tài liệu lưu hồ sơ vụ án, đơn phải phản ánh thông tin cơ bản của người tư tố, bị cáo, các tình tiết tội phạm, những yêu cầu và chứng cứ chứng minh kèm theo...; Tòa án phải nhận đơn và thẩm tra yêu cầu tư tố, nếu thiếu chứng cứ thì yêu cầu bổ sung, nếu người tư tố không bổ sung thì ra phán quyết bác bỏ việc truy tố của người tư tố; sau khi truy tố của người tư tố bị bác bỏ, nếu họ thu thập đủ chứng cứ thì có quyền tư tố tiếp với vụ án và can phạm, tòa án phải thụ lý lại vụ án. Thủ tục xét xử vụ án tòa án phải triệu tập người thực hiện quyền tư tố đến tòa, nếu họ vắng mặt không có lý do chính đáng hai lần hoặc tự ý bỏ phiên tòa mà không được sự cho phép của tòa án thì được coi là từ bỏ quyền truy tố. Trong xét xử tòa án

khuyến khích việc hòa giải giữa hai bên trong vụ án tư tố, nếu đạt được hòa giải tòa án kết án bằng bản án hòa giải ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên, nếu không trái pháp luật và xâm hại lợi ích xã hội. Nếu không hòa giải thành tòa án phải ra phán quyết với vụ án. Trước khi tòa án ra phán quyết, người đã tư tố có quyền xin rút quyết định truy tố của họ, nếu là quyết định tự nguyện mà không phải do cưỡng bức, ép buộc thì tòa án chấp nhận và đình chỉ giải quyết vụ án.

Thứ ba, xác lập cơ chế điều chỉnh pháp lý đặc thù đó là: xác lập quan hệ pháp luật chỉ có bên nhà nước là tòa án với vai trò trọng tài xét xử (không có sự tham gia của CQĐT, viện kiểm sát); người bị hại với tính chất là bên tư tố có quyền buộc tội đơn phương không phụ thuộc ý chí nhà nước; người bị cáo buộc là bị cáo phải tham gia phiên tòa và có quyền phản tố, hòa giải. Văn bản áp dụng pháp luật có hai chủ thể là các nhân (người tư tố và người bị cáo buộc) và tòa án ấn định hình thành trong quá trình tố tụng có giá trị pháp lý ngang nhau.

Nghiên cứu về chế định vụ án tư tố trong tố tụng hình sự Trung Quốc, có thể thấy “triết lý tố tụng quy định về vụ án tư tố” của họ dựa trên các nội dung: (i) chế độ tư tố bảo đảm lợi ích và quyền tố tụng cho người bị hại tốt nhất; (ii) tư tố được thực hiện cùng với công tố là góp phần tiết kiệm tài nguyên tư pháp cho nhà nước để nhà nước dành thời gian, công sức thực hiện xử lý các vụ án nghiêm trọng hơn; (iii) thực hiện quyền tư tố dành thể chủ động cho người bị hại trong các trường hợp mà CQTHTT không thực hiện quyền công tố gây ảnh hưởng đến người bị hại. Mặt khác nhiều vụ án liên quan đến việc riêng, danh dự của người bị hại cần phải giữ kín, nên việc trao quyền tư tố cho người bị hại là biện pháp tốt nhất bảo vệ quyền của người bị hại hơn là duy trì quyền công tố từ nhà nước [76, tr.257].

Kinh nghiệm cho Việt Nam: Trung Quốc là nước có thể chế chính trị tương đồng, mô hình tố tụng của họ cơ bản là mô hình thẩm vấn, nhiều nguyên tắc tố tụng được xác lập cơ bản như pháp luật tố tụng Việt Nam (trừ nguyên tắc tư tố); trong pháp luật tố tụng xác lập nguyên tắc tư tố mang tính riêng biệt “song hành cùng công tố, không phụ thuộc công tố”, họ cho rằng đây là biện pháp tối ưu bảo vệ quyền của người bị hại vừa để cơ quan nhà nước chủ động trong các vụ án khác, các vụ án tư tố hãy để người bị hại quyết định lợi ích của họ. Về ý nghĩa nguyên tắc này không phù

hợp nguyên tắc tố tụng Việt Nam hiện hành, vì pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam không xác lập quyền tư tố. Tuy nhiên, đây là hình thức truy tố bổ sung cho hình thức công tố có tác dụng tốt nhất bảo vệ quyền của người bị hại, có tính chất đa dạng hóa các hình thức xử lý tội phạm góp phần giảm áp lực cho các CQTTHTT. Về lâu dài, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cần hướng đến ghi nhận bổ sung nguyên tắc tư tố để góp phần đa dạng hóa, triệt để tôn trọng sự lựa chọn biện pháp xử lý tội phạm của người bị hại nếu tố tụng không lựa chọn bổ sung nguyên tắc mặc cả nhận tội hoặc tùy nghi truy tố như một số nước quy định. Vì nội dung này pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cũng đã đề cập ít nhiều như quy định: người bị hại trình bày lời buộc tội trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ (Khoản 3, Điều 51, BLTTHS năm 2003); Trách nhiệm nộp án phí sơ thẩm nếu vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại mà tòa án tuyên bố bị cáo không có tội theo khoản 2 Điều 22 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009.

2.3.2. Liên bang Nga

Pháp luật tố tụng hình sự Liên bang Nga điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại thông qua các quy phạm trong BLTTHS hiện hành¹⁴, thể hiện ở những điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, tính chất và phương pháp điều chỉnh được xác định là người bị hại có quyền tự khởi tố, truy tố vụ án ra tòa án mà không cần phải qua CQĐT hoặc viện kiểm sát. Điểm khác biệt là BLTTHS của Liên bang Nga là phân chia vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại ra làm ba loại là: “vụ án tư tố” gồm 4 tội danh và các “vụ án công – tư tố” gồm 8 tội danh quy định trong BLHS của họ (tại Khoản 01, Điều 20). Theo Điều 20: (i), Các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại khoản 1 của các Điều 115 và 116 BLHS Liên bang Nga được coi là các vụ án tư tố. Các vụ án này chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ. Trong trường hợp người bị hại và bị can thỏa thuận được với nhau thì vụ án phải bị đình chỉ. Việc thỏa thuận chỉ được thực hiện trước khi tòa án tiến hành nghị án để tuyên án. (ii), Các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại khoản 1 các Điều 131,

¹⁴ Theo Bộ luật TTHS Liên bang Nga được Đuma Quốc gia thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2001 và được Hội đồng Liên bang phê chuẩn ngày 5 tháng 12 năm 2001, được cập nhật đến ngày 01/03/2012

132, 136, 137, 138, 139, 145, 146 và 147 BLHS Liên bang Nga được coi là các vụ án công - tư tố. Các vụ án này chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại nhưng không thể bị đình chỉ khi có thoả thuận giữa người bị hại và bị can, trừ những trường hợp quy định tại Điều 25 BLTTHS là trường hợp các bên hòa giải được với nhau và bồi thường thiệt hại cho người bị hại (Điều 20).

Thứ hai, xác lập cơ sở pháp lý điều chỉnh bao gồm các nội dung sau:

(i), Về chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án là người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ; người bị hại được xác định gồm cá nhân và pháp nhân, muốn trở thành người bị hại thì họ phải được thể hiện bằng quyết định của kiểm sát viên, dự thẩm viên hoặc tòa án công nhận (Điều 42). Người bị hại thực hiện thủ tục tư tố gọi là “tư tố viên”; tư tố viên là người đệ đơn yêu cầu tòa án giải quyết vụ án tư tố theo thủ tục quy định tại Điều 318 BLTTHS và thực hiện việc buộc tội trước tòa án (Điều 43).

(ii), Xác lập quyền và nghĩa vụ của của tư tố viên: tư tố viên thực hiện quyền tư tố bằng việc gửi đơn yêu cầu khởi tố ra tòa án có thẩm quyền. Đơn phải đáp ứng các nội dung (tên tòa án có thẩm quyền giải quyết, mô tả sự kiện tội phạm, yêu cầu cần giải quyết, thông tin về người bị hại, tài liệu xác định thân nhân bị hại, thông tin về người bị truy cứu trách nhiệm pháp lý, danh sách người làm chứng và ký xác nhận). Người tư tố phải chịu trách nhiệm nếu việc tư tố là gian dối, giả mạo. Tư tố viên phải tham gia phiên tòa, cung cấp chứng cứ và thực hiện nghĩa vụ chứng minh trong vụ án. Tư tố viên có quyền rút đơn, hòa giải với án tư tố. Đối với án công – tư tố thì chỉ được khởi tố vụ án khi có yêu cầu của người bị hại, nhưng người bị hại không thể hòa giải để rút đơn.

(iii), Xác lập trình tự thủ tục điều chỉnh việc giải quyết vụ án tư tố: khi tư tố viên gửi đơn yêu cầu khởi tố vụ án đến tòa án thẩm phán hòa giải sẽ là người giải quyết vụ án; nếu đơn yêu cầu chưa đủ các nội dung tư tố nêu trên thì thẩm phán trả lại đơn, yêu cầu sửa chữa, bổ sung. Nếu đủ điều kiện thì nhận đơn và ra quyết định thụ lý, công nhận tư cách tư tố viên của người tư tố. Tòa án khuyến khích việc hòa giải trong giải quyết án tư tố (Điều 318). Nếu hòa giải thành thì tòa án đình chỉ vụ án (Điều 319). Nếu không hòa giải được thì thẩm phán đưa vụ án ra xét xử. Nếu qua

xét xử phát hiện vụ án không phải là án tư tố thì thẩm phán đình chỉ vụ án và chuyển CQĐT thụ lý giải quyết. Việc ra bản án của thẩm phán theo thủ tục chung. Nội dung buộc tội của tư tố viên bao gồm nêu quan điểm bản chất của việc buộc tội, đánh giá chứng cứ, việc áp dụng luật hình sự và hình phạt, tư tố viên có quyền rút yêu cầu khởi tố, thay đổi nội dung khởi tố tại tòa nếu không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo (Điều 321).

Kinh nghiệm cho Việt Nam: nghiên cứu các quy định pháp luật tố tụng hình sự Liên bang Nga liên quan chế định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại thấy: Mô hình tố tụng của Liên bang Nga theo mô hình tranh tụng, với sự phân biệt rõ chức năng và chủ thể trong tố tụng rõ ràng, phân chia thành bên buộc tội, bên gỡ tội và vai trò của tòa án. Xác định rõ người bị hại có quyền yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự người thực hiện hành vi phạm tội không phụ thuộc CQĐT, viện kiểm sát thông qua việc xác lập án tư tố. Điều chỉnh pháp luật trong giải quyết vụ án xác định nguyên tắc hòa giải trong án tư tố, người bị hại thực hiện quyền tư tố là tư tố viên, tư tố viên thực hiện quyền thông qua các quy định pháp luật riêng biệt xác nhận quyền và nghĩa vụ của họ, pháp luật quy định và điều chỉnh riêng về quy trình thủ tục với án tư tố. Các quy định này đã tôn trọng triệt để quyền của con người nhất là quyền của người bị thiệt hại do tội phạm gây ra quy định tại Điều 6 mục đích của tố tụng hình sự. Góp phần đa dạng hóa các hình thức xử lý tội phạm cùng với quy định mặc cả nhận tội, thủ tục hòa giải, án tư tố giúp nhà nước kiểm soát tội phạm, giảm chi phí xã hội trong giải quyết các hành vi tội phạm. Những nội dung này nhìn chung về mục đích phù hợp pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, tuy nhiên về bản chất hiện nay chưa phù hợp. Chúng ta cần tiếp thu nhân tố hợp lý trong tố tụng của họ như việc phân chia tư cách tố tụng theo bên buộc tội và bào chữa, nghiên cứu tiếp thu quy định về hòa giải trong tố tụng hình sự với vụ án tư tố, nghiên cứu tính đến việc quy định về án tư tố trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam thời gian tới.

Về hình thức tư tố được pháp luật tố tụng hình sự quy định bằng đơn, tư cách của tư tố viên được công nhận bằng quyết định tố tụng. Người bị hại được xác định gồm cá nhân và pháp nhân bị thiệt hại do tội phạm gây ra đây là những nội dung

cần được tiếp thu để quy định bảo đảm tính chặt chẽ của tố tụng hình sự Việt Nam trong việc giải quyết vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại hiện nay.

2.3.3. Cộng hòa Pháp

Cộng hòa Pháp theo mô hình tố tụng hình sự hỗn hợp. Giai đoạn điều tra thiên về mô hình tố tụng thẩm vấn, giai đoạn xét xử thiên về mô hình tố tụng tranh tụng [139, tr.13]. Mô hình này Luật nhấn mạnh giai đoạn điều tra và vai trò của công tố viên. Công tố viên là những người đại diện cho nhà nước thay mặt những người bị hại trong vụ án. Điều quan trọng là công tố viên hành động vì xã hội, nhưng không chỉ để bảo vệ lợi ích của nhà nước. Tức là công tố viên không chỉ có chức năng buộc tội mà còn có chức năng duy trì sự công bằng và quyền lợi của xã hội [130]. Trong quá trình truy tố ở Pháp có ba nhân vật chính là cảnh sát tư pháp, công tố viên và thẩm phán điều tra. Kết quả điều tra của cảnh sát tư pháp được chuyển tới công tố viên. Cũng như các đồng nghiệp của họ trong hệ thống khác, công tố viên có quyền quyết định truy tố hay không truy tố. Tuy nhiên, về phần tư tố, nước Pháp cũng không cho phép người bị hại khởi kiện trực tiếp tới tòa án.

BLTTHS của Cộng hòa Pháp là bộ luật khá phức tạp về kết cấu thể hiện trong các quy phạm điều chỉnh điều chỉnh, được sửa đổi, bổ sung và dẫn chiếu đến nhiều đạo luật, nghiên cứu về các quy định liên quan đến quyền yêu cầu khởi tố của người bị hại trong tố tụng hình sự, chúng tôi nhận xét các quy định điều chỉnh như sau:

Thứ nhất, tính chất của pháp luật điều chỉnh là quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại với tên gọi giống Việt Nam mà không gọi là “quyền tư tố”. Người bị hại thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự thông qua công tố viên, công tố viên có quyền truy tố vụ án hoặc không truy tố vụ án bằng pháp luật hình sự nếu thấy không có căn cứ. Thực hành quyền công tố là quyền của CQTHTT trong tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp, nhân danh nhà nước truy tố tội phạm, quyền công tố mang tính tùy nghi. Tuy nhiên, đối với vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, tùy nghi truy tố bị hạn chế mà phụ thuộc người đã yêu cầu khởi tố vụ án.

Thứ hai, pháp luật điều chỉnh về chủ thể có quyền thực hiện việc yêu cầu khởi tố vụ án là người bị hại và gọi là “bên dân sự” trong vụ án hình sự [130, tr.480], quyền yêu cầu được thực hiện bằng đơn. Người bị hại có quyền lựa chọn

toà án dân sự hoặc toà án hình sự để yêu cầu giải quyết việc bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra. Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra và quyền công tố có thể được thực hiện đồng thời trước cùng một toà án¹⁵.

Thứ ba, pháp luật điều chỉnh về tội phạm mà người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án với các tội phạm quy định theo 06 nhóm như sau: *Nhóm 1*, các tội cố ý xâm phạm sức khỏe, tính mạng, bạo lực, tình dục, bắt giam người trái pháp luật, tội xâm phạm nơi cư trú quy định tại các Điều 221-1 đến 221 -4, 222-1 đến 222- 18, 222-23 đến 222-33, 224-1 đến 224-5, 226-4, 227-25, 227-26, 227-27 và 438-8 BLHS của Cộng hòa Pháp. *Nhóm 2*, các tội về hành vi tra tấn, đánh đập dã man, hành vi bạo lực và hành vi xâm hại tình dục người chưa thành niên, hành vi gây nguy hiểm cho người chưa thành niên thuộc trong các điều luật nêu ở nhóm 1; *Nhóm 3*, các tội lạm quyền để quấy rối tình dục trong quan hệ lao động (điều 123-1 Bộ luật lao động, điều 6, Luật số 83- 634 ngày 13/7/1983 về quyền và nghĩa vụ của công chức); *Nhóm 4*, những hành vi phân biệt đối xử quy định tại các điều 225 – 2 và 432 -7 BLHS nếu những hành vi đó có nguồn gốc do tình trạng sức khỏe hoặc tàn tật của người bị hại; *Nhóm 5*, các hành vi khủng bố quy định tại các Điều 421-1, 421-2, 421-4, BLHS, tội tham gia tổ chức tội phạm quy định tại Điều 450 -1 BLHS nhằm mục đích chuẩn bị thực hiện tội phạm khủng bố hoặc các tội liên quan; *Nhóm 6*, các hành vi vi phạm luật lệ gây tai nạn giao thông, hành vi gây thương tích khi điều khiển xe cơ giới (Các điều từ 2-1 đến 2-15 BLHS) [109, tr.42]

Thứ tư, quy định về quy trình thủ tục tố tụng theo yêu cầu của người bị hại như sau: Người bị hại thực hiện quyền bằng đơn dưới hình thức “đơn khiếu nại” hoặc “đơn tố cáo”. Đơn của người bị hại được gửi đến công tố viên, nếu có đủ căn cứ để xác định tội phạm (căn cứ này bao gồm việc xác định rõ tội phạm và căn cước và địa chỉ người phạm tội) thì công tố viên phải thực hiện truy cứu trách nhiệm hình sự (truy tố) mà không được từ chối (Điều 40-1); nếu xác định tội phạm không thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu người bị hại công tố viên sẽ chuyển sang thủ tục khác, người bị hại có quyền kháng cáo việc này (Điều 40-2). Việc tiến hành thủ tục tố tụng đối với vụ án theo thủ tục chung (Điều 41).

¹⁵ Điều 3 BLTTHS Pháp.

Thứ năm, người bị hại đã yêu cầu khởi tố có quyền rút đơn đã yêu cầu và công tố viên đình chỉ giải quyết vụ án.

Kinh nghiệm cho Việt Nam: về bản chất điều chỉnh pháp luật về yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp giống Việt Nam, về mặt hình thức yêu cầu của người bị hại phải thể hiện bằng đơn, có quyền lựa chọn tòa án để giải quyết; phạm vi các tội phạm được quyền yêu cầu khởi tố của Cộng hòa Pháp rất rộng về nhóm và số lượng tội phạm, trong đó các loại tội phạm là kinh nghiệm tốt cho Việt Nam tham khảo như: tội phạm về bắt giam người trái pháp luật, tội xâm phạm nơi cư trú; những hành vi phân biệt đối xử, nếu những hành vi đó có nguồn gốc do tình trạng sức khỏe hoặc tàn tật của người bị hại; các hành vi vi phạm luật lệ gây tai nạn giao thông, hành vi gây thương tích khi điều khiển xe cơ giới

2.3.4. Cộng hòa liên bang Đức

Pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự CHLB Đức quy định tại BLTTHS. Quy định pháp luật về nội dung này có các đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, về bản chất của quy định pháp luật pháp luật tố tụng hình sự CHLB Đức xác định đây là “quyền truy tố cá nhân” của người bị hại, trong BLTTHS của họ đã quy định thành chế định riêng biệt tại Phần V, chương I về “tư tố”; người bị hại có quyền tự truy tố cá nhân ra thẳng tòa án mà không cần phải nhờ đến cơ quan công tố, công tố viên không buộc phải tham gia vào thủ tục tư tố (Điều 374 và 377).

Thứ hai, điều chỉnh pháp luật về quyền truy tố cá nhân thể hiện rất rõ ràng và minh bạch trong các quy định, dễ tiếp cận và khả thi, cụ thể: về tội phạm có quyền truy tố cá nhân là các tội danh nhất định ở mức độ nhất định (ít nghiêm trọng) xâm hại đến cá nhân của người bị hại như: tội xâm phạm gia cư bất hợp pháp, tội xúc phạm danh dự, nhân phẩm, vi phạm tự do báo chí, đe dọa, quấy rối, nhận và đưa hối lộ, gây thiệt hại về tài sản... (Điều 376); việc truy tố phải thể hiện ý chí bằng đơn (Điều 158 và 381); việc thực hiện quyền truy tố cá nhân của người bị hại có thể thực hiện qua người đại diện (Điều 374); trong vụ án do người bị hại truy tố trách nhiệm buộc tội thuộc về người bị hại đã truy tố cá nhân (Điều 385); người bị hại đã

truy tố cá nhân nhưng rút quyết định truy tố thì không có quyền yêu cầu lại (Điều 392). Trong quá trình thực hiện thủ tục tố tụng hòa giải được coi là thủ tục bắt buộc và khuyến khích thực hiện (Điều 153a, 380); nếu người bị hại truy tố đúng đắn thì tòa án buộc phải thụ lý vụ án (Điều 382); việc rút đơn truy tố của người bị hại có thể thực hiện ở bất kỳ giai đoạn nào trong tiến trình tố tụng (Điều 391); đặc biệt BLTTHS còn quy định về quyền tư tố của nhiều người trong cùng vụ án (Điều 357); quy định các chính sách hỗ trợ cho tư tố viên thực hiện hoạt động tố tụng quy định tại chương II về “trợ giúp hoạt động tư tố” (Điều 395 đến Điều 402) [109],[32].

Kinh nghiệm cho Việt Nam: về mặt bản chất pháp lý quyền truy tố cá nhân của pháp luật tố tụng hình sự CHLB Đức khác biệt so với Việt Nam, đây là chế định riêng biệt trong luật, là quyền tư tố. Những điểm tương đồng mà pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam có thể tham khảo là: quy định về hình thức thực hiện quyền bằng đơn, khuyến khích việc hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án; quy định các chính sách hỗ trợ cho tư tố viên thực hiện hoạt động tố tụng.

Kết luận chương 2

1. Chương 2 tác giả đã làm rõ: Pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam là trường hợp điều chỉnh pháp luật đặc biệt, của tố tụng hình sự trong giải quyết vụ án hình sự. Tính chất đặc biệt của biện pháp điều chỉnh này được giải thích xuất phát từ chính nhu cầu xã hội, tính đặc thù của quy phạm pháp luật tố tụng hình sự, chính sách hình sự và các biện pháp pháp lý hình sự đặt ra, đồng thời còn xuất phát từ mục đích của pháp luật hình sự, từ phương diện phòng ngừa tội phạm, bị chi phối bởi mô hình phòng chống tội phạm mà quốc gia thực hiện; xuất phát từ nhu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong tư pháp hình sự.

2. Tác giả cũng đã làm sáng tỏ các khái niệm và đặc điểm về: “khởi tố vụ án hình sự”, “người bị hại, chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại” trong pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam. Phân tích đánh giá và đưa ra khái niệm pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố

tụng hình sự Việt Nam: là tập hợp các nguyên tắc, quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự với người bị hại (hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại) khi họ yêu cầu khởi tố vụ án, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi có dấu hiệu tội phạm xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại.

3. Tại Chương 2 đã phân tích rõ các đặc điểm của pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam có tính đặc thù so với pháp luật tố tụng hình sự nói chung về tính chất, phương pháp điều chỉnh, cơ chế bảo đảm thực hiện việc điều chỉnh pháp luật. *Một là*, về tính chất điều chỉnh là việc nhà nước thừa nhận “quyền tự quyết định về mặt ý chí của người bị hại” trong xử lý hành vi phạm tội xâm hại đến lợi ích của họ bằng việc yêu cầu khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự (khi đã có đủ căn cứ nội dung là thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội phạm có quyền yêu cầu khởi tố). *Hai là*, về phương thức điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại có phương thức điều chỉnh đặc thù là “phương pháp ghi nhận và bảo đảm” quyền tự quyết định về ý chí của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trong thực hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với các vụ án mà người bị hại được quyền yêu cầu khởi tố vụ án. *Ba là*, về cơ chế điều chỉnh là hoạt động điều chỉnh phức tạp, tính chất phức tạp của nó do tính chất của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự nội dung này quy định, bao gồm quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật, hành vi thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý.

4. Tác giả cũng đã phân tích làm sáng tỏ vai trò của pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam trong việc bảo đảm các yêu cầu của pháp luật tố tụng về bảo vệ quyền con người, đấu tranh phòng, chống và kiểm soát tội phạm. Phân tích các yếu tố tác động, ảnh hưởng như: tình hình kinh tế xã hội, sự phát triển của dân chủ; chính sách hình sự của Đảng và nhà nước ở mỗi thời kỳ; các nguyên tắc và mô hình tố tụng; quá trình hội nhập và phát triển, sự tương thích của pháp luật Việt Nam đến sự hình thành và phát triển pháp

luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong thời gian qua và trong tương lai.

5. Tác giả phân tích đánh giá các quy định pháp luật về “quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại”, quy định về “quyền tư tố”, quy định về “quyền truy tố cá nhân” trong tố tụng hình sự của các nước như Trung Quốc, Liên bang Nga, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức để làm rõ các đặc trưng trong điều chỉnh pháp luật của họ; so sánh với pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ đó rút ra các kinh nghiệm có thể tham khảo trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chế định này.

Chương 3

CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA NGƯỜI BỊ HẠI VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN

3.1. Quá trình hình thành và hoàn thiện các quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

Trước khi nhà nước ban hành BLTTHS năm 1988 xuất phát từ quan niệm triết lý xử lý tội phạm thuộc về nhà nước một cách tuyệt đối do vậy, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam không ghi nhận và điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại. Lý do được giải thích là: quan hệ pháp luật hình sự là quan hệ giữa nhà nước và người phạm tội, trong đó với tính chất là người bảo vệ lợi ích của toàn xã hội, nhà nước có quyền khởi tố điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội, buộc tội người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà họ đã gây ra [90, tr. 29].

Vì vậy, pháp luật tố tụng hình sự giai đoạn này chưa quy định và chưa điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại.

3.1.1. Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988

Với tinh thần lập pháp tôn trọng và bảo vệ quyền công dân đã hình thành tư tưởng, quy định và thực hiện các quyền công dân thiết yếu nhất ngay trong BLTTHS đầu tiên của Việt Nam năm 1988, đây cũng là một trong hai đạo luật được pháp điển hóa sớm nhất.

Pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại có nguồn là quy định trong BLTTHS năm 1988 (được sửa đổi qua các lần ngày 30/6/1990; ngày 22/12/1992; ngày 9/6/2000 gọi chung là BLTTHS năm 1988), có các nội dung chính sau đây:

Thứ nhất, cơ sở pháp lý: được quy định tại điều 88 khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, cụ thể hóa tại các điều Điều 39 người bị hại; khoản 2, Điều 139 về đình chỉ điều tra; khoản 3, Điều 143b đình chỉ vụ án ở giai đoạn truy tố; Điều 155 đình chỉ vụ án ở giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của BLTTHS năm 1988.

Thứ hai, phạm vi điều chỉnh về chủ thể và tội phạm: về chủ thể luật chỉ quy định duy nhất cho chính người bị hại, trong trường hợp khác như người bị hại bị chết, bị nhược điểm thể chất, tâm thần... người bị hại sẽ bị mất quyền yêu cầu khởi tố vụ án. Về phạm vi tội phạm: những tội phạm được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại gồm 07 tội phạm tại 06 điều luật¹⁶; các tội phạm yêu cầu khởi tố của người bị hại chỉ ở khoản 01, là các tội xâm phạm đến cá nhân về danh dự, sức khỏe và quyền sở hữu trí tuệ; đây là các tội có tính chất nguy hiểm cho xã hội thấp, loại tội ít nghiêm trọng (trừ tội hiếp dâm là tội phạm nghiêm trọng).

Thứ ba, về hình thức và nội dung của quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại: về hình thức của quyền yêu cầu và rút yêu cầu của người bị hại pháp luật chưa quy định, nhưng yêu cầu về mặt pháp lý phải được phản ánh trong hồ sơ bằng tài liệu, mang tính tự nguyện về ý chí, có trước khi CQTHTT khởi tố vụ án. Nội dung của quyền yêu cầu hoặc rút yêu cầu là “yêu cầu về khởi tố vụ án hình sự” với tính chất là quyền phát động tố tụng đối với vụ án.

Thứ tư, về phương thức điều chỉnh: nhà nước bảo đảm quyền tự nguyện thể hiện ý chí của người bị hại trong lựa chọn việc xử lý hay không xử lý tội phạm đã gây cho người bị hại bằng việc khởi tố hay không khởi tố vụ án. Đồng thời bảo đảm cho việc thể hiện ý chí đó được thực hiện.

BLTTHS năm 1988 đi vào thực tiễn thi hành đã nảy sinh rất nhiều vấn đề tranh luận chưa thống nhất như: về chủ thể của quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự khi người bị hại đã chết hoặc người bị hại bị ảnh hưởng đến thể chất dẫn đến mất năng lực hành vi hoặc người bị hại là người chưa thành. Luật quy định người bị hại có quyền rút yêu cầu của mình trước ngày mở phiên tòa thì vụ án phải được đình chỉ nhưng lại không nêu rõ tại phiên tòa cấp nào. Luật cũng không quy định hậu quả của việc rút yêu cầu khởi tố vụ án đã khởi tố của người bị hại, người bị hại đã rút yêu cầu thì có quyền khởi tố lại hay không. Luật cũng quy định trong “trường hợp cần thiết” dù người bị hại đã rút yêu cầu nhưng viện kiểm sát, tòa án vẫn có thể tiếp

¹⁶ Các tội gồm: Điều 109 Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác; Điều 112 Tội Hiếp dâm; Điều 113 Tội cưỡng dâm; Điều 116 Tội làm nhục người khác; Điều 117 Tội vu khống; Điều 126 Tội xâm phạm quyền tác giả, sáng chế, phát minh

tục tiến hành tố tụng với vụ án mà không có tiêu chí cụ thể xác định “trường hợp cần thiết” là những trường hợp nào.

Đến năm 2000 do BLHS năm 1985 đã được sửa đổi liên quan đến quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại tăng thêm một số tội danh từ việc tách hành vi phạm tội của các điều luật năm 1985 trong đó có điều 109 tách thành 04 điều luật mới; BLTTHS năm 1988 được sửa đổi quyền yêu cầu khởi tố của người bị hại từ 06 tội danh lên 11 tội phạm tại khoản 01 cho phù hợp với BLHS mới, các quy định khác của chế định này vẫn giữ nguyên.

Như vậy, với việc lần đầu tiên pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại (trong BLTTHS năm 1988) đã mở ra nguyên tắc mới mang tính đặc biệt, cho phép người bị hại có quyền quyết định về ý chí trong lựa chọn có hay không yêu cầu xử lý bằng biện pháp hình sự tội phạm đã gây ra với họ trong phạm vi pháp luật cho phép. Đây cũng là bước đầu ghi nhận chính sách hình sự của nhà nước trong việc đa dạng hóa các biện pháp xử lý tội phạm; là một trong bước tiến quan trọng bảo đảm nguyên tắc bảo vệ, bảo đảm quyền con người, nguyên tắc công bằng trong tư pháp hình sự.

3.1.2. Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

Bước vào thời kỳ thực hiện công cuộc đổi mới và hội nhập sâu rộng của đất nước, quan tâm đến công tác tư pháp ngày 02/01/2002 Bộ Chính trị, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Nghị quyết đã đề ra nhiều giải pháp trong đó có nhóm giải pháp bảo đảm về quyền con người, quyền công dân trong tư pháp hình sự. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, trên cơ sở đánh giá kết quả đã đạt được của BLTTHS năm 1988, khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện, Nhà nước chính thức ban hành BLTTHS năm 2003 thay thế BLTTHS năm 1988. Những nội dung điều chỉnh của BLTTHS năm 2003 về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại được tiếp tục ghi nhận và làm sâu sắc thêm, những hạn chế đã được quan tâm khắc phục, điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của

người bị hại được quy định tại Điều 105, cụ thể hóa trong một số điều luật, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về cơ sở pháp lý: được quy định tại trực tiếp Điều 105, các điều luật cụ thể hóa trong BLTTHS năm 2003 như khoản 3 Điều 51; điểm a, khoản 2 và khoản 3 Điều 164; khoản 1 và 3 Điều 169, Điều 180; và các văn bản hướng dẫn thi hành như: Nghị quyết 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02/10/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTHS năm 2003; Nghị quyết 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư “xét xử phúc thẩm” của BLTTHS năm 2003; Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT- VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và viện kiểm sát trong thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003.

Thứ hai, phạm vi điều chỉnh về chủ thể và tội phạm: về chủ thể luật đã có sự điều chỉnh bổ sung các chủ thể được quyền yêu cầu khởi tố vụ án là người đại diện hợp pháp của người bị hại trong trường hợp họ không thể thực hiện quyền của họ với các trường hợp: người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất. Về phạm vi tội phạm: những tội phạm được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại gồm 17 tội phạm tại 11 điều luật (đã trình bày ở phần trước). Số lượng tội phạm được khởi tố theo yêu cầu của bị hại đã tăng từ 07 tội phạm lên 17 tội phạm, (lý do điều chỉnh tăng tội phạm là do BLHS năm 1999 cụ thể hóa hành vi một số quy định như đã nêu). Bên cạnh đó, điều này thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong điều chỉnh pháp luật theo yêu cầu của người bị hại theo hướng tôn trọng hơn quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự. Tính chất của các tội phạm được điều chỉnh vẫn là các hành vi xâm hại đến cá nhân người bị hại, hầu hết là tội phạm ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Thứ ba, về hình thức và nội dung của quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại đã có sự thay đổi nhất định:

Về hình thức của quyền yêu cầu và rút yêu cầu của người bị hại: pháp luật tố tụng hình sự chưa quy định. Để cụ thể hóa quy định này, mục 7.2 Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT- VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và viện kiểm sát trong thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003 đã giải thích rõ yêu cầu khởi tố của người bị hại hoặc người đại diện thể hiện bằng đơn yêu cầu có chữ ký hoặc điểm chỉ của họ; nếu người bị hại hoặc người đại diện đến trực tiếp trình bày thì cơ quan điều tra, viện kiểm sát phải lập biên bản ghi rõ nội dung yêu cầu khởi tố và yêu cầu họ ký hoặc điểm chỉ vào biên bản.

Về nội dung của quyền yêu cầu: BLTTHS năm 2003 có những quy định cụ thể tại các Điều 105, Điều 164, khoản 3 Điều 169 và các văn bản hướng dẫn kỹ thuật (về biểu mẫu của Bộ Công an, hướng dẫn nghiệp vụ trong quy chế của ngành Kiểm sát, hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) đã dẫn đến có những nhận thức khác nhau về quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong tố tụng hình sự (nội dung này sẽ phân tích tại mục 3.2.2 Luận án).

Thứ tư, về quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại: luật quy định người đã yêu cầu khởi tố có quyền rút yêu cầu của mình trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì vụ án phải được đình chỉ, nghĩa là giới hạn về việc rút yêu cầu chỉ được đặt ra “trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm”, đồng thời quy định đình chỉ trong trường hợp người yêu cầu khởi tố rút đơn là căn cứ luật định trong quy định về đình chỉ vụ án (điều 180 BLTTHS năm 2003).

Thứ năm, về hậu quả pháp lý của việc rút yêu cầu của người bị hại: luật cũng đã quy định vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của người bị hại là người bị hại đã rút yêu cầu thì không có quyền yêu cầu khởi tố lại vụ án (khoản 2, điều 105, BLTTHS năm 2003). Luật cũng đã giải thích rõ quy định “trường hợp cần thiết” là trường hợp có căn cứ để xác định người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố trái ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án vẫn có thể tiếp tục tiến hành tố tụng với vụ án.

3.1.3. Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được ban hành trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ta tiến hành cuộc cải cách tư pháp sâu rộng; khi mà chính sách hình sự của ta có nhiều thay đổi mạnh mẽ sau gần 10 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, đặc biệt bản Hiến pháp 2013 có hiệu lực thi hành xác định nhà nước có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm và thực thi quyền con người, quyền công dân bằng việc ghi nhận tại Chương 2 về quyền con người và quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp với 36 điều luật trong đó có nhiều quyền được ghi nhận trực tiếp trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Kế thừa những kết quả của BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 đã quy định nhiều nội dung mới thể chế quan điểm của Đảng, nhà nước trong các chế định trong đó có quy định về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại.

Mặt khác BLHS năm 1999 đã được Quốc hội sửa đổi tại BLHS năm 2015 (được thông qua ngày 29/12/2015 có hiệu lực thi hành một phần theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội) đã có những nội dung quan trọng trực tiếp liên quan đến thực hiện quyền của người bị hại trong pháp luật hình sự như các quy định: (i) Điều kiện miễn trách nhiệm hình sự thông qua hình thức hòa giải quy định khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015, như sau: “Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”; (ii) Quy định hòa giải tại cộng đồng tại các Điều 94 BLHS năm 2015 với người chưa thành niên phạm tội; định lượng lại hậu quả trong một số tội phạm người bị hại yêu cầu khởi tố vụ án theo hướng nâng cao định lượng về hậu quả như Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 226), xác định về hậu quả của tội phạm như Tội vu khống (Điều 156); bổ sung thêm hành vi bị coi là tội phạm như hành vi quan hệ tình dục khác của Tội hiếp dâm (Điều 141); giảm nhẹ mức hình phạt hoặc thay thế hình phạt

theo hướng bổ sung hình phạt nhẹ hơn của các tội này trong BLHS năm 1999 như Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, (Điều 105) BLHS năm 1999...với các quy định mới này pháp luật tố tụng hình sự là pháp luật về hình thức cũng cần được ghi nhận thống nhất để thi hành.

Trong điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại quy định trong BLTTHS năm 2015 có những đặc điểm chính về: căn cứ pháp lý, chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án; phạm vi điều chỉnh về tội phạm mà người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố; về hình thức, nội dung, phạm vi thực hiện quyền của người bị hại trong việc yêu cầu và rút yêu cầu khởi tố vụ án tác giả sẽ trình bày ở phần thực trạng pháp luật.

3.2. Nội dung của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự

Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là tập hợp các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa các CQTHTT (gồm cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án) với người bị hại hoặc đại diện của họ khi họ có yêu cầu CQTHTT khởi tố vụ án hình sự đối với một số hành vi có dấu hiệu tội phạm xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại bằng Quyết định khởi tố vụ án hình sự ở giai đoạn khởi tố.

Mặt khác pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại còn điều chỉnh mối quan hệ phát sinh trong quá trình tố tụng tiếp theo (ở giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử) của vụ án khi người bị hại thực hiện quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án của mình tự nguyện bao gồm các nội dung: (i) Điều chỉnh về hậu quả của việc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại khi vụ án đã được khởi tố theo yêu cầu của họ. (ii) Điều chỉnh về trách nhiệm pháp lý của CQTHTT khi người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại thực hiện quyền rút yêu cầu.

3.2.1. Các nguyên tắc điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự

Nguyên tắc của tố tụng hình sự là những phương châm, những định hướng chi phối tất cả hoặc một số hoạt động tố tụng hình sự, được các văn bản pháp luật ghi nhận [100, tr. 45]. Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại các nguyên tắc được xác định bao gồm:

Một là, nguyên tắc người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ có quyền tự nguyện quyết định về ý chí trong việc yêu cầu hay không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự khi vụ án đã được khởi tố.

Hai là, nguyên tắc các CQTHTT phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện quyền tự nguyện quyết định về ý chí của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trong việc yêu cầu hay không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự khi vụ án đã được khởi tố.

Ba là, nguyên tắc các CQTHTT, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại phải tuân thủ các quy định về hậu quả pháp lý trong thực hiện quyền tự nguyện quyết định ý chí về lựa chọn lợi ích trong việc quyết định yêu cầu hay không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, rút yêu cầu khởi tố vụ án của người đã yêu cầu khởi tố vụ án.

Nội dung các nguyên tắc này sẽ phân tích ở phần các nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại tại mục 3.2.2.

3.2.2. Các nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh về chủ thể và phạm vi các tội phạm được yêu cầu khởi tố vụ án

Căn cứ quy định hiện hành của BLTTHS năm 2003 và năm 2015 các quy định pháp luật điều chỉnh về chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự được quy định tại Điều 105 BLTTHS năm 2003, nay là Điều 155, BLTTHS năm 2015;

Một là, theo đó chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự được xác định chính là người bị hại (là cá nhân, cơ quan, tổ chức trực tiếp bị thiệt hại về thể

chất, tinh thần, tài sản do tội gây ra hoặc đe dọa gây ra). Nếu trong trường hợp người bị hại là cá nhân không thể thực hiện quyền thuộc trường hợp đặc biệt là “người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về thể chất, tâm thần hoặc đã chết” thì chủ thể là người đại diện hợp pháp của người bị hại thực hiện thay họ và có quyền của người bị hại nhưng không phải là bị hại. Điều kiện trở thành chủ thể tác giả đã phân tích tại mục 2.1.3.1.

Hai là, phạm vi các tội phạm được yêu cầu khởi tố bao gồm các tội phạm được quy định tại hai BLHS là: BLHS năm 1999 và một số tội phạm tại BLHS năm 2015 (thực hiện theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội). Như vậy, đến thời điểm hiện tại (năm 2016) BLTTHS hiện hành bao gồm cả BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015.

Các tội phạm sau đây được quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại:

- Tội phạm quy định tại khoản 01, Điều 104 BLHS năm 1999 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác);

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 105 BLHS năm 1999 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh).

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 106 BLHS năm 1999 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng).

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 108 BLHS năm 1999 (tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác).

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 109 BLHS năm 1999 (tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính).

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 111 BLHS năm 1999 (tội hiếp dâm) .

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 112 BLHS năm 1999 (tội cưỡng dâm)

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 121 BLHS năm 1999 (tội làm nhục người khác) hình phạt của tội này theo quy định tại khoản 01, Điều 155 BLHS năm 2015.

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 122 BLHS năm 1999 (tội vu khống) được áp dụng như sau: (i) với hành vi bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo khoản 01, điều 122 BLHS năm 1999; (ii) đối với hành vi hành vi bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác áp dụng theo điểm a, khoản 1, Điều 156 BLHS năm 2015 vì điểm a đòi hỏi dấu hiệu hậu quả là nghiêm trọng thay cho việc không quy định dấu hiệu hậu quả trước đây theo nguyên tắc có lợi trong xử lý tội phạm.

- Tội phạm quy định tại khoản 01, Điều 171 BLHS năm 1999, (Tội xâm hại quyền sở hữu công nghiệp), nay thực hiện theo quy định tại khoản 01 điều 226 BLHS năm 2015.

Thứ hai, nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh nội dung và hình thức thực hiện quyền yêu cầu khởi tố

Về nội dung: theo quy định tại khoản 01 Điều 105 BLHS năm 2003, nội dung quyền yêu cầu được thể hiện: (i), Khi có thông tin về tội phạm đến cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự, xác định tội phạm thuộc trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì chỉ được ra quyết định khởi tố vụ án sau khi người bị hại hoặc đại diện của họ có yêu cầu; nếu người bị hại hoặc đại diện của họ không yêu cầu thì không được khởi tố vụ án hình sự. (ii), Đối với vụ án hình sự sau khi đã khởi tố, phát hiện thuộc trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại thì chỉ được thay đổi quyết định khởi tố sau khi người bị hại có yêu cầu; nếu người bị hại không yêu cầu thì cơ quan đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ra quyết định hủy bỏ quyết định này (Khoản 01, Điều 158, BLTTHS năm 2015).

Như vậy, nội dung điều chỉnh pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại là quy định pháp luật điều chỉnh về các hành vi thực hiện quyền của người bị hại trong thể hiện ý chí mong muốn giải quyết hành vi phạm tội xâm hại đến người bị hại trong khuôn khổ pháp luật tố tụng hình sự quy định. Song nhận thức về bản chất pháp lý của hành vi thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại hoặc đại diện của họ (gọi chung là người bị hại) vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau.

- *Quan điểm thứ nhất*: theo nghĩa hẹp quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại là “*quyền yêu cầu khởi tố đối với vụ án hình sự*”. Nói cách khác đây là quyền phát động tố tụng đối với một vụ án hình sự. Khi có sự kiện phạm tội xảy ra thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, cơ quan có thẩm quyền khởi tố chỉ được khởi tố vụ án khi có yêu cầu của người bị hại. Nếu vụ án đã được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, trong quá trình tố tụng tiếp theo với vụ án họ không có nguyện vọng xử lý bằng pháp luật hình sự đối với hành vi phạm tội gây ra cho họ, thể hiện bằng việc rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ. Như vậy, khi rút yêu cầu của người bị hại sẽ làm mất đi tính chất tiên quyết của vụ án là (không có căn cứ phát động vụ án) [123, tr.536 - 537].

Quan điểm này đưa ra lý luận là quyền rút yêu cầu của người bị hại là rút yêu cầu khởi tố đối với vụ án hình sự (trong đó xử lý hành vi tội phạm gây ra cho người bị hại), quyền này không liên quan trực tiếp đến bị can, tức luật không cho phép người bị hại có sự lựa chọn chỉ xử lý trách nhiệm hình sự với một (hay nhiều) bị can này mà không yêu cầu xử lý đối với một hay những bị can còn lại trong vụ án có nhiều bị can[55].

- *Quan điểm thứ hai*: theo nghĩa rộng quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại bao gồm hai nội dung: (i) là quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về hành vi có dấu hiệu tội phạm đã gây ra cho người bị hại; (ii) là quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với chủ thể thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm đã gây ra cho người bị hại; nói cách khác là quyền “*yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị can*”.

Theo quan điểm này, trong trường hợp vụ án có nhiều đối tượng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng người bị hại chỉ muốn xử lý với một hoặc một số đối tượng thì cơ quan có thẩm quyền khởi tố sẽ quyết định khởi tố vụ án hình sự và chỉ quyết định khởi tố vụ án đối với bị can (Quyết định khởi tố bị can) đối với đối tượng được người bị hại yêu cầu; các đối tượng khác không được người bị hại yêu cầu sẽ không được khởi tố bị can đối với họ. Khi người bị hại đã yêu cầu khởi tố đối với các bị can trong vụ án, sau đó rút yêu cầu với một số bị can còn một số bị can vẫn yêu cầu xử lý thì chỉ những bị can được rút yêu cầu mới được đình chỉ điều tra vụ án [19]. [40, tr.05].[72].[73, tr.27].

Lý luận quan điểm theo nghĩa rộng, các tác giả căn cứ cách tiếp cận (cách hiểu) các quy định của BLTTHS năm 2003 và thực tiễn thực hiện ở các địa phương như sau: Điều 164, quy định “Nếu trong một vụ án có nhiều bị can mà căn cứ để đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả các bị can, thì có thể chỉ đình chỉ điều tra đối với từng bị can”. Khoản 3, Điều 169, quy định “Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà căn cứ đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả các bị can, thì có thể đình chỉ vụ án đối với từng bị can”. Các tác giả lập luận: Quy định này gián tiếp đưa đến cách hiểu trong khởi tố vụ án có hai trường hợp là quyết định khởi tố vụ án (với tính chất mở đầu cho hoạt động tố tụng với vụ án) và quyết định khởi tố vụ án đối với bị can (gọi tắt là khởi tố bị can). Luật quy định có căn cứ “khởi tố vụ án đối với bị can” thì đồng nghĩa với việc có các căn cứ để đình chỉ vụ án với bị can. Thực tiễn thực hiện BLTTHS của ba ngành công an và tòa án, viện kiểm sát thời gian qua cũng thể hiện nội dung này trong các biểu mẫu của quyết định “đình chỉ điều tra bị can của CQĐT”¹⁷ và quyết định “đình chỉ vụ án đối với bị can của viện kiểm sát”¹⁸; quyết định “đình chỉ vụ án của tòa án”¹⁹ đều ghi đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can hoặc đình chỉ vụ án đối với bị can.

Từ cách đặt vấn đề này được nhận thức quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại gồm hai nội dung: *Một là*, yêu cầu khởi tố vụ án hình sự với ý nghĩa là quyết định tố tụng mở ra một vụ án hình sự. *Hai là*, yêu cầu khởi tố vụ án hình sự với ý nghĩa là yêu cầu xử lý một hoặc một số người là chủ thể của hành vi phạm tội gây ra đối với bị can – đây chính quyền yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị can.

Phát triển lý luận của các quan điểm, các tác giả đưa đến các kết luận về hậu quả pháp lý của quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại như sau:

(i) *Người theo quan điểm hẹp*: cho rằng việc rút yêu cầu của người bị hại là rõ ràng. BLTTHS quy định rất rõ yêu cầu của người bị hại là yêu cầu khởi tố với vụ

¹⁷ Xem biểu mẫu Quyết định đình chỉ điều tra bị can (mẫu số 20) ban hành kèm theo Quyết định số 1351/2004/QĐ-BCA(C11) ngày 18/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về ban hành các biểu mẫu trong hoạt động tố tụng hình sự của lực lượng Công an nhân dân.

¹⁸ Xem biểu mẫu Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can (mẫu 96), ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ- VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự.

¹⁹ Xem biểu mẫu đình chỉ vụ án (mẫu 04c) ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ- HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “xét xử sơ thẩm” của BLTTHS năm 2003.

án nên khi người bị hại rút yêu cầu thì đương nhiên phải đình vụ án (nếu đó là sự tự nguyện về ý chí). Việc yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại không liên quan gì đến việc khởi tố bị can. Do vậy người bị hại không có quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án với bị can hoặc một số bị can (trong vụ án có nhiều bị can). Tuy nhiên, phải xác định rõ nội dung rút yêu cầu của người bị hại là rút yêu cầu khởi tố với vụ án hay rút yêu cầu xử lý với bị can, nếu là rút yêu cầu xử lý với bị can thì người bị hại không có quyền này và chỉ coi đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị can hoặc các bị can mà không được dùng làm căn cứ đình chỉ vụ án [19].

(ii) *Người theo quan điểm rộng* cho rằng quy định tại các quy phạm pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại là chưa rõ ràng, cần phải hướng dẫn. Nhận thức của các tác giả này cho rằng người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị can. Vì vậy, người bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án với bị can nào thì bị can đó được áp dụng khoản 2, Điều 105 BLTTHS năm 2003 để đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can hoặc đình chỉ vụ án. Trong vụ án có nhiều bị can, người bị hại rút yêu cầu khởi tố với bị can nào thì bị can đó được áp dụng khoản 2 Điều 105, không thể buộc người bị hại phải rút đơn với tất cả các bị can thì mới đình chỉ vụ án, còn chỉ rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với một hoặc một số bị can thì không chấp nhận [35].[40, tr.05].[72].[73, tr.27].

Nghiên cứu quy định pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong tố tụng hình sự, TS. Nguyễn Đức Thái đưa ra quan điểm thứ ba: Bản chất pháp lý của quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại chính là “quyền buộc tội của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam” có tính chất tư tố, là điều kiện làm phát sinh quyền công tố của nhà nước nhưng nằm trong giới hạn của quyền công tố. Tác giả còn giải thích rõ thêm “Quyền buộc tội của người bị hại trong các vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại có tính chất “tư tố” nhưng không phải quyền tư tố vì người bị hại không trực tiếp thực hiện việc khởi tố vụ án hình sự và truy tố ra tòa mà chỉ có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, sau đó vụ án được giải quyết theo thủ tục thông thường [84, tr.62]. Tuy nhiên, tác giả chưa trình bày rõ hình thức buộc tội của người bị hại ở đây đến mức độ nào, buộc tội thông qua yêu cầu khởi tố vụ án hay buộc tội thông qua yêu cầu khởi tố bị can.

Chúng tôi cho rằng, để đánh giá quan điểm nào có cơ sở khoa học, phải trở lại bản chất pháp lý của “quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại” trong pháp luật tố tụng hình sự. Hiện nay nguồn của pháp luật hiện hành chính là các văn bản: BLTTHS năm 1988, BLTTHS năm 2003 các nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thông tư liên tịch của liên ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện BLTTHS năm 2003. Theo các văn bản pháp luật này có các nguyên tắc chung của tố tụng hình sự Việt Nam là: trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự thuộc về nhà nước (Điều 13, BLTTHS năm 2003); nguyên tắc thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự (Điều 23, BLTTHS năm 2003); nguyên tắc trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiên hành tố tụng (Điều 10, BLTTHS năm 2003). Bên cạnh đó tố tụng hình sự Việt Nam còn ghi nhận các nguyên tắc đơn lẻ cho từng loại chế định, nhóm quan hệ pháp luật. Nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại là một trong các nhóm có nguyên tắc điều chỉnh đặc thù là “*ghi nhận và bảo đảm thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong tố tụng hình sự*” với các tội phạm mà pháp luật tố tụng dành quyền quyết định cho bị hại. Quyền công tố trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại chỉ phát sinh khi có cả yếu tố yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại và dấu hiệu tội phạm của hành vi. Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại có điểm dừng trong việc “*ghi nhận và bảo đảm thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong tố tụng hình sự*” là ở chỗ thừa nhận quyền này đến giới hạn “Quyết định khởi tố vụ án”. Sau khi đã khởi tố vụ án là công việc của CQTTT theo thủ tục chung, người bị hại không có quyền can thiệp.

Phân tích các văn bản pháp luật hiện hành thấy rõ thực trạng quy định pháp luật nội dung này cụ thể:

Thứ nhất, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam chỉ thừa nhận người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự liên quan đến họ, giới hạn của quyền yêu cầu là Quyết định khởi tố vụ án (nếu có căn cứ); sau quyết định khởi tố vụ án người bị hại trong quy định pháp luật khởi tố vụ án hình sự không có quyền riêng biệt, toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, xét xử được tiến hành theo thủ tục chung.

Thứ hai, với việc ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự chưa hình thành nên chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự vì hoạt động khởi tố vụ án chưa nhằm chống lại cá nhân cụ thể nào [13],[86, tr.39],[111, tr.88]. Vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại là trường hợp đặc biệt, nhưng cũng tuân theo nguyên lý chung là chưa hình thành nên chức năng buộc tội, do đó chưa hình thành nên quyền buộc tội. Nếu chỉ dừng lại ở giới hạn là “Quyết định khởi tố vụ án” thì ở điểm dừng này người bị hại không có quyền buộc tội vì chưa nhằm chống lại cá nhân ai cụ thể.

Thứ ba, việc để cho người bị hại được yêu cầu khởi tố vụ án và nguyên tắc duy trì quyền công tố, trách nhiệm xử lý tội phạm thuộc về nhà nước là thống nhất, không mâu thuẫn nhau. Vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, yêu cầu đó với tính chất là cơ sở hình thức để hình thành quyền công tố, nhưng quyền công tố vẫn do nhà nước thực hiện.

Thứ tư, nhà nước chỉ dành cho người bị hại sự tự chủ trong lựa chọn biện pháp xử lý tội phạm xâm hại đến họ trong một số trường hợp với tính chất là cân nhắc để đánh giá về mặt lợi ích của chính họ đối với vụ án. Nhà nước không trao quyền cân nhắc phán xét đến xử lý bị can như một số người quan niệm. Vì nếu người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố đến bị can thì đây chính thức là quyền yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự của người bị hại, đó chính là “quyền tư tố” ở mức độ nhất định. Điều này không phù hợp với các nguyên tắc tố tụng hiện hành.

Thứ năm: nếu nhận thức quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại trong tố tụng hình sự theo nghĩa rộng nêu trên sẽ đưa đến hệ quả pháp lý là: khi muốn khởi tố đối bị can nào thì phải có yêu cầu của người bị hại với bị can đó. Người phạm tội nào người bị hại không yêu cầu khởi tố bị can thì CQTHTT không được khởi tố bị can với họ.

Quan điểm cho rằng người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị can thấy rõ có những bất hợp lý như sau:

- *Xét dưới góc độ nguyên tắc tố tụng*: vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại ở giai đoạn điều tra xác định được người đã thực hiện tội phạm CQĐT muốn khởi tố bị can đối với đối tượng nào phải có yêu cầu của người bị hại đối với đối tượng đó là không phù hợp quy định tại Điều 126, BLTTHS năm 2003 về khởi

tổ bị can, không phù hợp nguyên tắc công tố của nhà nước là CQTHTT thực hiện việc truy cứu trách nhiệm người phạm tội không phụ thuộc ý chí của bất kỳ chủ thể nào trong tố tụng hình sự.

- *Xét dưới giác độ bản chất*: nếu cho rằng người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị can; việc khởi tố bị can trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại gắn chặt với yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị can (yêu cầu khởi tố bị can của người bị hại), nghĩa là người bị hại có quyền yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự với bị can. Nội dung này trái ngược với bản chất của tố tụng hình sự Việt Nam là nhà nước ta không thừa nhận có “quyền tư tố” trong tố tụng thực định.

Mặt khác, Nếu cho rằng quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự “là quyền buộc tội của người bị hại” thì phải hướng đến đối tượng cụ thể; việc cho phép người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án mới chỉ là điều kiện để CQTHTT thực hiện việc buộc tội nếu trong quá trình điều tra vụ án đã xác định được bị can và khởi tố bị can, nếu vụ án chưa xác định được bị can thì chưa hình thành chức năng buộc tội trong vụ án và do đó người bị hại cũng không thể thực hiện được quyền buộc tội như quan điểm đã nêu.

- *Xét dưới giác độ quy định thời hiệu, thời hạn tiến hành tố tụng*: với cách hiểu này dẫn đến sự phụ thuộc của CQTHTT vào người bị hại trong việc xử lý vụ án, việc khởi tố bị can về thời hạn, thời hiệu trong tố tụng hình sự ảnh hưởng đến xử lý tội phạm của nhà nước. Nghĩa là CQTHTT phải chờ đợi ý kiến của người bị hại có yêu cầu hay không yêu cầu khởi tố bị can trong khi đó pháp luật quy định về thời hạn điều tra vụ án là có giới hạn (không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá 03 tháng với tội phạm nghiêm trọng khoản 1, Điều 119 BLTTHS năm 2003), nhưng thời hiệu yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm kéo dài nhiều lần (thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự tội phạm ít nghiêm trọng là 05 năm; tội phạm nghiêm trọng là 10 năm Điều 23, BLHS năm 1999).

- *Xét về tính khách quan, toàn diện của vụ án*: đối với vụ án có đồng phạm (nhiều người phạm tội), vai trò khác nhau (người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức) nếu người bị hại chỉ yêu cầu khởi tố đối với các đối tượng có vai trò thứ yếu trong vụ án và loại bỏ các đối tượng tích cực trong vụ án sẽ tạo ra

sự bất bình đẳng trong xử lý tội phạm; dẫn đến vụ án bị phiến diện, quá trình chứng minh thiếu khách quan, toàn diện.

Người theo quan điểm rộng còn viện dẫn quy định tại Điều 51 của BLTTHS năm 2003 về việc người bị hại trình bày lời buộc tội tại phiên tòa: “Vụ án khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, thì người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa”, họ còn căn cứ Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02/10/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (hướng dẫn trình tự thủ tục trình bày lời buộc tội của người bị hại hoặc đại diện của họ) để chứng minh người bị hại hoặc đại diện của họ có quyền buộc tội bị can và có nghĩa có quyền truy cứu trách nhiệm bị can.

Phân tích quy định của pháp luật tố tụng hình sự trên, chúng tôi cho rằng: quy định mới nêu về trình tự mà không quy định về thủ tục và nội dung của “lời buộc tội” của người bị hại như hại như thế nào. Nội dung khái niệm “buộc tội” đã giải thích ở phần trước [111. tr, 88]; lời buộc tội là ngôn từ của người bị hại thực hiện nội dung buộc tội hướng vào bị cáo hoặc các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm. Trình bày lời buộc tội của người bị hại là quyền mà không là nghĩa vụ của người bị hại, đã là quyền thì họ có quyền trình bày hoặc không.

Theo PGS.TS Trần Văn Độ, ngay cả khi người bị hại thực hiện quyền của họ trình bày lời buộc tội thì cũng chỉ là “lời buộc tội cho nên họ chỉ có thể yêu cầu Hội đồng xét xử quyết định mà không bắt buộc phải phân tích đánh giá chứng cứ, phân tích việc áp dụng luật như lời luận tội của kiểm sát viên”[128, tr.498]. Pháp luật tố tụng hình sự hiện hành (BLTTHS năm 2003 và 2015) thừa nhận cho người bị hại có quyền trình bày “lời buộc tội” về bản chất đây cũng không phải là thừa nhận cho người bị hại có quyền buộc tội trong tố tụng hình sự. Vì quyền buộc tội thuộc về chủ thể buộc tội là cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền (CQTHTT và người tiến hành tố tụng); trình tự thủ tục để buộc tội (truy cứu trách nhiệm hình sự) là thủ tục đặc biệt, không thuộc về người bị hại.

Quan điểm của chúng tôi, người bị hại có quyền trình bày “lời buộc tội” đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm chỉ là biện pháp tiếp tục thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của họ trong vụ án để làm rõ hơn quan điểm yêu cầu xử lý vụ

án bằng pháp luật hình sự mà không phải là quyền buộc tội của người bị hại theo đúng bản chất của quyền buộc tội trong tố tụng hình sự. Vì chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự là phải hướng vào đối tượng cụ thể. Trong tố tụng hình sự chức năng buộc tội tồn tại song song với chức năng gỡ tội (bào chữa) như là nhu cầu tất yếu khách quan. “Khi chưa xác định ai là người thực hiện tội phạm hoặc chưa bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì tố tụng hình sự chưa xuất hiện chức năng bào chữa” [33, tr.53].

Từ phân tích về thực trạng pháp luật nêu trên chúng tôi cho rằng nhận thức việc điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại hiện hành chỉ là quyền yêu cầu khởi tố đối với vụ án mà không thể là quyền yêu cầu khởi tố đối với bị can. Không có cơ sở pháp lý khẳng định việc người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố hình sự đối với bị can. Do vậy, không có cơ sở lý luận và pháp lý thừa nhận người bị hại có quyền buộc tội trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ. Vì bản chất của việc khởi tố vụ án chưa làm phát sinh việc buộc tội cá nhân đối tượng cụ thể. Chỉ có thể coi yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ là “trường hợp đặc biệt” của pháp luật về khởi tố vụ án, đây thực chất là cơ sở, là điều kiện để phát sinh quyền công tố nhà nước với các trường hợp đặc biệt của tội phạm khi nhà nước áp dụng chính sách hình sự dành quyền tự quyết định cho người bị hại.

Vì vậy, chúng tôi cho rằng: quy định pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại trong tố tụng hình sự là “trường hợp đặc biệt” của pháp luật về khởi tố vụ án. Yêu cầu khởi tố của người bị hại là “yêu cầu khởi tố đối với vụ án hình sự”, mà họ là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản, thể hiện ý chí cá nhân của người bị hại mong muốn xử lý bằng pháp luật hình sự đối với hành vi tội phạm đã gây cho họ. Đây thực chất là cơ sở, là điều kiện để phát sinh quyền công tố nhà nước với các trường hợp đặc biệt của tội phạm khi nhà nước áp dụng chính sách hình sự dành quyền tự quyết định cho người bị hại là phù hợp bản chất của tố tụng, không mâu thuẫn với quyền công tố của nhà nước.

Về hình thức yêu cầu: quy định pháp luật tại Điều 105 BLTTHS năm 2003 và Điều 155, BLTTHS năm 2015 chưa quy định rõ về hình thức thể hiện yêu cầu

khởi tố vụ án hình sự của người bị hại. Nhưng về mặt nguyên tắc được hiểu đây là tài liệu phản ánh yêu cầu của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ mong muốn xử lý vụ án bằng pháp luật hình sự. Vì vậy, nó phải được thu thập vào trong hồ sơ vụ án, chuyển hóa thành căn cứ hình thức để cơ quan có thẩm quyền khởi tố đánh giá cùng căn cứ pháp luật nội dung (là chứng cứ chứng minh sự kiện có dấu hiệu tội phạm) từ đó quyết định khởi tố vụ án hình sự. Theo mục 7.2 Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT- VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và viện kiểm sát trong thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003 nêu rõ: “Yêu cầu khởi tố của người bị hại hoặc người đại diện thể hiện bằng đơn yêu cầu có chữ ký hoặc điểm chỉ của họ; nếu người bị hại hoặc người đại diện đến trực tiếp trình bày thì cơ quan điều tra, viện kiểm sát phải lập biên bản ghi rõ nội dung yêu cầu khởi tố và yêu cầu họ ký hoặc điểm chỉ vào biên bản”. Như vậy, theo quy định pháp luật hiện hành yêu cầu của người bị hại về khởi tố vụ án được thể hiện qua hai hình thức phản ánh vào hồ sơ, một là bằng đơn, hai là người bị hại trình bày bằng lời được CQTHTT ghi nhận bằng biên bản khi họ trực tiếp trình bày tại CQTHTT mà không thể hiện yêu cầu bằng đơn.

Hình thức của yêu cầu khởi tố phải phản ánh đầy đủ nội dung mà pháp luật tố tụng hình sự quy định: người yêu cầu phải là người bị hại hoặc đại diện của người bị hại do tội phạm gây ra; phải có địa chỉ rõ ràng, có năng lực chủ thể mà pháp luật tố tụng hình sự quy định; có thiệt hại đáp ứng các yêu cầu mà pháp luật tố tụng hình sự quy định phù hợp với tính chất của tội phạm cụ thể mà BLHS quy định cho từng tội phạm người bị hại có yêu cầu (như yêu cầu khởi tố tội cố ý gây thương tích theo Điều 104 BLHS năm 1999 thì phải có thiệt hại là thương tích; nếu là tội làm nhục người khác theo Điều 121, BLHS năm 1999 thì phải có thiệt hại nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự...); ý chí của người bị hại là mong muốn khởi tố vụ án hình sự để xử lý hành vi phạm tội đã gây ra cho họ. Nếu người bị hại viết đơn yêu cầu xử lý một cá nhân nào đó là chủ thể tội phạm trong vụ án có đồng phạm gây ra cho người bị hại thì trước hết phải yêu cầu người bị hại có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đó hay không, nếu người bị hại chỉ muốn yêu cầu khởi tố bị can (xử lý bằng pháp luật hình sự cá nhân chủ thể nào đó trong số các chủ thể đồng phạm) thì phải

giải thích cho người bị hại họ không có quyền này, họ chỉ có quyền yêu cầu khởi tố đối với vụ án hình sự mà họ là người bị hại; người bị hại phải điếm chỉ hoặc ký xác nhận cho yêu cầu của mình để thể hiện sự tự nguyện.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại (nếu có căn cứ), pháp luật điều chỉnh quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trong trường hợp này theo quy định chung như tuân thủ quy định về thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử, về thời hạn điều tra, truy tố, xét xử; về việc trả lại hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung, về gia hạn điều tra, truy tố, về tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ, đình chỉ bị can, bị cáo nếu có các căn cứ pháp luật khác BLTTHS quy định mà không phụ thuộc ý chí của người bị hại.

Thực tiễn tố tụng hình sự còn diễn ra trường hợp vụ việc có nhiều người bị hại mà tổng hợp thiệt hại của nhiều người bị hại mới cấu thành tội phạm mà chỉ có một người bị hại yêu cầu khởi tố vụ án hoặc trường hợp vụ việc có nhiều người bị hại mà tổng hợp thiệt hại của nhiều người bị hại mới cấu thành tội phạm, các bị hại đã yêu cầu khởi tố vụ án nay có một bị hại (hoặc nhiều bị hại, nhưng không phải toàn bộ người bị hại) rút yêu cầu khởi tố vụ án pháp luật tố tụng hình sự hiện hành vẫn chưa quy định và chưa hướng dẫn cụ thể.

Thứ ba, nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh quyền rút yêu cầu về nội dung, hình thức và phạm vi quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại

Pháp luật điều chỉnh quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ được quy định tại khoản 02, Điều 105 BLTTHS năm 2003, theo đó người bị hại và đại diện hợp pháp của họ có quyền “rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì vụ án phải bị đình chỉ”. Thực hiện điếm b, khoản 4, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội đã nêu quy định này hiện nay được thực hiện tại Khoản 02, Điều 155, BLTTHS năm 2015 như sau: “Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải bị đình chỉ, trừ trường hợp có căn cứ xác định người đã yêu cầu rút yêu cầu khởi tố trái ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án vẫn tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án”. Quy phạm pháp luật nêu trên xác định chủ thể có quyền rút yêu cầu khởi tố

vụ án là “người đã yêu cầu khởi tố vụ án”, nghĩa là chủ thể nào (ai cụ thể) đã yêu cầu khởi tố thì chính người đó mới là chủ thể rút yêu cầu.

Nội dung rút yêu cầu: như đã phân tích bản chất quy định pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại đã nêu, thì rút yêu cầu là thực hiện nội hàm của việc yêu cầu mà người bị hại đã thực hiện. Cụ thể: người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án thì có quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án mà không có quyền rút yêu cầu khởi tố bị can, bị cáo trong vụ án. Vì vậy, nếu trong vụ án có nhiều bị can, bị cáo người bị hại rút yêu cầu khởi tố với bị can, bị cáo nào thì không có ý nghĩa với vụ án. Vụ án vẫn được tiến hành tố tụng thông thường, các CQTHTT chỉ có thể coi đây là tình tiết giảm nhẹ hoặc có thể là căn cứ miễn trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo đó mà không được dùng làm căn cứ để đình chỉ bị can, bị cáo theo quy định về đình chỉ bị can, bị cáo.

Về hình thức rút yêu cầu: pháp luật cũng chưa quy định về hình thức rút yêu cầu, do vậy có thể hiểu yêu cầu của họ về khởi tố vụ án bằng phương thức gì thì rút yêu cầu của họ cũng bằng phương thức tương tự hoặc thực hiện bằng một trong hai phương thức đã yêu cầu khởi tố vụ án. Hình thức của việc rút yêu cầu cũng cần phải bảo đảm như nội dung hình thức yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại đã phân tích ở phần trên.

Tuy nhiên, từ thực tiễn và cơ sở pháp lý bàn về rút yêu cầu về mặt hành vi vẫn cần trao đổi: việc chủ thể rút yêu cầu không chỉ có hành vi thực tế rút yêu cầu (như rút đơn, trình báo lại việc không yêu cầu khởi tố vụ án) mà cần phải phản ánh hành vi này vào trong hồ sơ vụ án. Cách thức thể hiện phải được thiết lập dưới dạng văn bản ghi nhận hành vi rút yêu cầu mà không phải là hành vi thực tế rút lại yêu cầu của người đã yêu cầu. Ví dụ như: người bị hại có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, nay đến CQĐT, nay xin rút lại đơn thì không phải CQĐT trả lại đơn cho người bị hại mà phải yêu cầu họ viết đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án để đưa vào hồ sơ vụ án.

Phạm vi của quyền rút yêu cầu theo các giai đoạn tố tụng: BLTTHS năm 2003 và năm 2015 quy định phạm vi khác nhau. Theo nguyên tắc có lợi đã được Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội thì nay

thực hiện theo Điều 155 BLTTHS năm 2015. “*Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải bị đình chỉ*”. Như vậy, pháp luật điều chỉnh về nội dung này đã không giới hạn giai đoạn tố tụng như trước đây là đến “trước phiên tòa sơ thẩm”. Tuy nhiên, theo nguyên tắc công tố và nguyên tắc chế độ xét xử sơ thẩm và phúc thẩm được bảo đảm thì quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại cần có sự nhận thức thống nhất:

Thứ nhất, nếu thừa nhận quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại là thừa nhận sự lựa chọn lợi ích của người bị hại thông qua thừa nhận về mặt pháp lý là thừa nhận việc lựa chọn phương thức thực hiện quyền của họ; khi người bị hại đã lựa chọn biện pháp rút yêu cầu khởi tố vụ án thì các CQTHTT phải có trách nhiệm bảo đảm và thực thi sự lựa chọn đó của họ và giới hạn về quyền tự quyết định của người bị hại trong tố tụng hình sự sẽ không bị hạn chế bởi giai đoạn tố tụng nào. Hiện nay BLTTHS năm 2015 đã quy định “*Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải bị đình chỉ*” mà không giới hạn giai đoạn tố tụng như BLTTHS năm 2003, nhưng căn cứ đình chỉ vụ án ở phần xét xử tại phiên tòa cũng như ở giai đoạn phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm chưa được quy định nội dung này, cần phải hướng dẫn, giải thích.

Thứ hai, thừa nhận người bị hại không có quyền rút yêu cầu khởi tố với bị can, thì cần nhận thức việc người bị hại có nguyện vọng và thể hiện ý chí không xử lý bị can, bị cáo nào đó trong vụ án có đồng phạm đã khởi tố theo yêu cầu của họ thì đó là quyền đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo đó. Các CQTHTT có thể căn cứ vào nội dung này để giải quyết bằng việc xem xét miễn trách nhiệm hình sự (nếu có cơ sở). Căn cứ là quy định pháp luật tại khoản 3, Điều 29 BLHS năm 2015, điểm a, khoản 1, Điều 230; khoản 1, Điều 248; Điều 326; Điều 357; Điều 393 BLTTHS năm 2015. Đây có thể nói là quy định tháo gỡ nút thắt của việc hạn chế quyền đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo mà Điều 25 BLHS năm 1999 không quy định.

Thứ tư, nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh về hậu quả pháp lý quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại

Pháp luật tố tụng hình sự hiện hành điều chỉnh về hậu quả pháp lý quyền rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại tại khoản 2, và khoản 3, Điều 155, BLTTHS năm 2015 như sau: Khoản 2 quy định: “Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải bị đình chỉ”. Khoản 3 quy định: “Bị hại hoặc người đại diện của bị hại đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại, trừ trường hợp rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức”. Như vậy, khi người bị hại hoặc đại diện của họ rút đơn có hai hậu quả pháp lý phát sinh:

Một là, hậu quả pháp lý là đình chỉ vụ án: theo quy định trên hậu quả pháp lý chung của việc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của bị hại thì vụ án phải được đình chỉ. Đình chỉ vụ án là việc các CQTHTT chấm dứt toàn bộ các hoạt động tố tụng với vụ án. Đình chỉ có thể được hiện ở các giai đoạn khác nhau: ở giai đoạn điều tra thì CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án theo điểm a, khoản 1, Điều 230 BLTTHS năm 2015. Ở giai đoạn truy tố viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án; Ở giai đoạn xét xử được chia thành hai giai đoạn: Ở thủ tục chuẩn bị xét xử thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định đình chỉ vụ án theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 282 BLTTHS năm 2015. Ở thủ tục tố tụng tại phiên tòa về nguyên tắc thẩm quyền đình chỉ vụ án thuộc về hội đồng xét xử. Đây là nội dung mới của BLTTHS năm 2015 tác giả sẽ phân tích rõ ở phần kiến nghị.

Hai là, hậu quả pháp lý là người bị hại hoặc đại diện của họ không được yêu cầu giải quyết lại vụ án: về nguyên lý pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành không đòi hỏi lý do của người bị hại hoặc đại diện của họ nêu ra khi rút yêu cầu khởi tố (nghĩa là rút yêu cầu vì bất cứ lý do gì, nếu đó là ý chí đích thực của họ) thì các CQTHTT phải tôn trọng và đình chỉ vụ án. Khi đã đình chỉ vụ án là các CQTHTT chấm dứt mọi hoạt động tố tụng với vụ án. Chính vì lý do đặc biệt như vậy, quyền của người bị hại đã được tôn trọng ở mức độ cao nhất, trong việc lựa chọn biện pháp giải quyết (họ đã lựa chọn yêu cầu khởi tố, nay lại không lựa chọn yêu cầu khởi tố vụ án) thì bản thân người bị hại phải chấp hành.

Thứ năm, nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh trách nhiệm của các CQTHTT về bảo đảm quyền yêu cầu và quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại

Pháp luật tố tụng hình sự điều chỉnh trách nhiệm của các CQTHTT về bảo đảm quyền yêu cầu và quyền rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại thể hiện các nội dung sau đây:

Một là, với việc bảo đảm quyền yêu cầu: khi người bị hại có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự thì các CQTHTT phải bảo đảm cho họ thực hiện quyền này ở các nội dung: bảo đảm quyền yêu cầu khi khởi tố vụ án, bảo đảm quyền yêu cầu khi cần thay đổi tội danh đã khởi tố sang tội danh khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, bảo đảm quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại. Bảo đảm của các CQTHTT bao gồm các hoạt động sau:

- Hướng dẫn và giải thích cho người bị hại về quyền và nghĩa vụ của họ trong vụ án bao gồm quyền yêu cầu và rút yêu cầu, giới hạn của quyền; hậu quả pháp lý của việc yêu cầu khởi tố vụ án.

- Bảo đảm về hình thức yêu cầu khi tiếp nhận yêu cầu của người bị hại: CQTHTT nếu nhận yêu cầu bằng đơn thì phải hướng dẫn cho người bị hại trình bày rõ các nội dung trong đơn về danh tính người bị hại, về chứng minh điều kiện là chủ thể (như tuổi, giới tính, nghề nghiệp, nơi cư trú); chứng minh những dấu hiệu của tội phạm về thiệt hại do tội phạm gây ra là thể chất, tinh thần, tài sản, uy tín phù hợp với tội phạm yêu cầu; trình bày sơ bộ diễn biến vụ án, nói rõ yêu cầu của người bị hại là yêu cầu khởi tố đối với vụ án về hành vi phạm tội gây ra cho họ; hướng dẫn người bị hại ký hoặc điểm chỉ và thể hiện đây là ý chí của họ. Nếu người bị hại đến CQTHTT trình bày trực tiếp thì cán bộ CQĐT, viện kiểm sát phải tiếp nhận tin báo và lập biên bản tiếp nhận yêu cầu khởi tố; trước khi lập biên bản phải xác định về tư cách pháp lý của người yêu cầu có phải là người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ hay không; xác định điều kiện về năng lực chủ thể; thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự của vụ việc có dấu hiệu tội phạm còn hay hết. Sau đó thiết lập biên bản, nội dung của biên bản yêu cầu phải thể hiện đủ các nội dung trên, đồng thời còn phải ghi rõ họ tên, chức vụ, thời gian địa điểm tiếp nhận thông tin yêu cầu khởi tố để đưa vào hồ sơ vụ án, làm cơ sở khởi tố vụ án.

Hai là, việc bảo đảm quyền rút yêu cầu: các CQTHTT đối với vụ án phải bảo đảm quyền rút yêu cầu bao gồm các nội dung:

- Giải thích rõ cho người bị hại về hậu quả rút yêu cầu khởi tố là vụ án phải bị đình chỉ, người bị hại không được quyền yêu cầu khởi tố lại vụ án (nếu đó là ý chí tự nguyện của họ); giới hạn quyền rút yêu cầu; nội dung và hình thức rút yêu cầu. Giải thích rõ cho người đã yêu cầu khởi tố vụ án biết họ chỉ có quyền yêu cầu khởi tố là rút yêu cầu khởi tố đối với vụ án, nếu trong vụ án có nhiều bị can, bị cáo họ muốn rút yêu cầu xử lý với một số bị can, bị cáo thì họ không có quyền này. Nội dung này sẽ là quyền năng tố tụng khác (quyền tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự) được quy định tại Khoản 3, Điều 29 BLHS năm 2015 và đây là căn cứ miễn trách nhiệm hình sự để đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án với bị can, bị cáo mà không phải là quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại theo Điều 155 BLTTHS năm 2015.

- Bảo đảm khi người đã yêu cầu rút yêu cầu trước khi tuyên bản án sơ thẩm thì phải đình chỉ vụ án nếu đó là ý chí đích thực của họ.

- Bảo đảm ở giai đoạn phúc thẩm vụ án nếu trước khi tuyên án người bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án thì vụ án cũng phải được đình chỉ.

3.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại và những vấn đề đặt ra

3.3.1. Các quy định của pháp luật hiện hành về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự

Như đã nêu BLTTHS năm 2003 đang là Bộ luật thực định, song bên cạnh đó Quốc hội đã ban hành BLTTHS năm 2015, (được thông qua ngày 29/12/2015 có hiệu lực thi hành một phần theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội) do đó pháp luật hiện hành là cả hai Bộ luật năm 2003 và năm 2015 trong đó BLTTHS năm 2003 là phần chính, BLTTHS năm 2015 là những quy định có lợi cho bị can, bị cáo được thực hiện từ ngày 1/7/2016. Cụ thể xác định như sau:

Thứ nhất, căn cứ pháp lý: được quy định tại Điều 155, BLTTHS năm 2015 về khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại như sau:

“1. Chỉ được khởi tố vụ án hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226

Bộ luật hình sự (năm 2015) khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết.

2. Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ, trừ trường hợp có căn cứ xác định người đã yêu cầu rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án vẫn tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án.

3. Bị hại hoặc đại diện của bị hại đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại, trừ trường hợp rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức”.

BLTTHS năm 2015 đã cụ thể hóa tại các Điều 62, bị hại; khoản 8, Điều 157 căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự; khoản 1, Điều 158 về hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự; khoản 1, Điều 179 về khởi tố bị can; điểm a, khoản 1, khoản 2, Điều 230 về đình chỉ điều tra vụ án và bị can ở giai đoạn điều tra; Điều 248 về đình chỉ vụ án và đình chỉ vụ án với bị can ở giai đoạn truy tố; điểm a, khoản 1 Điều 282 về đình chỉ vụ án và đình chỉ vụ án với bị can, bị cáo ở giai đoạn xét xử; Điều 258 và điểm b, khoản 1 Điều 282 về rút cáo trạng của viện kiểm sát và đình chỉ vụ án của tòa án ở giai đoạn xét xử.

Thứ hai, phạm vi điều chỉnh về chủ thể và tội phạm:

Về chủ thể: để đáp ứng các yêu cầu của xã hội về lý luận và thực tế về người bị hại khắc phục những tồn tại, hạn chế của hai BLTTHS trước, BLTTHS năm 2015 đã quy định khái niệm pháp lý người bị hại tại Điều 62 trong đó xác định “Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra”. Như vậy, chủ thể có quyền yêu cầu theo BLTTHS năm 2015 hiện nay là cá nhân và cơ quan, tổ chức và đại diện của họ; nội dung này đã phân tích tại mục 2.1.3.1 trong Luận án. Đồng thời luật cũng mở rộng ra trong trường hợp nếu người bị hại đã chết thì đại diện hợp pháp của họ có quyền thực hiện quyền này.

Về tội phạm: BLTTHS năm 2015 vẫn xác định các tội phạm tương ứng như

trong BLHS năm 1999 (hiện nay theo BLHS năm 2015, song BLHS này đang được Quốc hội sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội). Tuy nhiên, trong đó có một số nội dung đã được sửa đổi là: bổ sung thêm hành vi phạm tội là “hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội” tại điều 136 BLHS năm 2015 là kết quả của việc tội phạm hóa hành vi này. Bổ sung hành vi “quan hệ tình dục khác” trong Tội Hiếp dâm (Điều 141) và Tội Cưỡng dâm (Điều 142); Thay đổi định tính và định lượng trong xác định hậu quả để cấu thành tội phạm theo các quy định trong cấu thành tội phạm mới của BLHS năm 2015.

Phạm vi các tội phạm được yêu cầu khởi tố bao gồm các tội phạm được quy định tại hai BLHS là: BLHS năm 1999 và một số tội phạm tại BLHS năm 2015 (Lý do áp dụng hai BLHS là: BLHS năm 1999 đang có hiệu thi hành, còn BLHS năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội). Như vậy, đến thời điểm hiện tại (năm 2016) BLTTHS hiện hành bao gồm cả BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015. Các tội phạm sau đây (18 tội phạm) được quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại:

- Tội phạm quy định tại khoản 01, Điều 104 BLHS năm 1999 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác) đây là hai loại hành vi riêng biệt: hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại dưới dạng thương tích nhất định hoặc hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà không biểu hiện ra dưới dạng thương tích, cả hai trường hợp này gây ra tỷ lệ thương tật hoặc tổn hại từ 11% đến dưới 30%; Nếu trường hợp tỷ lệ dưới 11% thì phải thuộc các trường hợp quy định (tại 10 trường hợp) từ điểm a đến điểm k khoản 01 Điều 104. Đây là tội phạm ít nghiêm trọng, quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến ba năm.

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 105 BLHS năm 1999 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh) đây là hai loại hành vi riêng biệt: hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại dưới dạng thương tích nhất định hoặc hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà không biểu hiện ra dưới dạng thương tích, cả

hai trường hợp này gây ra tỷ lệ thương tật hoặc tổn hại từ 31% đến dưới 60% nhưng hành vi phạm tội xảy ra khi ở trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó. Đây là tội phạm ít nghiêm trọng, hình phạt của tội này theo quy định tại khoản 01, Điều 135 BLHS năm 2015 bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 106 BLHS năm 1999 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng) đây là hai loại hành vi riêng biệt: hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại dưới dạng thương tích nhất định hoặc hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà không biểu hiện ra dưới dạng thương tích, cả hai trường hợp này gây ra tỷ lệ thương tật hoặc tổn hại từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Khái niệm phòng vệ chính đáng được quy định tại khoản 01, Điều 15 BLHS năm 1999. Đây là tội phạm ít nghiêm trọng, hình phạt của tội này theo quy định tại khoản 01, Điều 136 BLHS năm 2015 bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 20.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 108 BLHS năm 1999 ((tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác) đây là hai loại hành vi riêng biệt: hành vi vô ý gây thương tích cho bị hại dưới dạng thương tích nhất định hoặc hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà không biểu hiện ra dưới dạng thương tích, cả hai trường hợp này gây ra tỷ lệ thương tật hoặc tổn hại từ 31% trở lên. Đây là tội phạm ít nghiêm trọng, hình phạt của tội này theo quy định tại khoản 01, Điều 138 BLHS năm 2015, bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5.000.000đ đến 20.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 109 BLHS năm 1999 (tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính) đây là hai loại hành vi riêng biệt: hành vi vô ý gây thương tích cho bị hại dưới dạng thương tích nhất định hoặc hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà không biểu hiện ra dưới dạng thương tích, cả

hai trường hợp này gây ra tỷ lệ thương tật hoặc tổn hại từ 31% trở lên. Đây là tội phạm ít nghiêm trọng, hình phạt của tội này theo quy định tại khoản 01, Điều 139 BLHS năm 2015 bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 111 BLHS năm 1999 (tội hiếp dâm) là trường hợp người có hành vi phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc dùng thủ đoạn khác để giao cấu hoặc hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của nạn nhân. Đây là tội phạm nghiêm trọng, hình phạt được áp dụng là tù từ 02 đến 07 năm.

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 112 BLHS năm 1999 (tội cưỡng dâm) là trường hợp người phạm tội dùng thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu trái ý muốn của họ. Đây là tội phạm nghiêm trọng, hình phạt được áp dụng là tù từ 06 tháng đến 05 năm.

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 121 BLHS năm 1999 (tội làm nhục người khác) là trường hợp người phạm tội có hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác. Đây là tội phạm ít nghiêm trọng, hình phạt của tội này theo quy định tại khoản 01, Điều 155 BLHS năm 2015 thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000đ đến 30.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Tội phạm quy định tại khoản 1, Điều 122 BLHS năm 1999 (tội vu khống) được áp dụng như sau: (i) với hành vi bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo khoản 01, điều 122 BLHS năm 1999, áp dụng hình phạt theo khoản 01 điều 156 BLHS năm 2015; (ii) đối với hành vi hành vi bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác áp dụng theo điểm a, khoản 1, Điều 156 BLHS năm 2015 vì điểm a đòi hỏi dấu hiệu hậu quả là nghiêm trọng thay cho việc không quy định dấu hiệu hậu quả trước đây theo nguyên tắc có lợi trong xử lý tội phạm. Đây là tội ít nghiêm trọng, hình phạt theo quy định tại khoản 1, Điều 156 là phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

- Tội phạm quy định tại khoản 01, Điều 171 BLHS năm 1999,(Tội xâm hại quyền sở hữu công nghiệp), nay thực hiện theo quy định tại khoản 01 điều 226 BLHS năm 2015, là trường hợp một người cố ý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam thu lợi bất chính từ 100.000.000đ đến dưới 300.000.000đ hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý từ 200.000.000đ đến dưới 500.000.000 đ hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 200.000.000đ đến dưới 500.000.000đ thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 500.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Thứ ba, về hình thức, nội dung, phạm vi thực hiện quyền của người bị hại trong việc yêu cầu và rút yêu cầu khởi tố vụ án

Về hình thức yêu cầu: quy định pháp luật tại Điều 105 BLTTHS năm 2003 và Điều 155, BLTTHS năm 2015 chưa quy định rõ về hình thức thể hiện yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại. Nhưng về mặt nguyên tắc được hiểu đây là tài liệu phản ánh yêu cầu của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ mong muốn khởi tố vụ án bằng pháp luật hình sự. Hình thức của yêu cầu phải phản ánh đầy đủ nội dung mà pháp luật tố tụng hình sự quy định cho người bị hại đã trình bày tại phần lý luận ở chương 2.

Về nội dung: pháp luật điều chỉnh về quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại hiện hành tại Điều 155, BLTTHS năm 2015; Nội dung quyền yêu cầu được thể hiện: (i) 18 tội phạm được quy định tại khoản 1 của 10 điều luật (gồm các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của BLHS (năm 2015) CQTHTT chỉ được khởi tố vụ án khi có yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại hoặc đại diện của họ. Nếu người bị hại hoặc đại diện của họ không yêu cầu thì không được khởi tố vụ án hình sự. (ii) Đối với vụ án hình sự sau khi đã khởi tố, phát hiện thuộc trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại thì chỉ được thay đổi quyết định khởi tố sang tội danh thuộc khoản 01, 10 điều luật trên sau khi người bị hại có yêu cầu; nếu người bị hại không yêu cầu thì cơ quan đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ra quyết định hủy bỏ quyết định đã khởi tố (Khoản 01, Điều 158, BLTTHS năm 2015).

Quy định pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại trong tố tụng hình sự là “trường hợp đặc biệt” của pháp luật về khởi tố vụ án so với các vụ

án khởi tố thông thường theo quy định tại Điều 153 và 154 BLTTHS năm 2015. Chủ thể của quyền yêu cầu là người bị hại (người trực tiếp bị hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản) hoặc đại diện của người bị hại; yêu cầu khởi tố của người bị hại là “yêu cầu khởi tố đối với vụ án hình sự”; Người bị hại không có quyền yêu cầu khởi tố đối với chủ thể thực hiện tội phạm gây ra với họ (không có quyền yêu cầu khởi tố bị can). Quyền yêu cầu khởi tố là quyền của người bị hại, họ có thể thực hiện hoặc không thực hiện. Quyền yêu cầu khởi tố vụ án là điều kiện để CQTHTT xem xét khởi tố vụ án nếu có dấu hiệu tội phạm và không thuộc các trường hợp không được khởi tố vụ án quy định tại Điều 157, BLTTHS năm 2015.

Nội dung quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại là quyền thể hiện ý chí không mong muốn CQTHTT tiếp tục giải quyết vụ án hình sự bằng pháp luật hình sự nữa, họ mong muốn chấm dứt việc giải quyết vụ án bằng việc rút yêu cầu khởi tố vụ án. Nội dung rút yêu cầu khởi tố của người bị hại là ý chí của người bị hại mà không phải do cưỡng bức, ép buộc. Người bị hại chỉ có quyền rút yêu cầu khởi tố đối với vụ án mà không có quyền rút yêu cầu khởi tố bị can vì pháp luật không quy định.

Về thời điểm rút yêu cầu khởi tố vụ án: thời điểm bắt đầu người bị hại có quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án là sau khi vụ án đã được khởi tố theo yêu cầu của họ; thời điểm kết thúc của quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại theo quy định tại Điều 155 BLTTHS năm 2015 là không bị hạn chế ở giai đoạn nào. Tuy nhiên, trình tự và thủ tục của việc rút yêu cầu tại phiên tòa vẫn chưa được quy định, nội dung này sẽ được trình bày tại phần kiến nghị.

Thứ tư, về hậu quả pháp lý thực hiện quyền của người bị hại trong việc rút yêu cầu khởi tố vụ án

Khi người bị hại hoặc đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố vụ án (trừ trường hợp bị cưỡng bức, ép buộc) thì vụ án phải được đình chỉ ở bất kỳ giai đoạn nào của tố tụng. Người bị hại hoặc đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố với vụ án thì không có quyền yêu cầu khởi tố lại vụ án trừ trường hợp có căn cứ xác định họ bị cưỡng bức, ép buộc. Khi vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại bị đình chỉ vì

người bị hại hoặc đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố vụ án thì các bị can, bị cáo trong vụ án cũng đương nhiên được đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, vụ án được chấm dứt.

3.2.2. Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Thực trạng thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại thời gian qua được áp dụng theo BLTTHS năm 2003, những quy định có lợi của BLTTHS năm 2015 mới được áp dụng từ ngày 01/7/2016 đến nay chưa có hướng dẫn thống kê và các cơ quan tư pháp Trung ương chưa thống kê được. Căn cứ số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân tối cao báo cáo Quốc hội, số liệu báo cáo của một số tỉnh, thành phố lấy theo mẫu khảo sát và số liệu khảo sát trực tiếp của nghiên cứu sinh thu thập (xem các phụ lục từ 01 đến 10), đánh giá thực trạng điều chỉnh pháp luật tập trung phân tích các nội dung: Thực trạng thực hiện pháp luật trong việc khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại; Thực trạng thực hiện pháp luật về quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại; Thực trạng thực hiện pháp luật về trách nhiệm CQTHTT đảm bảo thực hiện quyền của người bị hại khi họ yêu cầu hoặc rút yêu cầu khởi tố với vụ án.

3.2.2.1. Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật trong việc yêu cầu khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại

Trên bình diện cả nước giai đoạn 2010 đến năm 2015 qua thống kê tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo Quốc hội thì số vụ án và bị can đã khởi tố là 433.346 vụ án /776.783 bị can (xem bảng Phụ lục 01). Số liệu thống kê nghiên cứu về số vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại trong 06 năm của một số công trình đã công bố [49], [84] và số liệu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống kê về tội phạm như sau:

- Năm 2008 có 2.491 vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại;
- Năm 2009 có 2.428 vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại;
- Năm 2010 có 2.407 vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại bằng 3,89 % tổng số vụ án đã khởi tố;

- Năm 2011 có 2.854 vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại bằng 4,12 % tổng số vụ án đã khởi tố;

- Năm 2012 có 2.879 vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại bằng 3,82 % tổng số vụ án đã khởi tố;

- Năm 2013 có 2.893 vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại bằng 3,78 % tổng số vụ án đã khởi tố (*Xem bảng phụ lục số 02*).

Qua số liệu thống kê trên cho thấy tỷ lệ trung bình vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại trong tổng số vụ án khởi tố nói chung trên phạm vi toàn quốc là của bốn năm từ 2010 – 2013 chiếm tỷ lệ 3,9% tổng số vụ án khởi tố.

Nghiên cứu theo mô hình điểm về tình hình tội phạm năm 2015 do Viện kiểm sát nhân dân tối cao công bố trên cơ sở tiêu chí về: tỷ lệ tội phạm trên số dân cư, tính chất của tội phạm trong bảng xếp hạng mức độ tình thành phố gia tăng tội phạm, tính chất của tội phạm đã khởi tố [118, tr.70-79], chúng tôi chọn mẫu ngẫu nhiên để nghiên cứu tại 06 tỉnh, thành phố theo bảng phân loại các tiêu chí trên trong đó chia 63 tỉnh thành phố theo bảng xếp hạng của báo cáo thành 3 nhóm mỗi nhóm 21 đơn vị theo thứ tự giảm dần (xác định nhóm 01 là các tỉnh có mức độ tội phạm cao là 21 tỉnh từ số thứ tự 01 đến 21), chọn hai đơn vị tỉnh Thái Nguyên đứng thứ 10 và Quảng Ninh đứng thứ 12; nhóm 2 tỉnh có mức độ tội phạm trung bình (là 21 tỉnh tính từ số thứ tự 22 đến 42), chọn hai đơn vị tỉnh Nghệ An đứng thứ 23 và tỉnh Bắc Giang đứng thứ 26; nhóm 3 tỉnh có mức độ tội phạm thấp (tính từ số thứ tự 43 đến 63) chọn hai đơn vị tỉnh Nam Định đứng thứ 46, tỉnh Hà Giang đứng thứ 54 (*Xem bảng phụ lục 3*) xác định các thông số tội phạm liên quan đến khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

Tại tỉnh Thái Nguyên, đã khởi tố 6.892 vụ án/10.980 bị can, trong đó khởi tố theo yêu cầu của người bị hại là 510 vụ án/8 điều luật, bằng 7,39% số vụ đã khởi tố. Tỉnh Quảng Ninh, đã khởi tố 7.972 vụ án/12.548 bị can, trong đó khởi tố theo yêu cầu của người bị hại là 693 vụ án/9 điều luật bằng 8,69% số vụ đã khởi tố. Tỉnh Nghệ An, đã khởi tố 9.327 vụ án /17.765 bị can, trong đó khởi tố theo yêu cầu người bị hại là 858 vụ án/07 điều luật bằng 9,19 % số vụ đã khởi tố. Tỉnh Bắc Giang, đã khởi tố 6.681 vụ án /13.652 bị can, trong đó khởi tố theo yêu cầu của người bị hại là

574 vụ án/8 điều luật bằng 8,59% số vụ đã khởi tố. Tỉnh Nam Định, đã khởi tố 5.538 vụ án /8647 bị can, trong đó khởi tố theo yêu cầu của người bị hại là 276 vụ án/09 điều luật bằng 4,98 % số vụ đã khởi tố. Tỉnh Hà Giang, đã khởi tố 1.369 vụ án /2.546 bị can, trong đó khởi tố theo yêu cầu của người bị hại là 174 vụ án/4 điều luật bằng 12,7 % số vụ đã khởi tố (*xem bảng phụ lục 04*).

Như vậy, có thể thấy thực trạng khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại tại 06 tỉnh cụ thể các thông số sau đây: (i) qua phân tích số điều luật được khởi tố theo BLHS hiện hành là 10 điều thì hiện chỉ có 09 điều được khởi tố. Riêng tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp quy định tại điều 171 BLHS (sửa đổi năm 2009) không khởi tố vụ nào. Theo các nghiên cứu của tác giả thấy rằng tội danh này không được khởi tố trong thời gian qua là do nhận thức về quy định chủ thể và hậu quả của tội phạm trong cấu thành cơ bản gặp khó khăn: *Một là*, về dấu hiệu chủ thể của tội phạm BLHS năm 1999 chỉ quy định là cá nhân, nhưng để gây ra hậu quả ở mức độ “quy mô thương mại” thì cá nhân không thể thực hiện được mà phải thông qua pháp nhân thương mại, như công ty, doanh nghiệp nhưng các chủ thể này không phải là chủ thể của tội phạm, đồng thời quá trình điều tra lại không phân tách được trách nhiệm của người có hành vi có dấu tội phạm với dấu hiệu pháp lý hành vi quản lý doanh nghiệp. *Hai là*, dấu hiệu cơ bản của hậu quả tội phạm phải ở mức độ “quy mô thương mại”, song hiện nay các cơ quan có thẩm quyền chưa hướng dẫn cụ thể nên các cơ quan tiến hành tố tụng còn lúng túng. *Ba là*, người bị hại trong vụ án thường là cơ quan tổ chức họ không yêu cầu khởi tố vụ án nên CQĐT không xem xét về mặt hình sự mà chủ yếu xử lý hành chính. (ii) về tỷ lệ chung của 06 tỉnh vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại tại khoản 01 chiếm trung bình là 8,16%; tỉnh có tỷ lệ cao nhất là Hà Giang 12,7%, tỉnh thấp nhất là Nam Định 4,98%. (iii) trong tỷ lệ vụ án khởi tố đã nêu của 09 điều luật điều luật có tỷ lệ khởi tố cao nhất là Điều 104 Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là 1.957 vụ chiếm 63,4% số vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Điều luật khởi tố ít nhất là điều 109 tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính là 21 vụ chiếm tỷ lệ 0,7 % (*xem bảng phụ lục số 05*).

Quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong vụ án được khởi tố theo yêu cầu của họ còn bao gồm cả nội dung mang tính đặc trưng để tiếp tục thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại là quyền tham gia phiên tòa để trình bày lời buộc tội (so với vụ án thông thường ở quyền buộc tội trong thủ tục xét xử sơ thẩm), qua khảo sát tại một số địa phương giai đoạn 2010 – 2015, cho thấy kết quả như sau:

Về tham gia phiên tòa để thực hiện quyền trình bày lời buộc tội của người bị hại, nghiên cứu thấy: Tại tỉnh Thái Nguyên, ở 5 đơn vị cấp huyện (là Định Hóa, thành phố Thái Nguyên, thị xã Phổ Yên, huyện Võ Nhai, huyện Phú Bình) có 97 vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại được đưa ra xét xử ở giai đoạn sơ thẩm nghiên cứu sinh nghiên cứu ngẫu nhiên trên hồ sơ vụ án và bản án của 65 vụ (tỷ lệ nghiên cứu là 67%) thấy có 50 vụ/65 vụ có người bị hại tham gia phiên tòa chiếm tỷ lệ 76,92%. Tại tỉnh Hà Giang, ở 3 đơn vị cấp huyện (là Thành phố Hà Giang, huyện Bắc Quang, huyện Hoàng Su Phì) có 58 vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại đưa ra xét xử ở giai đoạn sơ thẩm, nghiên cứu sinh nghiên cứu ngẫu nhiên trên hồ sơ vụ án và bản án 33 vụ (tỷ lệ nghiên cứu là 67,24%) thấy có 33 vụ/39 vụ có người bị hại tham gia phiên tòa chiếm tỷ lệ 84,61% (xem bảng phụ lục 6 và 7).

Về tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền lợi của của bị hại theo loại án: khảo sát riêng tại tỉnh Thái Nguyên với 65 vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại của 03 tội danh tại 05 huyện cho thấy: trong số 65 vụ án được xét xử sơ thẩm có 26 vụ án cố ý gây thương tích theo quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999 đều có người bị hại tham gia phiên tòa bằng 100%. Có 34 vụ án hiếp dâm theo Điều 111 BLHS năm 1999 có 21 vụ có người bị hại tham gia phiên tòa bằng 61,76%. Có 05 vụ án phạm tội cưỡng dâm có 03 vụ có người bị hại tham gia phiên tòa bằng 60%. Như vậy có thể thấy đối với tội cố ý gây thương tích có 100% vụ án có người bị hại tham gia để bảo vệ quyền lợi của họ, nhưng chỉ có 61,76% người bị hại trong vụ án hiếp dâm là họ trực tiếp tham gia phiên tòa lý do là họ đã khai báo rõ trong hồ sơ vụ án, họ không muốn đến để cảm thấy bị tổn thương tiếp theo khi nói lại vụ án. (Bảng Phụ lục 8)

3.2.2.2. Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại và kết quả đình chỉ vụ án ở các giai đoạn tố tụng

Pháp luật về quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại được thực hiện theo BLTTHS năm 2003, ở ba giai đoạn tố tụng là: giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố và giai đoạn xét xử. Khi người bị hại rút yêu cầu nếu tự nguyện không phải do ép buộc, cưỡng bức thì CQTHTT phải đình chỉ vụ án.

Một là, thực tiễn thực hiện quyết định đình chỉ điều tra ở giai đoạn điều tra do bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại giai đoạn 2010 - 2015

Qua số liệu khảo sát mẫu tại 6 tỉnh đã nêu giai đoạn 6 năm (năm 2010 và 2015) căn cứ thống kê tội phạm của các viện kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo tỷ lệ vụ án xử lý bằng biện pháp đình chỉ điều tra ở giai đoạn điều tra theo yêu cầu của người bị hại (xem bảng phụ lục 9) như sau:

Tại tỉnh Thái Nguyên đã đình chỉ vụ án là 281 vụ (trong đó đình chỉ theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 126 vụ bằng 44,83% vụ án đình chỉ ở giai đoạn điều tra). Số vụ án đã đình chỉ trong trường hợp người bị hại rút đơn theo khoản 2 điều 105 BLTTHS so với vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ là 126/510 bằng 24,7%. Tại tỉnh Quảng Ninh đã đình chỉ vụ án là 274 vụ (trong đó đình chỉ theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 261 vụ bằng 95,25% vụ án đình chỉ ở giai đoạn điều tra). Số vụ án đã đình chỉ trong trường hợp người bị hại rút đơn theo khoản 2 điều 105 BLTTHS so với vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ là 261/693 bằng 37,66%. Tại tỉnh Nghệ An đã đình chỉ vụ án là 112 vụ/169 bị can (trong đó đình chỉ theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 97 vụ bằng 86,6% vụ án đình chỉ ở giai đoạn điều tra). Số vụ án đã đình chỉ trong trường hợp người bị hại rút đơn theo khoản 2 điều 105 BLTTHS so với vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ là 97/858 tỷ lệ 11,30%. Tại tỉnh Nam Định đã đình chỉ vụ án là 93 vụ/142 bị can (trong đó đình chỉ theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 79 vụ bằng 84,94% vụ án đình chỉ ở giai đoạn điều tra). Số vụ án đã đình chỉ trong trường hợp người bị hại rút đơn theo khoản 2 điều 105 BLTTHS so với vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ là 79/276 bằng 28,62%. Tại tỉnh Hà Giang đã đình chỉ vụ án là 31 vụ/33 bị can (trong đó đình chỉ theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 29 vụ bằng 93,54% vụ án đình chỉ ở giai đoạn điều tra). Số vụ án

đã đình chỉ trong trường hợp người bị hại rút đơn theo khoản 2 điều 105 BLTTHS so với vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ là 29/147 bằng 16,66%.

Như vậy, nghiên cứu tại 05 tỉnh thấy trong tổng số án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra số vụ án đình chỉ bởi lý do người bị hại rút yêu cầu theo khoản 2 Điều 105 BLTTHS năm 2003 (giai đoạn 2010 – 2015) có 589 vụ/791 vụ chiếm tỷ lệ trung bình 74,46% số án bị đình chỉ ở giai đoạn điều tra (số còn lại do nguyên nhân khác). Tỷ lệ án đình chỉ do người bị hại rút yêu cầu tại tỉnh Quảng Ninh chiếm cao nhất 95,25% số vụ án đình chỉ; tỉnh thấp nhất là Thái Nguyên chiếm 76,86%. Tuy vậy thấy rằng số vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại đã khởi tố tại 5 tỉnh vẫn được tiến hành tố tụng ở giai đoạn điều tra là khá cao là 76,22% .

Hai là, Thực tiễn thực hiện quyết định đình chỉ vụ án ở giai đoạn truy tố do bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án giai đoạn 2010 - 2015

Tại tỉnh Thái Nguyên, đã đình chỉ vụ án theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 29 vụ bằng 82,85% vụ án đình chỉ ở giai đoạn truy tố. Số vụ án đã đình chỉ trong trường hợp người bị hại rút đơn theo khoản 2 điều 105 BLTTHS so với vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ là 29/510 tỷ lệ 5,68%. Tại tỉnh Quảng Ninh, đã đình chỉ vụ án theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 29 vụ bằng 80,55% vụ án đình chỉ ở giai đoạn truy tố. Số vụ án đã đình chỉ trong trường hợp người bị hại rút đơn theo khoản 2 điều 105 BLTTHS so với vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ là 29/693 tỷ lệ 4,18%. Tại tỉnh Nghệ An, đã đình chỉ vụ án theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 16 vụ bằng 94,11% vụ án đình chỉ ở giai đoạn truy tố. Số vụ án đã đình chỉ trong trường hợp người bị hại rút đơn theo khoản 2 điều 105 BLTTHS đối với vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ là 17/858 tỷ lệ 1,86%. Tại tỉnh Nam Định, đã đình chỉ vụ án theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 29 vụ bằng 87,87% vụ án đình chỉ ở giai đoạn truy tố. Số vụ án đã đình chỉ trong trường hợp người bị hại rút đơn theo khoản 2 điều 105 BLTTHS so với vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ là 29/276 tỷ lệ 10,5% (*xem bảng phụ lục số 10*).

Nhận xét: tỷ lệ vụ án do viện kiểm sát đình chỉ ở giai đoạn truy tố của 5 tỉnh có 4 tỉnh có án đình chỉ là 125 vụ/203 bị can (riêng Hà Giang không có vụ nào đình chỉ), lý do đình chỉ người bị hại rút yêu cầu là 103 vụ chiếm tỷ lệ trung bình là

69,07% số vụ án đình chỉ ở giai đoạn này. Chiếm tỷ lệ 2,64% so với số vụ án đã được khởi tố vụ án theo yêu cầu của họ.

Ba là, tỷ lệ vụ án được đình chỉ vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử của Tòa án theo yêu cầu của người bị hại giai đoạn 2010 - 2015

Tại tỉnh Thái Nguyên, đình chỉ vụ án theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 54 vụ bằng 70,1% vụ án đình chỉ. Tỉnh Quảng Ninh, đình chỉ vụ án theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 19 vụ bằng 42,22% vụ án đình chỉ. Tỉnh Nghệ An, đã đình chỉ vụ án theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 38 vụ bằng 88,37% vụ án đình chỉ. Tỉnh Nam Định, đã đình chỉ vụ án theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 11 vụ bằng 84,61% vụ án đình chỉ. Tỉnh Hà Giang, đã đình chỉ vụ án theo khoản 02 điều 105 BLTTHS là 01 vụ bằng 50% vụ án đình chỉ (*xem bảng phụ lục 11*).

Qua phân tích số liệu cho thấy các vụ án đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử nói chung là 180 vụ/332 bị cáo (của 5 tỉnh khảo sát) chiếm 4,89% tổng số án đã khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Tỷ lệ án đình chỉ theo khoản 2 điều 105 BLTTHS trong tổng số án đình chỉ giai đoạn này là 123 vụ/180 vụ bằng 68,33% .

3.3.3. Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về trách nhiệm CQTHTT đảm bảo thực hiện quyền của người bị hại khi họ yêu cầu hoặc rút yêu cầu khởi tố với vụ án

Bảng kết quả khảo sát điểm tại các tỉnh đã nêu tại mục 3.3.1. và 3.3.2 bằng việc đánh giá chất lượng kiểm sát tin báo tội phạm, thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, truy tố xét xử và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tổ tụng hình sự của các tỉnh tại báo cáo tổng kết năm²⁰ cho thấy các CQTHTT đã cơ bản đảm bảo quyền của người bị hại: thể hiện khi người bị hại thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án, CQTHTT xác định có dấu hiệu tội phạm đều đã khởi tố vụ án bằng tỷ lệ 100% số trường hợp có yêu cầu đủ căn cứ, trường hợp có yêu cầu khởi tố vụ án nhưng không có dấu hiệu tội phạm đều đã ban hành quyết định không khởi tố vụ án. Khi vụ án đã được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, người bị hại rút yêu cầu khởi tố xác định là không phải do ép buộc, cưỡng bức đều đã được CQTHTT đình chỉ vụ án ở các giai đoạn tố tụng. Về số liệu thống kê vụ án đã khởi tố theo thủ tục thông thường, sau đó xác định thuộc trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại hiện nay

²⁰ Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát hàng năm của Viện kiểm sát các tỉnh: Thái Nguyên, Quảng Ninh, Nghệ An, Nam Định, Hà Giang, Bắc Giang.

không có phương pháp thống kê để xác định. Việc này đã được CQTHTT hợp thức, chuyển hóa bằng tài liệu thể hiện ý chí của người bị hại trong vụ án.

Nghiên cứu hồ sơ vụ án điếm của các trường hợp khởi tố cho thấy: 100% yêu cầu của người bị hại đều thể hiện bằng đơn, nhiều trường hợp ban đầu báo tin bằng biên bản tiếp nhận tin báo (tố cáo) song ngay sau đó được thể hiện bằng đơn. Nội dung đơn cho thấy hầu hết đều thể hiện hai nội dung: *Một là* mong muốn khởi tố vụ án đối với hành vi đã gây ra cho họ (có thể chỉ ra được tội danh cụ thể, nhưng cũng có trường hợp chỉ nêu chung chung việc hành vi xâm hại đến khách thể trực tiếp của vụ án). *Hai là* yêu cầu xử lý cụ thể các đối tượng gây ra hành vi đó bằng pháp luật hình sự. Về quyền rút yêu cầu cũng đều thể hiện tương tự như trên, nhiều vụ án kèm theo minh chứng đã bồi thường, đã hòa giải...

3.3.4. Đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Xác định tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật nói chung có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng các nhà nghiên cứu thống nhất ở các tiêu chí cơ bản sau: Tính toàn diện, đồng bộ, tính thống nhất, tính phù hợp, ngôn ngữ, kỹ thuật xây dựng pháp luật và tính hiệu quả của nó. Pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại là một bộ phận của pháp luật nói chung nên cũng áp dụng các tiêu chí chung để đánh giá trên hai phương diện: đánh giá mức độ đạt được và đánh giá về bất cập, hạn chế.

3.3.4.1. Đánh giá mức độ đạt được:

Thứ nhất, về tính toàn diện, thống nhất và đồng bộ: tính toàn diện là thể hiện ở khả năng đáp ứng đầy đủ được nhu cầu điều chỉnh của pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại đã hoàn thiện được về các nội dung đặt ra điều chỉnh hay chưa, các nội dung này gồm: chủ thể có quyền yêu cầu, tội phạm mà người bị hại có quyền yêu cầu, phạm vi có quyền yêu cầu và làm rõ về hậu quả của việc yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án. Các nội dung này, cho đến hiện nay (BLTTHS năm 2015) đã cơ bản giải quyết được, bảo đảm tính toàn diện về nhu cầu điều chỉnh theo đòi hỏi của xã hội. Bên cạnh đó pháp luật điều chỉnh nội dung này vẫn còn khiếm khuyết như chưa điều chỉnh về đối tượng có thẩm quyền yêu cầu khởi tố vụ án trong trường hợp “người

bị hại mất tích”; trong trường hợp có vụ án nhiều người bị hại mới cấu thành tội phạm mà có một hoặc một số bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án cũng chưa được ghi nhận.

Xem xét tính thống nhất, đồng bộ của các quy phạm khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự là đánh giá sự đồng nhất, hài hòa về nội dung của các quy phạm nội dung này với các quy phạm khác trong pháp luật tố tụng hình sự và với pháp luật nội dung là BLHS liên quan đến phạm vi quyền yêu cầu khởi tố và rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại. Nghiên cứu các quy phạm khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự thấy các nội dung này mới đáp ứng được ở mức độ nhất định nhu cầu điều chỉnh, bên cạnh đó vẫn chưa đáp ứng yêu cầu điều chỉnh ở một số nội dung sau: về bản chất pháp luật tố tụng hình sự ghi nhận người bị hại chỉ có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự mà không có quyền yêu cầu khởi tố bị can, nghĩa là không ghi nhận quyền buộc tội của người bị hại, nhưng BLTTHS lại ghi nhận người bị hại tại phiên tòa có quyền “trình bày lời buộc tội”, nhưng không nói rõ nội dung, hình thức và phạm vi buộc tội dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Mặt khác BLTTHS năm 2015 ghi nhận phạm vi rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại tại phiên tòa, nhưng chưa quy định quyền của Hội đồng xét xử được đình chỉ vụ án trong trường hợp này như thế nào bằng bản án hay quyết định.

Tính phù hợp và tính khả thi của các quy phạm pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại: xem xét tính phù hợp của các quy định về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại là xem xét nội dung các quy định này đã phù hợp với trình độ phát triển về kinh tế, xã hội, văn hóa pháp lý của đất nước hay chưa, đáp ứng mức độ điều chỉnh ở mức độ cao hay thấp. Thông qua số liệu thống kê số tội phạm được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại và khảo sát xã hội tại các công trình nghiên cứu đã công bố [20], [21], [40], [55], [84], [90] cho thấy các quy phạm xác định số lượng tội phạm được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại chưa đáp ứng được nhu cầu cần điều chỉnh theo hướng còn hạn chế về số lượng tội phạm cần được quy định khởi tố theo yêu cầu của người bị hại; chưa đáp ứng được chính sách hình sự hiện nay của Đảng, Nhà nước về bảo đảm quyền con người, quyền tự do kinh doanh thương mại....

Quy định của pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố và rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại chưa có tính khả thi thể hiện ở các nội dung: pháp luật chưa

quy định cụ thể nội dung và hình thức yêu cầu, rút yêu cầu (bằng văn bản, bằng đơn, bằng lời), tuy nhiên ở mức độ nhất định tinh thần quy định của điều luật và hướng dẫn của liên ngành Trung ương đã cơ bản đáp ứng yêu cầu; các điều kiện về bảo đảm việc thực hiện quyền của người bị hại trong thực hiện yêu cầu, rút yêu cầu của các CQTHTT đã được xác định mang tính dứt khoát, rõ ràng như quy định “chỉ được khởi tố” hoặc “phải được đình chỉ”; các trường hợp xác định hậu quả của việc thực hiện quyền đã được quy định rõ.

Về ngôn ngữ và kỹ thuật lập pháp: quy định của pháp luật về quyền yêu cầu khởi tố và rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại mới chỉ được quy định trực tiếp tại hai điều luật là Điều 51 và 105 BLTTHS năm 2003 (nay là Điều 62 và Điều 155 BLTTHS năm 2015), quy định dẫn chiếu tại một số điều luật như: Khoản 8, Điều 157; Các Điều 158, 230, 248, 282... đã bước đầu bảo đảm kỹ thuật lập pháp về sự thống nhất giữa các quy định tại giai đoạn tố tụng. Tuy nhiên, về ngôn ngữ quy phạm còn hạn chế: Tại khoản 2 Điều 105 BLTTHS năm 2003 (nay là khoản 3, Điều 155 BLTTHS năm 2015) quy phạm dùng khái niệm “người đã yêu cầu khởi tố” để chỉ người đã yêu cầu khởi tố vụ án đã dẫn đến cách hiểu làm hạn chế quyền của người bị hại trong trường hợp người bị hại trước đó không đủ năng lực tự mình yêu cầu CQTHTT khởi tố vụ án mà phải thông qua đại diện, nay họ đã có đủ năng lực tự thực hiện nhưng không được pháp luật ghi nhận.

Về tính hiệu quả của điều chỉnh pháp luật:

Đánh giá tính hiệu quả của pháp luật về điều chỉnh khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại là đánh giá về mục đích của việc của quy định mà nhà nước đặt ra trong điều chỉnh nội dung này là hướng đến: bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong tư pháp hình sự, bảo đảm công bằng, bảo đảm kiểm soát tội phạm; còn là việc đánh giá về chất lượng và số lượng các hành vi tội phạm cần điều chỉnh bằng việc yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại có đạt được hay không; đánh giá về mức độ chi phí thực tế xã hội để bảo đảm thực hiện các quy định. Với ý nghĩa này bằng số liệu thống kê thời gian qua cho thấy mục đích của quy định đã đạt được, pháp luật đã tạo cơ sở pháp lý để người bị hại lựa chọn biện pháp bảo vệ tốt nhất quyền của họ. Tình hình tội phạm được kiểm soát, tỷ lệ án đã khởi tố và đình chỉ do người bị hại rút yêu cầu có xu

thể tăng cao và chiếm tỷ lệ rất lớn trong các vụ án được đình chỉ sau khi khởi tố. Tiết kiệm được chi phí xã hội cần phải bỏ ra để xử lý tội phạm trong các khâu như: điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được hạn chế đáng kể. Vai trò điều chỉnh pháp luật được nâng cao, tạo ra sự đa dạng các biện pháp lựa chọn trong giải quyết vụ án hình sự.

3.3.4.2. Đánh giá về bất cập, hạn chế

Một là, vướng mắc trong nhận thức về tính chất của quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự: các quy định pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong các điều luật BLTTHS năm 2003 có sự không đồng nhất nhau về khái niệm dẫn đến cách hiểu khác nhau về bản chất của quyền yêu cầu khởi tố vụ án: Điều 105 quy định về quyền yêu cầu khởi tố vụ án, nghĩa là giới hạn việc yêu cầu là yêu cầu khởi tố với vụ án. Nhưng khoản 3 Điều 51 về quyền của người bị hại trong vụ án khởi tố của họ tại phiên tòa có quyền trình bày “lời buộc tội”. Khoản 2, Điều 22 Pháp lệnh phí và lệ phí tòa án năm 2009 quy định vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của người bị hại mà tòa án tuyên bị cáo không có tội thì người bị hại phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra các Điều 164, 169 và 180 BLTTHS năm 2003 quy định vụ án có nhiều bị can, bị cáo thì căn cứ để đình chỉ liên quan đến bị can, bị cáo nào chỉ bị can, bị cáo đó được hưởng. Như vậy, có nhiều ý kiến cho rằng bản chất của quy định người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố bị can là có cơ sở. Nội dung này đã phân tích tại phần 3.3.3 luận án.

Hai là, vướng mắc trong nhận thức về chủ thể có quyền được quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự: với quy định hiện hành về chủ thể là người bị hại và đại diện của họ có quyền được yêu cầu khởi tố vụ án hình sự tại điều 105 BLTTHS. Tuy nhiên, có vấn đề lúng túng nảy sinh là trong vụ án đã khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong một số trường hợp sau:

Trường hợp một, có nhiều người là đại diện có quyền ngang nhau của người bị hại trong vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, sau khi khởi tố họ có yêu cầu khác nhau đối lập nhau (người yêu cầu rút, người vẫn giữ ý kiến đề nghị khởi tố) hiện chưa có căn cứ pháp luật để CQTHTT giải quyết theo yêu cầu của ai trong vụ án.

Vụ án thứ nhất: Cháu Nguyễn Thi T (17 tuổi) ở xã Ôn Lương huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên bị Phan Văn K hiếp dâm, sau khi vụ việc xảy ra bố cháu T là ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu khởi tố vụ án, CQĐT đã khởi tố vụ án, sau đó gia đình K thỏa thuận bồi thường với ông N là 50 triệu đồng, ông N đồng ý rút đơn, nhưng vợ ông N là bà Ma Thị P (mẹ cháu T) không đồng ý rút đơn yêu cầu.

Vụ án này Viện kiểm sát huyện Phú Lương đã phải thỉnh thị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên xin ý kiến, Viện kiểm sát tỉnh hướng dẫn chấp nhận rút đơn của ông N và chỉ đạo đình chỉ vụ án vì cho rằng ông N là người đã thỏa mãn quy định “người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố” tại khoản 2 điều 105 BLTTHS.

Trường hợp thứ hai, khi người bị hại là người chưa thành niên đại diện của họ đã có yêu cầu khởi tố vụ án, trong quá trình tố tụng với vụ án người bị hại đã thành niên. Quy định pháp luật hiện hành chưa quy định rõ về trường hợp này.

Vụ án thứ hai: Cháu Nguyễn Minh T (17 tuổi) là học sinh lớp 12a1 trường THPT Lê Hồng Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên mâu thuẫn với bạn cùng lớp bị Lê Xuân Q dùng gậy vọt gãy 2 xương sườn chọc phổi, Kết quả giám định xác định tổn hại 27% sức khỏe. Bố của cháu T là ông M có đơn yêu cầu khởi tố vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử cháu T đã tròn 18 tuổi, khi triệu tập tham gia phiên Tòa, Tòa án thị xã Phổ Yên đã mời cả ông M và cháu T tham gia phiên tòa (ông M là đại diện của người bị hại, cháu T là người bị hại) trong vụ án.

Việc xác định tư cách người bị hại trong vụ án trên là không đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Theo quan điểm của chúng tôi trong vụ án này chỉ xác định cháu Nguyễn Minh T là người bị hại vì khi tham gia phiên tòa sơ thẩm cháu T đã thành niên do đó không còn yêu cầu người đại diện theo BLTTHS.

Ba là, về hình thức, thời điểm thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự: về nguyên tắc trong vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì người bị hại phải được xác định rõ tư cách pháp lý và có yêu cầu của họ (hoặc người đại

diện) trước khi khởi tố vụ án. Trong tố tụng hình sự có một thực tế chứng minh ngoài các quyết định tố tụng trong vụ án thì các giấy triệu tập, giấy gọi, giấy báo... đều không là thành phần hồ sơ vụ án nên không được đưa vào hồ sơ. Mặt khác nếu dựa vào tư cách mà họ được người tiến hành tố tụng ghi trong các biên bản hoạt động tố tụng nhiều khi không chính xác và tùy tiện vì thành phần hồ sơ được lập ở nhiều giai đoạn và chủ thể khác nhau như biên bản phạm pháp quả tang, biên bản hiện trường... Do vậy để xác định người bị hại có tư cách trong vụ án chính thức từ khi nào là khó khăn.

Trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì xác định đúng người bị hại hoặc đại diện của họ là cơ sở pháp lý để đánh giá việc khởi tố vụ án hình sự có căn cứ hay không. Vì vậy, phải coi văn bản pháp lý nào ghi nhận quyền yêu cầu của người bị hại (như biên bản tiếp nhận tin báo, đơn trình báo, biên bản ghi lời khai...) là cơ sở để xác định họ là người bị hại hoặc đại diện của người bị hại trong vụ án. Như đã phân tích ở Chương 2 thẩm quyền để công nhận người bị hại là rất đa dạng và không có tính ràng buộc cao, nên cơ sở để xác định chính xác ai là người bị hại trong vụ án chính là việc đánh giá chứng cứ toàn bộ vụ án để xác định chính thức. Hiện nay việc xác định chính xác ai là người bị hại trong vụ án chưa có tính pháp lý, chủ yếu dựa trên “nguyên tắc đồng thuận” giữa CQĐT và viện kiểm sát, đây chính là hạn chế của BLTTHS hiện nay cần khắc phục bằng việc thể chế hóa một quyết định tố tụng công nhận người bị hại trong vụ án.

Bốn là, về người bị hại tham gia phiên tòa trong vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của người bị hại

- *Quyền tham gia phiên tòa của người bị hại đối với vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ về nguyên tắc được tuân thủ quy định chung của người bị hại tham gia phiên tòa để làm sáng tỏ vụ án mà BLTTHS quy định. Trong vụ án khởi tố theo Điều 105 BLTTHS thì người bị hại tham gia phiên tòa còn để trình bày lời buộc tội trong vụ án (theo quy định tại khoản 3 Điều 51, BLTTHS năm 2003). Tuy nhiên, qua khảo sát tại 05 đơn vị cấp huyện của tỉnh Thái Nguyên có 50 vụ/65 vụ có người bị hại tham gia phiên tòa chiếm tỷ lệ 76,92% (xem bảng phụ lục 8). Trong khi đó tại 03 đơn vị cấp huyện của tỉnh Hà Giang, có 33 vụ/39 vụ có người bị hại tham gia*

phiên tòa chiếm tỷ lệ 84,61% (xem bảng phụ lục 6). Việc tham gia phiên tòa của người bị hại còn tùy thuộc vụ án cụ thể về tội danh đã khởi tố. Khảo sát tại 65 vụ án tỉnh Thái Nguyên đã nêu thấy: có 26 vụ án tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999) thì có 26 vụ người bị hại hoặc đại diện của họ tham gia phiên tòa, chiếm 100%. Có 34 vụ án tội hiếp dâm (khoản 1 Điều 111 BLHS năm 1999) chỉ có 21 vụ người bị hại hoặc đại diện của họ tham gia phiên tòa, chiếm 61,76%. Có 05 vụ tội cưỡng dâm (khoản 1 điều 111 BLHS năm 1999) đều có người bị hại tham gia phiên tòa bằng 100%.

Lý do người bị hại tham gia phiên tòa không cao vì: người bị hại cho rằng việc trình bày ý kiến và đề nghị của họ trong vụ án đã rõ, việc bồi thường dân sự đã giải quyết xong (nếu có) nên không cần thiết phải tham gia phiên tòa. Một số tội phạm nếu người bị hại tham gia phiên tòa càng làm cho họ bị tổn thương hơn về danh dự, nhân phẩm nên họ không muốn tham gia. Người bị hại chưa thật sự nhận thức rõ về quyền của họ trong việc tham gia phiên tòa nên họ chưa tham gia.

- *Quyền và nghĩa vụ trình bày lời buộc tội của người bị hại tại phiên tòa sơ thẩm*: theo quy định tại BLTTHS năm 2003 và các BLTTHS trước đó chưa quy định rõ tính chất, nội dung và hình thức “lời buộc tội” của người bị hại hoặc người đại diện của họ tại phiên tòa như thế nào. Thực tế khảo sát tại một số phiên tòa và hồ sơ vụ án cho thấy người bị hại buộc tội thông qua việc khẳng định về hành vi của bị cáo đã gây ra cho người bị hại; từ đó chứng minh thiệt hại và đưa ra yêu cầu bồi thường, yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự với bị cáo. Như vậy buộc tội của người bị hại khác về chất so với buộc tội (luyện tội) của kiểm sát viên tại tòa là: khẳng định hành vi và tội danh đã truy tố là có căn cứ; chứng minh hậu quả, tính chất, mức độ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vai trò của bị cáo (trong vụ án có đồng phạm) và đề nghị hình phạt, biện pháp tư pháp khác.

Căn cứ kết quả khảo sát thấy rằng: vụ án có tội danh khác nhau, tính chất khác nhau nội dung buộc tội của người bị hại cũng khác nhau; Qua nghiên cứu 26 vụ án cố ý gây thương tích đã khảo sát người bị hại trong các vụ án đó trình bày rõ ràng, cụ thể minh chứng làm sáng tỏ tội trạng, hành vi của bị cáo đề nghị hội đồng xét xử buộc bị cáo thừa nhận và bồi thường khắc phục. Cách thức trình bày, lập

luận mang tính đối tụng cao, nhiều dẫn chứng, chứng cứ đưa ra đấu tranh gay gắt để công nhận hay bác bỏ. Song nghiên cứu 21 vụ án phạm tội hiếp dâm cho thấy trên 90% vụ án người bị hại tham gia phiên tòa chỉ đơn thuần khai báo lại hành vi, yêu cầu bồi thường vì hành vi phạm tội đã rõ, bị cáo nhận tội. Lời buộc tội thực chất chỉ là lời khai báo lại kết quả đã trình bày trong hồ sơ vụ án. Cá biệt có vụ án người bị hại phải đấu tranh bảo vệ yêu cầu của mình chiếm tỷ lệ ít khoảng 10% vụ án có người bị hại tham gia phiên tòa. Sau đây là ví dụ cụ thể:

Vụ án thứ ba: Chị Hồ Thị P sinh 1987 quê ở Nghệ An ra làm công nhân Công ty Sam Sung Thái Nguyên, thuê nhà trọ tại khu 1, thị trấn Bãi Bông, thị xã Phổ Yên. Tại khu nhà trọ có 9 phòng, trong đó có phòng của Nguyễn Trọng Hùng. Quá trình ở thuê tại nhà trọ chị P và Hùng đã yêu nhau và có quan hệ tình dục nhiều lần. Đến tháng 4/2014 chị P chấm dứt quan hệ tình yêu với Hùng và có bạn trai mới. Cho rằng bị bỏ rơi nên Hùng nảy sinh ý định trả thù, ngày 30/4/2014 khi cả khu trọ về nghỉ lễ ngày Quốc tế lao động, Hùng sang phòng P ngồi tâm sự rồi bất ngờ dùng vũ lực đòi giao cấu với chị P, bị chị P phản kháng nhưng Hùng vẫn cời quần của chị P. Biết không thể kháng cự được Hùng, chị P yêu cầu Hùng lấy bao cao su ở ngăn kéo bàn đi vào dương vật mới cho quan hệ. Sau khi quan hệ xong thì bạn trai chị P đến chơi, chị P và bạn trai đã đến Công an thị xã Phổ Yên trình báo hành vi hiếp dâm của Hùng.

Quá trình điều tra Hùng khai nhận có quan hệ tình dục với chị P nhiều lần và lần này cũng là tự nguyện vì chị P còn yêu cầu Hùng dùng bao cao su; Chị P khai báo rõ biết không thể kháng cự nên buộc phải cho quan hệ (vì cả khu trọ không còn ai) sợ bị mang thai nên đây là biện pháp cuối cùng để tự vệ. Tại phiên tòa chị P khẳng định trước đây có quan hệ nhưng đó là khi hai người yêu nhau, tự nguyện; nay đã chấm dứt nên khẳng định lần quan hệ ngày 30/4 là hành vi giao cấu trái ý muốn của chị.

Tòa án thị xã Phổ Yên chấp nhận lời buộc tội của chị P tuyên phạt Hùng 36 tháng tù về tội Hiếp dâm.

Năm là, quyền rút yêu cầu và hậu quả của việc rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại và đại diện hợp pháp của họ

Điều 105 khoản 2 và khoản 3 BLTTHS năm 2003 quy định: người đã yêu cầu khởi tố vụ án rút yêu cầu (trừ do bị cưỡng bức, ép buộc) tự nguyện theo ý muốn của họ thì vụ án phải được đình chỉ; yêu cầu khởi tố vụ án đã rút theo đúng ý muốn, nguyện vọng của họ thì không có quyền yêu cầu lại. Thực hiện các quy định này thời gian qua nảy sinh một số vướng mắc về thực tế:

(i), *Hình thức rút yêu cầu của người bị hại và đại diện của họ* chưa được pháp luật quy định, nên có nhiều chủ thể tham gia tố tụng hiểu rằng đây là việc rút lại đơn đã nộp (nếu yêu cầu khởi tố bằng đơn). Khi họ thỏa thuận nhau bồi thường thiệt hại để người bị hại rút đơn nhưng lại không rút được đơn đã nộp nên thỏa thuận vướng mắc phát sinh. Sau đây là ví dụ:

Vụ án thứ tư: Ngày 19/12/2011, Chị Nguyễn Kim D, sinh 1984, trú tại thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn bị đối tượng Hoàng Văn T cùng nơi cư trú hiếp dâm, chị D có đơn yêu cầu khởi tố vụ án. CQĐT Công an huyện Lục Ngạn đã khởi tố vụ án và bị can với Hoàng Văn T. Quá trình điều tra vụ án, T chủ động sang xin lỗi và bồi thường sức khỏe, danh dự cho chị D là 25 triệu đồng, chị D nhất trí. Chị D và T thỏa thuận: chị D có trách nhiệm lên Công an huyện Lục Ngạn rút đơn yêu cầu khởi tố về thì T sẽ đưa tiền bồi thường (vì T lo sợ bị chị D lừa dối; khi chị D lên rút đơn (xin lại đơn đã nộp) thì không được chấp nhận mà được hướng dẫn viết đơn xin rút yêu cầu khởi tố, chị D không đồng ý, T cũng không nhất trí trả tiền chỉ đến khi kết thúc điều tra vụ án sang Viện kiểm sát, khi đó T nhờ luật sư, luật sư đã hướng dẫn để hai bên thỏa thuận rút đơn vụ án mới được đình chỉ.

(ii), *Về nội dung rút yêu cầu khởi tố của người bị hại*: đây là nội dung bất cập nhất hiện nay cả phương diện lý luận và thực tiễn trong thực hiện. Bất cập xảy ra với vụ án đã khởi tố có nhiều bị can, bị cáo. Khi người bị hại rút yêu cầu khởi tố với một số bị can, bị cáo (thực chất là rút yêu cầu khởi tố bị can, yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo) thì CQHTTT giải quyết khác nhau: Có CQĐT đã ra quyết định đình chỉ

cả vụ án, có nơi CQĐT chỉ ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án với các bị can, bị cáo được người bị hại rút yêu cầu, vẫn truy cứu trách nhiệm pháp lý với các bị can, bị cáo khác trong vụ án.

Lý do dẫn đến cách hiểu này là: *Một là*, đối với trường hợp CQHTTT đình chỉ cả vụ án, họ cho rằng người bị hại chỉ có quyền yêu cầu khởi tố vụ án, không có quyền yêu cầu khởi tố bị can, nên người bị hại rút yêu cầu thì phải đình chỉ cả vụ án. *Hai là*, trường hợp CQHTTT chỉ ra quyết định đình chỉ đối với bị can, bị cáo được người bị hại rút yêu cầu, vì cho rằng người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án và yêu cầu khởi tố đối với bị can, nên họ rút yêu cầu khởi tố bị can, bị cáo nào thì chỉ người đó được hưởng. Nhận thức thiếu thống nhất trên dẫn đến việc phát sinh khiếu nại, tố cáo trong vụ án làm mất đi tính nghiêm minh của pháp luật.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên trước hết do các yếu tố khách quan chi phối: Đất nước qua 30 năm đổi mới cơ chế chính sách pháp luật nói chung và chính sách pháp luật hình sự, tố tụng hình sự đang định hình và hoàn thiện; quá trình hội nhập và hợp tác xuất hiện nhiều vấn đề mới Nhà nước cần phải giải quyết và tiếp cận để thích ứng các nước. Về chủ quan: tính chất dự báo trong điều chỉnh pháp luật như chính sách hình sự còn hạn chế, kỹ thuật lập pháp hình sự và tố tụng hình sự chưa tốt, công tác hướng dẫn, giải thích pháp luật còn bất cập, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật chưa đồng đều; hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, trình độ dân trí của đại số nhân dân nhất là nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là những nguyên nhân chính tác động làm cho nhận thức và thực hiện pháp luật về nội dung này như đã phân tích.

Kết luận chương 3

Nghiên cứu về thực tiễn pháp luật và thực tiễn điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam thời gian qua chúng tôi kết luận một số nội dung sau đây:

1. Quy định pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam là bước tiến bộ trong việc thực hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong xử lý tội phạm và người phạm tội. Các quy định đã phát triển từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn là cơ sở pháp lý để các cơ quan tư pháp và công dân thực hiện đúng pháp luật, thực thi công lý, bảo vệ tốt hơn quyền của người bị hại trước tội phạm, góp phần vào việc xử lý tội phạm và

kiểm soát tình hình tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự xã hội. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã cơ bản đáp ứng yêu cầu về bảo đảm và thực thi quyền của người bị hại trong bối cảnh cải cách tư pháp ở Việt Nam theo hướng hội nhập và phát triển, tương thích với thể chế tư pháp trong khu vực và thế giới.

2. Chương 3 cũng đã phân tích rõ nội dung của pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự bao gồm: các nguyên tắc và các nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh về các nội dung: phạm vi tội phạm được quyền yêu cầu khởi tố, chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án, quyền yêu cầu khởi tố, quyền rút yêu cầu khởi tố, hậu quả pháp lý và các biện pháp bảo đảm quyền của người bị hại khi họ thực hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án.

3. Bằng việc phân tích làm rõ thực trạng pháp luật và thực trạng điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự thời gian qua, tác giả đã chỉ ra các hạn chế, vướng mắc tồn tại hoặc còn nhận thức khác nhau, chỉ ra bất cập từ đó góp phần nâng cao nhận thức, đồng thuận trong thực hiện bảo đảm tốt hơn quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự. Kết quả nghiên cứu từ thực tiễn theo phương pháp đa chiều, phương pháp xã hội học và phân tích số liệu thống kê vấn đề, tác giả đã làm rõ bức tranh khá đầy đủ toàn cảnh việc thực hiện, thi hành của các quy định pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự. Cung cấp các luận cứ khoa học để Đảng và nhà nước, các nhà khoa học tham khảo hoạch định chính sách pháp luật.

4. Bằng số liệu phân tích thực hiện các quy định pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự thời gian qua trên phạm vi toàn quốc và phạm vi các tỉnh theo mẫu lựa chọn, tác giả đã đánh giá được bức tranh điều chỉnh pháp luật ở phạm vi toàn cảnh, thông qua đó đánh giá được mức độ hoàn thiện của các quy định pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án, chỉ ra được mức độ đã đạt, tính hoàn thiện, thống nhất, tính khả thi và mức độ hoàn thiện của các quy phạm pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

4.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

4.1.1. Những yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Một là, thực hiện và cụ thể hóa lý luận về bảo vệ quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam

Một trong các mục đích của pháp luật trong nhà nước pháp quyền hướng đến các giá trị trong đó có giá trị bảo vệ quyền con người. Về nội dung bảo vệ quyền con người gồm các yêu cầu là thừa nhận, tôn trọng, bảo đảm và thực thi. Trong tố tụng hình sự muốn bảo vệ tốt quyền con người phải đáp ứng đủ cả 04 yêu cầu: thừa nhận, tôn trọng, bảo đảm và thực thi; việc thừa nhận và tôn trọng đã được Đảng và nhà nước công bố công khai trong Hiến pháp 2013 và các đạo luật khác, việc bảo đảm cũng đã được thừa nhận. Tuy nhiên, còn hạn chế nhất định về cơ chế, chính sách, pháp luật nhất là làm rõ nhận thức và quy định pháp luật để từ đó thực thi đồng bộ, thống nhất.

Về nội dung này, định hướng để triển khai BLTTHS năm 2015 là cần minh bạch, cụ thể và đưa ra giải pháp có tính khả thi, tôn trọng sự dân chủ, tự quyết định của người bị hại và đại diện của người bị hại đã được ghi nhận trong BLTTHS theo hướng có giải pháp trước mắt, giải pháp lâu dài: giải pháp trước mắt là ban hành văn bản giải thích, hướng dẫn các nội dung còn chưa rõ mà luận án đã nêu như: bản chất của quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự không phải là quyền tư tố, có giới hạn chỉ là quyền yêu cầu khởi tố đối với vụ án; hình thức yêu cầu của người bị hại, thủ tục công nhận người bị hại và đại diện của họ, thủ tục rút yêu cầu khởi tố vụ án. Giải pháp lâu dài là nghiên cứu hoàn thiện quy định khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại thành chế định “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại”,

quy định thêm một nguyên tắc là nguyên tắc “Bảo đảm quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình của người bị hại” trong tố tụng hình sự. Nghiên cứu đánh giá mở rộng phạm vi các tội phạm được quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; trước mắt là các tội trực tiếp xâm hại đến quyền nhân thân như: bắt giữ người trái pháp luật, các tội liên quan đến quyền sở hữu như lạm dụng, chiếm giữ, sử dụng trái phép tài sản; các tội liên quan đến tai nạn giao thông, các tội phạm đến lĩnh vực thương mại...

Hai là, cụ thể hóa lý luận về phòng ngừa tội phạm và mô hình phòng chống, kiểm soát tội phạm trong tố tụng hình sự với quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại:

Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam quy định nguyên tắc viện kiểm sát thực hiện chức năng công tố trong tố tụng, nghĩa là nhà nước thay mặt xã hội truy cứu người phạm tội để buộc họ phải chấp hành những chế tài do luật định. Song không phải mọi hành vi phạm tội đều xử lý như nhau mà có sự cân nhắc, tính toán biện pháp tốt nhất, hợp lý bảo đảm quyền của người bị hại, pháp luật và trật tự xã hội. Với ý nghĩa đó BLTTHS hiện hành đã quy định “khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại”, với nội dung dành quyền tự quyết định về ý chí lựa chọn biện pháp bảo vệ quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự bằng việc yêu cầu hoặc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu về lý luận phòng ngừa tội phạm, kiểm soát tội phạm, pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại cần thiết phải được xác định rõ: cách thức thực hiện quyền, giới hạn và chủ thể, hậu quả của việc thực hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu của người bị hại trong pháp luật bảo đảm rõ ràng, nhất quán là những nội dung mà BLTTHS hiện hành cần làm rõ.

Ghi nhận cụ thể quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự góp phần làm rõ và kiểm soát tốt hơn tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự và tôn trọng tự quyết cá nhân của người bị hại. Cụ thể là: cần quy định rõ về quyền và nghĩa vụ giải thích về quyền của người bị hại trong các trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại; quy định trách nhiệm của nhà nước trong bảo đảm thực hiện quyền của người bị hại khi họ thực hiện quyền; quy định về bảo đảm đồng nhất giữa BLHS và BLTTHS về xử lý tội phạm như hòa giải trong tố tụng, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Ba là, bảo đảm nguyên tắc kết hợp giữa các biện pháp khác nhau trong quản lý, phòng ngừa, kiểm soát tội phạm

Tội phạm là hiện tượng xã hội có mức độ hậu quả nghiêm trọng nhất gây bất ổn định xã hội, cần phải trừng trị, giáo dục và phòng ngừa nhưng cũng đồng thời phải bảo đảm khôi phục, khắc phục hậu quả của tội phạm gây ra; trong các loại tội phạm gây ra có loại tội phạm gây ra thiệt hại cho người bị hại, việc bảo vệ quyền của người bị hại tốt nhất là trao quyền lựa chọn ở mức độ nhất định cho chính họ để họ lựa chọn biện pháp bảo vệ. Với ý nghĩa này BLTTHS cần kết hợp giữa các nguyên tắc công tố và nguyên tắc bảo đảm quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại đối với các chủ thể đã gây ra hành vi phạm tội với họ.

Quy định kết hợp đa nguyên tắc sẽ là tạo ra đa dạng các biện pháp xử lý, ứng xử với tội phạm không cần áp dụng biện pháp pháp lý hình sự, hoặc không cần áp dụng các biện pháp chế tài hình sự mà vẫn kiểm soát, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm hiệu quả.

Với tư tưởng chủ trương nên tăng hay giảm các tội phạm được áp dụng “quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại” cần phải được tính toán phù hợp với chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ở mỗi thời kỳ, trong đó cân nhắc giữa các loại lợi ích xã hội và cá nhân, giữa mục tiêu và định hướng bảo đảm quyền con người với mục tiêu phòng chống và kiểm soát tội phạm; giữa mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia, và hội nhập quốc tế, giữa mục tiêu lâu dài và mục tiêu trước mắt.

Bốn là, bảo đảm hài hòa các loại lợi ích của người bị hại trong tố tụng hình sự

Trong pháp luật tố tụng hình sự khi nhà nước giải quyết vụ án hình sự có bị hại, pháp luật không chỉ giải quyết các nội dung về phần hình sự mà cần quan tâm đến giải quyết cả phần dân sự vì đây là bộ phận của vụ án. Nhưng giải quyết phần dân sự phải theo nguyên tắc của pháp luật dân sự, trong đó tôn trọng tính tối cao của quyền tự định đoạt là vấn đề pháp luật tố tụng hình sự chưa đặt ra thấu đáo và nhất quán với pháp luật dân sự. Như vấn đề hòa giải, thương lượng, tự nguyện bồi thường... Nội dung này cần được quy định trong các quy phạm thể hiện rõ trách nhiệm của nhà nước cụ thể là các CQTHTT trong bảo đảm quyền của người bị hại

như: quy định nghĩa vụ phải ghi nhận sự thỏa thuận của các bên khi họ có yêu cầu, tạo điều kiện pháp lý để các bên thực hiện quyền của họ như gặp gỡ trao đổi với bị can bị tạm giam, tạm giữ để hòa giải, thương lượng. Quy định trách nhiệm giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự trên cơ sở nguyên tắc pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; coi căn cứ của giải quyết dân sự (hòa giải, thương lượng, yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 3, Điều 29 BLHS năm 1999) là cơ sở để giải quyết phần hình sự trong vụ án hình sự.

Năm là, đưa các quy định Hiến định về phân quyền, bảo đảm quyền con người, mô hình tố tụng có yếu tố tranh tụng vào pháp luật thực định

Quy định của Hiến pháp năm 2013 quy định về trách nhiệm bảo vệ trật tự pháp luật XHCN, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người thuộc về các cơ quan nhà nước trong đó có các cơ quan tư pháp, bên cạnh đó cũng ghi nhận và bảo đảm các nội dung của quyền con người, quyền công dân, việc quy định cụ thể do các đạo luật xác định theo tinh thần của Hiến pháp. Quy định nguyên tắc xét xử tranh tụng được bảo đảm. Như vậy, để có cơ sở thi hành đầy đủ hơn quyền của người bị hại trong vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của họ thì nhà nước cần phải cụ thể hóa đầy đủ và cụ thể các quyền và biện pháp thực hiện trong các quy định về luật nội dung (BLHS, Bộ luật dân sự và các luật khác) và luật hình thức (BLTTHS) nhất là các quy định pháp luật về thực hiện quyền của người bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ.

Trong tố tụng phải phân vai trò, chức năng của CQTHTT theo chức năng của tố tụng, tòa án chỉ làm nhiệm vụ xét xử (trọng tài) mà không thực hiện các quyền khác như: Quyền khởi tố vụ án tại phiên tòa, quyền kiến nghị với viện kiểm sát cùng cấp hoặc cấp trên khi kiểm sát tại phiên tòa rút cáo trạng, quyền trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung. Viện kiểm sát có quyền tùy nghi truy tố, kiểm sát hoạt động tố tụng và bảo đảm thực hiện các quyền Hiến định trong đó bảo đảm cho người bị hại thực hiện quyền của họ theo lựa chọn mà pháp luật quy định. Hướng tới BLTTHS nên quy định các bên của quan hệ tố tụng như: bên thuộc phía thực hiện chức năng buộc tội, bên thuộc phía thực hiện chức năng bào chữa, vai trò của tòa án (như BLTTHS Cộng hòa

liên bang Nga) là hình thành các bên theo chức năng tổ tụng mà không theo vai trò cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng như hiện nay.

4.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Định hướng hoàn thiện của pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự phải được đặt ra trên cơ sở các yêu cầu có tính nguyên tắc chung sau đây:

4.1.2.1. Định hướng xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa

Học thuyết về hình thái kinh tế xã hội của chủ nghĩa Mác -Lê nin chỉ rõ vai trò của kinh tế, các quan hệ kinh tế với tính chất là cơ sở xã tầng của xã hội quyết định các vấn đề về kiến trúc thượng tầng trong đó có nhà nước và pháp luật. Qua hơn 30 năm đổi mới Đảng ta kiên trì quan điểm phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN, nghiên cứu vận dụng và thực hiện quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường, bảo đảm vai trò điều tiết, dẫn dắt của Nhà nước. Mục đích là bảo đảm phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, phát triển mạnh kinh tế, tháo dỡ các rào cản để sản xuất, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và các quyền khác của người dân trong nền kinh tế thị trường. Để đáp ứng yêu cầu này cần thực hiện các nội dung sau liên quan đến hoàn thiện pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự:

Thứ nhất, phải xây dựng đồng bộ các loại thể chế trong đó có thể chế quản lý kinh tế; trong lĩnh vực tư pháp hình sự cần có quan điểm xác lập điều chỉnh theo hướng pháp luật hình sự, tố tụng hình sự bảo đảm mạnh mẽ cho các quan hệ kinh tế ổn định phát triển, nhưng không là rào cản phát triển kinh tế; pháp luật hình sự phải đồng nhất, thống nhất với các quan điểm nguyên tắc phát triển kinh tế, bảo đảm tự do kinh doanh, sáng tạo và năng động, chủ động của công dân, cá nhân, tổ chức kinh tế. Đa dạng hóa cách thức xử lý hành vi vi phạm pháp luật, nhất là hành vi tội phạm liên quan đến kinh tế bảo đảm ổn định để phát triển.

Thứ hai, hệ thống cơ chế, chính sách phải thuận lợi, phù hợp với các quy luật phát triển kinh tế - xã hội, đòi hỏi theo tính năng động của nền kinh tế thị trường. Vận dụng tư tưởng này cần xác định rõ và mở rộng phạm vi điều chỉnh của tội phạm trong

BLHS liên quan đến quyền của chủ sở hữu, quyền tự do kinh doanh của cá nhân, pháp nhân theo hướng dành quyền tự quyết định về ý chí cho người bị thiệt hại khi họ là người bị hại trong hành vi phạm tội. Nghiên cứu mở rộng phạm vi các tội phạm là tội kinh doanh thương mại và các tội liên quan đến sở hữu như: chiếm giữ trái phép tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, làm hư hỏng tài sản... là tội phạm khởi tố theo yêu cầu của người bị hại.

4.1.2.2. Định hướng về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

Định hướng này có ý nghĩa trực tiếp với việc hoàn thiện pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự như sau:

Thứ nhất, thực hiện đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và nhà nước về đổi mới hệ thống pháp luật theo tinh thần cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân theo sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân đã được ghi nhận trong Hiến pháp 2013. Trước mắt là cụ thể hóa chính sách hình sự, chính sách pháp luật tố tụng hình sự của Đảng nhà nước vào thực hiện sửa đổi BLHS năm 2015, hướng dẫn tổ chức thi hành BLTTHS năm 2015 trên cơ sở bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, đẩy mạnh phòng ngừa, kiểm soát tội phạm, bảo đảm tốt nhất quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự. Thực hiện hiệu quả BLTTHS trên tinh thần đổi mới và làm sâu sắc hơn nhận thức về các nguyên tắc mới, nguyên tắc đã được bổ sung nội hàm mới trong tố tụng hình sự như: Nguyên tắc tranh tụng, nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc chứng minh tội phạm thuộc về CQTHTT, nguyên tắc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự, nguyên tắc công tố, nguyên tắc đặc thù của tố tụng là ghi nhận và bảo đảm quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án của bị hại trong tố tụng hình sự...

Thứ hai, đa dạng hóa các biện pháp xử lý hành vi tội phạm về hình phạt, về biện pháp tư pháp và các biện pháp trao quyền tự quyết định về ý chí trong việc yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại. Nghiên cứu toàn diện và đồng bộ các điều kiện kinh tế, xã hội, truyền thống pháp luật, đặc tính tâm lý, văn hóa pháp lý cộng đồng có ảnh hưởng đến việc quy định pháp luật và

điều chỉnh pháp luật có liên quan đến tội phạm khởi tố theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam để cân nhắc tính toán bổ sung tội phạm khởi tố theo yêu cầu của người bị hại đối với các tội xâm hại đến quyền nhân thân của người bị hại như: các tội phạm có đối tượng và khách thể tác động là thể chất, tinh thần, tài sản của người bị hại; tội phạm là loại ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng do lỗi vô ý.

Thứ ba, mở rộng phương thức điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại theo bằng việc ghi nhận bổ sung “nguyên tắc bảo đảm quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại”; xây dựng các quy định pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại thành chế định luật trong BLTTHS, trong đó quy định rõ các nội dung điều chỉnh pháp luật như: chủ thể, phạm vi, hình thức, nội dung và hậu quả pháp lý của việc yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại.

Thứ tư, bảo đảm sự đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật trong đó trực tiếp là sự thống nhất giữa BLHS và BLTTHS trong xử lý các tội phạm và biện pháp thực hiện như: Biện pháp hòa giải giữa người bị hại và bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác quy định tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015. Bảo đảm sự thống nhất giữa các khái niệm pháp lý thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản quy định trong BLTTHS với quy định về thiệt hại do tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm, uy tín bị xâm hại quy định từ Điều 589 đến Điều 593 BLDS năm 2015.

Thứ năm, xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại: quy định rõ quyền của bị hại (người bị hại và cơ quan, tổ chức là bị hại), quy định rõ nghĩa vụ của người yêu cầu khởi tố vụ án theo yêu cầu của họ khi họ thực hiện quyền; quy định các nghĩa vụ của CQTHTT trong bảo đảm quyền yêu cầu, rút yêu cầu của người bị hại khi bị hại thực hiện quyền của họ.

Thứ sáu, giải thích và hướng dẫn pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại bảo đảm tính nguyên tắc, bản chất để thống nhất thi hành như: hướng dẫn giải thích cụ thể quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại là quyền cầu khởi tố đối với vụ án hình sự, người bị hại không có quyền yêu cầu, rút yêu cầu xử lý với bị can, bị cáo; Trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại việc tham gia phiên tòa để trình bày lời buộc tội là quyền của người bị hại, không phải nghĩa vụ của họ. Giải thích hướng dẫn rõ phạm vi rút yêu cầu và đình chỉ vụ án ở các giai đoạn tố tụng hình sự. Hướng dẫn về hình thức pháp lý thực hiện quyền của người bị hại khi bị hại thực hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án bằng đơn; bãi bỏ quy định người bị hại phải chịu án phí với vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại khi bị cáo được tuyên không phạm tội trong pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án (Điều 22 Pháp lệnh).

4.1.2.3. Định hướng xây dựng hệ thống pháp luật theo hướng hội nhập và phát triển tương thích với pháp luật khu vực và thế giới

Hội nhập là chủ trương lớn xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, trong đó có nội dung chính sách hội nhập về pháp luật, trong pháp luật có chính sách hội nhập về pháp luật hình sự và tố tụng hình sự. Trong lĩnh vực này cần nghiên cứu đáp ứng các nội sau đây:

Thứ nhất, về quan điểm: nghiên cứu vận dụng tối đa các phương pháp, cách thức của các nước nhất là các nước có chế độ chính trị, truyền thống pháp luật hoặc văn hóa pháp lý tương đồng về phòng ngừa, đấu tranh và xử lý tội phạm, kiểm soát tội phạm như: Trung Quốc, Liên bang Nga, CH Pháp.

Thứ hai, nghiên cứu pháp luật và điều chỉnh pháp luật của pháp luật các nước liên quan đến quy định điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại như: Quyền tư tố, án tư tố, quyền truy tố cá nhân, quyền yêu cầu khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, chế định mặc cả thú tội, thỏa thuận nhận tội, quyền tùy nghi truy tố... của các nước như Trung Quốc, Pháp, Liên bang Nga, CH Liên bang Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, CHDCND Lào... để tiếp thu kinh nghiệm của họ xây dựng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Thứ ba, Nghiên cứu đánh giá vận dụng quy định pháp luật về phạm vi, giới hạn, cách thức điều chỉnh pháp luật của pháp luật các nước trên thế giới phù hợp nguyên tắc pháp luật Việt Nam để hoàn thiện pháp luật, nâng quy định hiện hành thành chế định luật bảo đảm rõ ràng về nội dung, phạm vi, hình thức và cách thức thực hiện.

4.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

4.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

4.2.1.1. Kiến nghị về hoàn thiện hình thức pháp lý căn cứ

Trong nhà nước pháp quyền nhà nước và công dân phải tôn trọng tính tối cao của luật, đồng thời theo quy định tại khoản 2, điều 14 Hiến pháp 2013 “ Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Như vậy, việc thực hiện và hạn chế (giới hạn) quyền của công dân phải bằng luật. Lĩnh vực tố tụng hình sự là lĩnh vực rất quan trọng liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, dễ dẫn đến sai lầm vi phạm trong thực hiện vì thế cần thiết phải quy định trong luật, chi tiết, cụ thể, có tính khả thi và dễ tiếp cận. Cụ thể đề xuất lộ trình hai bước:

- Bước 1. Giải thích và hướng dẫn pháp luật tố tụng hình sự để làm rõ hơn quy định liên quan đến quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại tại Điều 155, BLTTHS năm 2015

Trong pháp luật BTHS năm 2015 cần thiết phải định nghĩa các thuật ngữ pháp lý liên quan và làm rõ hơn về mặt nhận thức quy định khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại cụ thể:

Một là, về giải thích thống nhất nhận thức các khái niệm, thuật ngữ pháp lý có liên quan đến quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại như: (i) khái niệm bị hại là “cơ quan, tổ chức” quy định khoản 1 điều 62 BLTTHS năm 2015 hiện nay chưa được làm rõ. Cơ quan, tổ chức trong quy định này có hay không đồng nhất với khái niệm pháp nhân quy định tại điều 74 Bộ luật dân sự hiện hành (Bộ luật dân sự năm 2015). (ii) cần giải thích, thống nhất khái niệm, thuật ngữ pháp lý

“thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản” trong BLTTHS với khái niệm “thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, uy tín danh dự...” quy định tại Điều 589, 590, 591 và 592 Bộ luật dân sự năm 2015. (iii) khái niệm “người đã yêu cầu khởi tố” vụ án hình sự với khái niệm người bị hại tại Điều 155, BLTTHS năm 2015.

Hai là, xác định rõ cơ chế để bảo đảm người đại diện của người bị hại thực hiện quyền của họ: (i) về thực hiện quyền của người bị hại trong trường hợp người bị hại mất tích chưa được BLTTHS ghi nhận tại Điều 155, nhưng khoản 5 Điều 62 BLTTHS đã quy định cần giải thích rõ thực hiện theo Điều 62; (ii) khi người bị hại có nhiều đại diện ngang quyền nhau có ý chí thực hiện quyền đối lập nhau chưa có cơ chế xác định; điều này cần giải thích rõ việc thừa nhận ai có quyền đại diện hợp pháp cho người bị hại trong trường hợp có nhiều đại diện phải do pháp luật dân sự quy định.

Ba là, về thủ tục công nhận người bị hại: BLTTHS quy định về thủ tục công nhận người bị hại nói chung và người bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ chưa nhất quán. Cần xác định việc công nhận người bị hại phải được quy định bằng quyết định tố tụng và ghi rõ thẩm quyền của chủ thể tiến hành tố tụng có quyền công nhận, thời điểm công nhận, hậu quả pháp lý của việc xác nhận người bị hại hoặc đại diện của họ.

Bốn là, cần ghi nhận và phải hướng dẫn quy định nội dung hòa giải trong tố tụng hình sự cho người bị hại và những người tham gia tố tụng khác: hiện nay BLTTHS mới có quy định về hòa giải giữa người bị hại và người phạm tội là người dưới 18 tuổi tại Điều 428, BLTTHS năm 2015. Đồng thời cũng đã quy định hòa giải trong một số trường hợp như người phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác thì được hòa giải và có thể coi đây là căn cứ miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3, Điều 29, BLHS năm 2015. Tuy nhiên, hiện nay để bảo đảm nhất quán giữa BLTTHS năm 2015 và điều 29 BLHS năm 2015, cần thiết phải định nghĩa khái niệm hòa giải trong tố tụng hình sự về phạm vi, nội dung và trình tự thực hiện, đồng thời mở rộng phạm vi hòa giải trong BLTTHS cho mọi trường hợp mà người bị hại cần thiết để phù hợp với tinh thần của BLHS năm 2015.

Năm là, hoàn thiện các khái niệm, thuật ngữ pháp lý về “Quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại” hiện nay bằng thuật ngữ, khái niệm pháp lý đầy đủ, đúng bản chất là người bị hại chỉ có quyền yêu cầu khởi tố vụ án mà không có quyền yêu cầu khởi tố bị can, không có “Quyền yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội”. Hoàn thiện quy định về thủ tục thực hiện quyền yêu cầu của bị hại bắt buộc bằng văn bản (bằng đơn hoặc ghi lời khai có xác nhận của người bị hại hoặc đại diện của họ).

Sáu là, giải thích pháp luật về hậu quả của quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại và đình chỉ vụ án

Khoản 2, Điều 155 BLTTHS năm 2015 quy định “*Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ*” mà không nói rõ là ở giai đoạn nào. Trong khi đó các quy định về đình chỉ vụ án ở thủ tục xét xử sơ thẩm và đình chỉ vụ án ở giai đoạn phúc thẩm không có quy định căn cứ đình chỉ này. Vì vậy, cần hướng dẫn Điều 155, BLTTHS là nguyên tắc cá biệt, điều chỉnh cá biệt do đó nếu có trường hợp rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại ở bất kỳ giai đoạn nào theo thủ tục tố tụng thông thường (trừ giai đoạn Giám đốc thẩm, Tái thẩm) thì vụ án phải được đình chỉ. Coi khoản 2, Điều 155, BLTTHS là căn cứ trực tiếp để đình chỉ vụ án.

- Bước 2: hướng đến hoàn thiện quy định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại bằng chế định “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại” trong BLTTHS

- Thời gian qua thực hiện quy định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại (đã được quy định BLHS năm 1988; BLTTHS năm 2003) nhưng chủ yếu là ở một số điều luật, chưa được trình bày theo tính chất của chế định; còn rất nhiều quyền của người bị hại và quy trình, thủ tục pháp lý trong thực hiện quyền chưa được luật hóa như: thủ tục công nhận bị hại, hình thức yêu cầu của bị hại khi bị hại thực hiện quyền yêu cầu khởi tố, rút đơn; thủ tục hòa giải của bị hại với người phạm tội và các chủ thể khác liên quan...

Từ phân tích trên, chúng tôi kiến nghị nhà nước cần quy định trong BLTTHS thời gian tới: Bổ sung thêm nguyên tắc “Bảo đảm quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình

sự của người bị hại”. Hoàn thiện quy định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại hiện nay bằng chế định “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại”.

4.2.1.2. Kiến nghị về hoàn thiện nội dung quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

- *Về chủ thể thực hiện quyền yêu cầu khởi tố vụ án:* cần quy định cụ thể về chủ thể của quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong các trường hợp người bị hại có đại diện hợp pháp cho họ có nhiều đại diện đều hợp pháp như nhau, có quyền ngang nhau nhưng ý kiến trái ngược nhau thì thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự. Nghĩa là ngay khi làm thủ tục công nhận bị hại thì CQTHTT phải yêu cầu các đại diện người bị hại chọn đại diện chính thức để công nhận, nếu không chọn được thì phải xác định bằng thủ tục tố tụng dân sự. Trong trường hợp bị hại là cá nhân đã thực hiện quyền của mình trong tố tụng hình sự thông qua người đại diện mà quá trình giải quyết vụ án người bị hại đã đủ điều kiện thực hiện quyền của mình thì quyền đó phải do chính người bị hại thực hiện. Trong trường hợp “bị hại mất tích” việc xác định người đại diện CQTHTT thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự hiện hành để chỉ định người đại diện.

- *Về phạm vi các tội danh khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại:* như đã phân tích nội dung này, việc mở rộng hay thu hẹp các vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại phụ thuộc vào chính sách hình sự của Đảng và nhà nước, do đó phải tính toán cân nhắc kỹ lưỡng các tội danh cần mở rộng. Tinh thần pháp luật là nên mở rộng phạm vi cho các tội xâm hại đến quyền cá nhân như thân thể, uy tín, danh dự, các tội xâm phạm sở hữu ở mức độ nguy hiểm không cao, tính chất khách thể chủ yếu là cá nhân giữ vai trò quan trọng song phải bảo đảm kiểm soát được tội phạm.

Một là, tiếp tục mở rộng một số tội phạm xâm hại đến quyền nhân thân của người bị hại thuộc trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại.

Theo các nghiên cứu về thống kê tội phạm giai đoạn 2010 đến 2015 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tình hình tội phạm, chúng tôi xem xét một số tội danh sau đây cần thiết được quy định thuộc trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại đối với các tội phạm sau: (i), Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật quy

định tại điều 123 BLHS năm 1999, trong 06 năm từ 2010 đến 2015 tổng khởi tố 863 vụ, năm nhiều nhất là 182 vụ (năm 2012), năm ít nhất (năm 2010) là 94 vụ, trong đó án thuộc khoản 01 là 674 vụ/863 vụ bằng 78% tổng số vụ khởi tố. (ii), Tội xâm phạm chỗ ở của công dân quy định tại điều 124 BLHS năm 1999 trong 6 năm từ 2010 đến 2015 khởi tố 32 vụ. Các vụ án khởi tố đều thuộc khoản 01 của điều luật, tội danh này. (iii) Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác theo Điều 125 BLHS năm 1999, giai đoạn 2010 – 2015 chỉ khởi tố 01 vụ án, 02 bị can [118, tr.28-33]. Nhìn chung các tội phạm trên đây là các tội xâm phạm có khách thể trực tiếp là quyền cá nhân của người bị hại, sau đó xâm hại đến trật tự an toàn xã hội và các khách thể khác. Với các tội này, cần thiết để bị hại cần nhắc việc hành vi xâm hại đó có cần xử lý bằng pháp luật hình sự hay không. Đây cũng sẽ là chính sách hình sự làm giảm tỷ lệ tội phạm bị khởi tố hiện hành xử lý bằng hình sự, phù hợp với mô hình tố tụng hình sự Việt Nam là mô hình kiểm soát tội phạm, bảo đảm công bằng, dân chủ trong xử lý tội phạm.

Đối với một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông mà xâm hại đến khách thể là cá nhân, pháp nhân cụ thể quy định trong BLHS năm 2015 như Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác (Điều 289) cũng cần thiết tổng kết thực tiễn để đưa vào thuộc trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại để đáp ứng chính sách hình sự hiện hành.

Đề nghị mở rộng phạm vi thêm các tội xâm phạm đến quyền riêng tư của bị hại về thể chất, tinh thần, uy tín, danh dự và tài sản cụ thể thêm các tội sau của BLHS năm 2015: Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật quy định tại (Điều 157); Tội xâm phạm chỗ ở của công dân quy định tại (Điều 158); Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác (Điều 159).

Đề nghị cân nhắc các tội phạm xâm hại đến nhân thân mang tính chất vô ý như: Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ (Điều 260); Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180).

Hai là, tiếp tục mở rộng một số tội phạm xâm hại đến quyền nhân thân của người bị hại thuộc trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại đối với

các tội phạm xâm phạm sở hữu, xâm phạm về kinh tế đáp ứng yêu cầu khởi nghiệp của doanh nghiệp, thương nhân hiện nay: vì các lý do sau đây:

- Chính sách hình sự của nhà nước ta đã thay đổi theo hướng mở rộng phạm vi bảo vệ các quan hệ kinh tế, thương mại và trật tự quản lý kinh tế bằng pháp luật hình sự tại 46 tội danh của BLHS năm 2015 (trong đó bổ sung mới là 13 tội danh, xác định cụ thể hơn các cấu thành tội phạm của 33 tội danh); Như vậy nhu cầu điều chỉnh bằng pháp luật hình sự đối với các hành vi thương mại, kinh tế tăng lên. Song bản chất của hành vi thương mại cần bảo vệ là lợi ích của các bên trong quan hệ đó, các hành vi bị coi là tội phạm (trong số tội thuộc lĩnh vực thương mại thì Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 225) là hành vi có mức độ nguy hiểm tăng so với vi phạm thương mại thông thường hoặc hành chính thông thường nên hoàn toàn có cơ sở cho phép một bên (bị hại) lựa chọn phương thức bảo vệ tốt nhất, trong đó có phương thức lựa chọn bảo vệ bằng pháp luật hình sự khi có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

- Mục đích của việc tội phạm hóa, xác định rõ hơn cấu thành của tội phạm, làm rõ hơn mức độ hành vi vi phạm pháp luật thương mại là tội phạm của một số tội danh của BLHS năm 2015 là để xác định rõ biện pháp áp dụng pháp luật hình sự xử lý hành vi phạm tội, khôi phục lại hậu quả đã xảy ra. Tuy nhiên, áp dụng pháp luật tố tụng hình sự để giải quyết vụ án khôi phục lại hậu quả đã xảy ra không phải là biện pháp tối ưu mà cần để họ tự quyết định biện pháp khác tối ưu hơn như tự nguyện hòa giải, bồi thường thiệt hại. Ví dụ với các tội: Tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 177), Tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 176), Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178), Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175). Một số hành vi trong Tội vi phạm các quy định về cung ứng điện (Điều 199); Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 225). Vì nhiều khi xử lý bằng biện pháp hình sự áp dụng chế tài hình sự, buộc bồi thường thiệt hại được ghi trong bản án nhưng hiệu quả thi hành án còn lâu dài.

- Trong hoạt động kinh doanh, thương mại bí mật kinh doanh của các chủ thể trên thương trường là yếu tố bảo mật. Vì vậy, trong nhiều tội danh dù họ là bị hại trong vụ án nếu tham gia tố tụng sẽ phải công khai hóa các bí mật kinh doanh là một

trong những nội dung họ không mong muốn như các tội: Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán trứng khoán (Điều 210); Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán (Điều 212). Vì vậy, cần để chính bị hại được cân nhắc, tính toán việc khởi tố vụ án hình sự có gây bất lợi cho họ hay không, tôn trọng sự thoả thuận tự nguyện giữa họ trong một số trường hợp cho phép là hiệu quả thực chất mà pháp luật hướng tới.

Việc BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm 04 tội danh và làm rõ trong cấu thành tội phạm của 09 tội danh thay thế cho một tội danh cũ: Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165, BLHS năm 1999), bổ sung thêm một số tình tiết định tính, định lượng cho phù hợp tình hình kinh tế xã hội giai đoạn hiện nay là sự phát triển mới của BLHS đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các doanh nghiệp, doanh nhân trong nền kinh tế thị trường nhưng vẫn bảo đảm quản lý nhà nước. Tuy vậy, trong nhiều cấu thành cơ bản của tội phạm có xác định mức độ thiệt hại của bị hại như “thiệt hại của nhà đầu tư”, “*thiệt hại tài sản*” của bị hại hoặc “*thiệt hại tài sản cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan*” thì cần có sự chung tay chứng minh từ phía bị hại. Đây là yếu tố lượng hóa để xác định có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không (ví dụ khoản 1 các tội: Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán (Điều 212); Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản (Điều 218). Nếu trong vụ án thông thường thì việc chứng minh thiệt hại cũng đồng nghĩa với nghĩa vụ chứng minh của bị hại, còn trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ đây là quyền và là nghĩa vụ. Nếu là nghĩa vụ chứng minh của bị hại mà buộc họ phải cung cấp chứng cứ cho cơ quan tiến hành tố tụng để công khai hóa khi xử lý vụ án thì lợi ích của họ không những không được bảo vệ tốt hơn mà ngược lại. Vì vậy, theo quan điểm của chúng tôi cần thiết phải xác định khoản 01 của một số tội danh trong “Chương XVIII các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế” là tội phạm được khởi tố theo yêu cầu của bị hại đối với các hành vi tội phạm gây thiệt hại mà thiệt hại của họ (bị hại) là yếu tố định tính, định lượng cơ bản cấu thành tội phạm. Cụ thể các tội sau đây:

1. Tội vi phạm các quy định về cung ứng điện (khoản 01, Điều 199).
2. Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán trứng khoán (khoản 01, Điều 210).

3. Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán (khoản 01, Điều 212).

4. Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản (khoản 01, Điều 218).

5. Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (khoản 01, Điều 225).

- *Về hình thức, thời điểm người bị hại yêu cầu khởi tố vụ án*

Qua phân tích ở chuyên đề trước hiện BLTTHS chưa nói rõ hình thức yêu cầu của bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ. Song, liên ngành tòa án, viện kiểm sát, công an Trung ương đã phải hướng dẫn trong tố tụng hình sự là yêu cầu bị hại thể hiện bằng viết đơn, nếu trình bày trực tiếp thì lập biên bản tiếp nhận ý kiến của bị hại để làm cơ sở xem xét giải quyết [01]. Đề nghị quy định bắt buộc trong luật là yêu cầu của bị hại phải thể hiện bằng văn bản còn văn bản là đơn hay bản ghi yêu cầu của bị hại tùy trường hợp cụ thể.

- *Về việc người bị hại thực hiện các quyền năng tố tụng trong vụ án hình sự khởi tố vụ theo yêu cầu của họ trong mô hình tố tụng tranh tụng*

Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 quy định “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”, theo đó trong tố tụng hình sự hình thành nên ba bên với ba chức năng: Bên buộc tội (là viện kiểm sát, bị hại và người bảo vệ quyền lợi cho bị hại), bên gỡ tội (là người bị buộc tội và người bào chữa cho người này), bên thực hiện chức năng xét xử là tòa án. Trong suốt quá trình tố tụng hình sự bên buộc tội và bên gỡ tội đồng thời thực hiện chức năng của mình tạo ra nguyên lý tranh tụng, “Tranh tụng chính là quy trình tranh luận, trao đổi giữa các bên, trong tranh tụng các quan điểm khác nhau được cọ sát và chân lý khách quan xuất hiện” [28, tr.34]. Là bên đồng hành cùng với viện kiểm sát thực hiện chức năng buộc tội, người bị hại đưa ra các chứng cứ, tài liệu đồ vật, lý lẽ để bảo vệ lợi ích của mình, đồng thời cũng có quyền quyết định, định đoạt đến các vấn đề thuộc lợi ích của người bị hại. Lợi ích của người bị hại, nhất là người bị hại trong các vụ án được khởi tố theo yêu cầu của họ có quyền cân nhắc đánh giá và có thể thay đổi do các yếu tố chủ quan, khách quan. Vì vậy, trong tố tụng hình sự theo nguyên tắc tranh tụng bên cạnh việc thiết kế hệ thống quyền năng của người bị hại (với tư cách quyền bị động bên cạnh viện kiểm sát) trong các vụ án thông thường, thì cần thiết

phải thiết kế tư cách quyền của người bị hại là chủ thể chủ động trong tố tụng hình sự với các vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ; thiết kế quyền của người bị hại phải trên cơ sở nguyên tắc đây là quyền cơ bản của con người trong tư pháp hình sự, nghĩa là nhà nước: ghi nhận, bảo đảm và có trách nhiệm thực hiện các quyền mà pháp luật tố tụng hình sự ghi nhận đó.

Nghiên cứu về quy định hiện hành bảo đảm cho địa vị tranh tụng của bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ còn có nhiều hạn chế:

Một là, chưa phân biệt rõ quyền và nghĩa vụ của người bị hại trong vụ án thông thường và người bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ.

Hai là, vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, trách nhiệm chứng minh tội phạm phải là người bị hại, nhưng quyền này mới chỉ quy định duy nhất riêng biệt tại phần tranh tụng tại phiên tòa “Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại thì bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa” khoản 3, điều 62 BLTTHS năm 2015; Đồng thời với quy định này, luật chưa quy định phạm vi, nội dung, căn cứ lời buộc tội mà người bị hại thực hiện là như thế nào. Vì bản chất của việc quy định cho người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố vụ án không phải chỉ hướng đến đáp ứng yêu cầu khởi tố vụ án đối với hành vi đã gây ra cho bị hại mà mong muốn cuối cùng bị hại hướng đến là xử lý hành vi đó bằng pháp luật hình sự; nghĩa là bị hại mong muốn nhà nước truy tố, xét xử chủ thể đã gây ra hành vi phạm tội với mình. Muốn làm được điều này, bị hại không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm chứng minh hành vi phạm tội (thực hiện chức năng buộc tội) trong suốt quá trình tố tụng hình sự với vụ án mà tập trung nhất là ở giai đoạn xét xử.

Ba là, BLTTHS quy định cho người bị hại có quyền rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án sau khi đã yêu cầu nhưng không giới hạn thời điểm rút yêu cầu cụ thể đặt ra nhiều tình huống pháp lý chưa rõ ràng như đã phân tích trong chương 3 luận án.

Bốn là, Trong BLTTHS và BLHS chưa có sự tương thích nhau trong bảo vệ quyền của người bị hại nói chung và người bị hại trong vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của họ, cụ thể: Điều 29 BLHS năm 2015 quy định trường hợp miễn trách nhiệm hình sự nếu được người bị hại hoặc đại diện của người bị hại tự nguyện hòa

giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Như vậy, nói riêng trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại hòa giải là quy định luật hình sự đặt ra nhưng BLTTHS lại chưa đề cập ở mọi giai đoạn của tố tụng; chỉ duy nhất đặt vấn đề hòa giải trong trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi theo quy định tại điều 428 BLTTHS về hòa giải tại cộng đồng, đây là thiếu vắng rất cơ bản ảnh hưởng đến quyền của bị hại trong tố tụng hình sự như đã phân tích trong Chương 3 luận án.

- Về chủ thể thực hiện quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án

BLTTHS năm 2015 và các BLTTHS trước đều thừa nhận nguyên lý chung vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của bị hại (yêu cầu của chính người bị hại hoặc đại diện của họ theo luật định) đã được khởi tố đến trước khi mở phiên tòa sơ thẩm có nguyện vọng rút yêu cầu thì người rút yêu cầu là “người đã yêu cầu khởi tố”; quy định này là không chính xác, hạn chế quyền của người bị hại.

4.2.2.3. Kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

BLTTHS năm 2015 đã được Quốc hội thông qua, có hiệu lực pháp luật nhưng được lùi thời hạn thi hành đến khi các đạo luật khác (luật nội dung có hiệu lực như BLHS, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự), do đó đặt vấn đề sửa đổi trong thời gian tới là không khả thi. Tuy nhiên, cũng rất cần thiết phải hướng dẫn, giải thích làm rõ về nhận thức và đồng thuận về mặt thực tế trong các cơ quan pháp luật và xã hội để thực hiện. Về nội dung này chúng tôi kiến nghị:

Một là, Liên ngành Trung ương: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an cần thống nhất ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn quy định các nội dung liên quan đến quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại: Quy định việc công nhận người bị hại hoặc đại diện của người bị hại bằng Quyết định tố tụng; quy định hình thức yêu cầu của bị hại phải thể hiện bằng “Văn bản”; quy định việc giải quyết tranh chấp về người đại diện cho người bị hại và giới hạn thực hiện quyền của người đại diện cho người bị hại trong các trường hợp người bị hại là người dưới 18 tuổi, người bị hạn chế về thể chất, tâm thần, người bị hại trong trường hợp bị tuyên bố chết trở về; giải thích rõ khái niệm “người

đã yêu cầu” trong khoản 2 điều 155 BLTTHS năm 2015; giải thích rõ quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại hoặc đại diện của họ tại Điều 155, BLTTHS năm 2015 là quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và yêu cầu khởi tố vụ án hình sự với bị can (khi người bị hại hoặc đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự thì vụ án phải được đình chỉ; khi người bị hại hoặc đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự với bị can nào thì chỉ bị can đó mới được đình chỉ vụ án); quy định việc giải thích pháp luật về quyền của người bị hại hoặc đại diện của họ đối với quyền yêu cầu khởi tố vụ án, quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng là bắt buộc để người bị hại và người đại diện của họ biết thực hiện; quy định và hướng dẫn phạm vi hòa giải trong tố tụng hình sự giữa người bị hại và đại diện của họ với bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; quy định hình thức, thủ tục ghi nhận về hòa giải, kết quả hòa giải tại điều 428 BLTTHS năm 2015, khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015.

Hai là, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bằng Nghị quyết cần quy định các nội dung liên quan đến quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại: (i) Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm người bị hại hoặc đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đình chỉ toàn bộ vụ án. (ii) Tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại hoặc đại diện của họ rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự thì Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án; nếu kiểm sát viên không rút quyết định truy tố thì hội đồng xét xử phải căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 155 BLTTHS để đình chỉ vụ án. Vì phải coi khoản 2, Điều 155 BLTTHS là trường hợp đặc biệt của căn cứ đình chỉ vụ án, nội dung này phản ánh nguyên tắc bảo đảm quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong vụ án đã khởi tố theo yêu cầu của họ. (iii) Tại giai đoạn phúc thẩm nếu người bị hại và đại diện của họ đã có đơn kháng cáo nay rút đơn kháng cáo và đồng thời rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nếu việc rút trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thì Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa sẽ ra quyết định đình chỉ vụ án; nếu rút đơn tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sẽ ra quyết định đình chỉ vụ án.

4.2.2. Giải pháp hoàn thiện về điều chỉnh pháp luật

4.2.2.1. Hoàn thiện cơ chế điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại:

Cơ chế điều chỉnh là khái niệm phức hợp, trong đó cần tập trung hoàn thiện ở các nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện các quy phạm pháp luật về điều chỉnh mối quan hệ giữa CQTHTT và người bị hại khi họ thực hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án mà pháp luật tố tụng hình sự ghi nhận. Trong đó xác định rõ phạm vi, đối tượng thuộc nội dung giả định; xác định rõ nội hàm quyền, phạm vi quyền, cách thức thực hiện quyền thuộc phạm vi của phần quy định; xác định rõ trách nhiệm của nhà nước và hậu quả trong thực hiện quyền yêu cầu khởi tố, rút yêu cầu khởi tố thuộc phạm vi quy định của phần chế tài.

Thứ hai, hoàn thiện các quy định pháp luật về quyết định áp dụng: xác định khái niệm “quyết định áp dụng” trong pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại là quy định đặc thù bao gồm: Quyết định của CQTHTT và cả văn bản mang tính tính ý chí của người bị hại khi họ thể hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu của người bị hại. Tập trung hoàn thiện các quy định pháp luật ghi nhận (công nhận) quyền của người bị hại về thời điểm, đối tượng là vấn đề hạn chế hiện nay.

Thứ ba, Hoàn thiện quy định pháp luật về xác định quan hệ pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, nâng cao ý thức pháp luật trong thực hiện vai trò của các CQTHTT, ý thức pháp luật của người bị hại trong quyết định các hành vi thực hiện quyền yêu cầu rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại.

4.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Cần xác định rõ trong BLTTHS nguyên tắc đặc thù “về bảo đảm quyền yêu cầu và rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại trong tố tụng hình sự”; coi đây là nguyên tắc trong tố tụng, để làm căn cứ cụ thể hóa nguyên tắc thành các quy định pháp luật tại các giai đoạn tố tụng, các thủ tục tố tụng và các quan hệ pháp luật về nội dung này. Làm cơ sở để thống nhất nhận thức trong quyết định khởi tố vụ án,

đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án. Hiện nay tư tưởng của nguyên tắc đã hình thành nhưng được quy định trong tinh thần một số nguyên tắc khác và quy định pháp luật khác, cần thiết phải được xây dựng là nguyên tắc riêng biệt.

4.2.2.3. Hoàn thiện phương pháp điều chỉnh pháp về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Điều chỉnh pháp luật của quy định về quyền yêu cầu và rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại trong tố tụng hình sự được xây dựng trên tư tưởng thừa nhận việc nhà nước dành cho người bị hại tự nguyện quyết định về ý chí trong việc yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Từ nội dung cốt lõi của phương pháp điều chỉnh cá biệt này tồn tại bên cạnh phương pháp điều chỉnh là quyền uy, phục tùng cần phải hoàn thiện tính quy định của phương pháp trong các quy định: Xác định thừa nhận quyền tự nguyện quyết định về ý chí của người bị hại và trách nhiệm bảo đảm thực hiện của các CQTHTT khi người bị hại thực hiện quyền. Đồng thời quy định khi người bị hại thực hiện quyền họ cũng phát sinh nghĩa vụ tương ứng.

4.2.2.4. Nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về bảo đảm quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Thực tiễn tố tụng Việt Nam thời gian qua cho thấy việc áp dụng pháp luật về nội dung này còn nhiều bất cập, thiếu thống nhất, thậm chí có cách hiểu sai, vận dụng khác nhau làm ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật, tính công bằng, tính pháp chế của pháp luật. Vì vậy để nâng cao chất lượng áp dụng cần áp dụng các biện pháp đồng bộ sau đây:

- Quy định pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự thật chính xác, rõ ràng, dễ hiểu và áp dụng thống nhất.

- Nâng cao năng lực của người thi hành pháp luật trong các CQTHTT đối với vụ án hình sự, nâng cao ý thức và văn hóa pháp lý của người dân và cơ quan, tổ chức nói chung về pháp luật về quyền và nghĩa vụ về yêu cầu, rút yêu khởi tố vụ án của người bị hại trong tố tụng hình sự.

- Hoàn thiện các quy định về thủ tục áp dụng pháp luật theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả, dễ tiếp cận và thống nhất.

4.2.2.5. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về bảo đảm quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung là yêu cầu rất quan trọng, trong đó giáo dục và tuyên truyền phổ biến pháp luật về tố tụng hình sự và hình sự cần được đẩy mạnh. Chất lượng tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật sẽ tạo chuyển biến về nhận thức của thành viên xã hội trong đó có người bị hại, từ đó sẽ nâng cao năng lực của người bị hại trong quyết định quyền của họ.

Nâng cao tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là yếu tố quan trọng để nâng cao nhận thức xã hội của cả người phạm tội, nhằm hạn chế tội phạm, nhằm để người đã thực hiện hành vi phạm tội có nhận thức đúng đắn khắc phục hậu quả thông qua thương lượng hòa giải, tự khai nhận hành vi phạm tội là tiền đề để thực hiện tốt các quy định của BLTTHS năm 2015.

Kết luận chương 4

Qua trình bày ở chương 4 về các đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về bảo đảm thực thi quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại trong tố tụng hình sự chúng tôi có một số kết luận sau:

1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quy định khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại là rất cấp bách và cần thiết để đáp ứng yêu cầu bảo đảm thực thi quyền con người đã được Hiến pháp 2013 ghi nhận trong lĩnh vực tư pháp hình sự; góp phần bảo đảm kiểm soát tội phạm, đa dạng hóa các biện pháp xử lý hình sự trong bối cảnh hội nhập và dân chủ hóa đời sống xã hội hiện nay.

2. Trong bối cảnh Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã được thông qua sẽ đi vào cuộc sống trong thời gian tới, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền tố tụng Trung ương khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn pháp luật, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò tập huấn hướng dẫn nhất là cho cán bộ làm công tác tư pháp để nhận thức, triển khai đúng đắn. Tăng cường đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến pháp luật để nâng cao nhận thức trong xã hội về quyền của bị hại và nhất là quyền và nghĩa vụ của người bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ.

3. Về lâu dài nên nghiên cứu sửa đổi quy định này của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành thành chế định luật “Khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại”, thiết lập thủ tục tố tụng riêng biệt đặc trưng để thi hành tốt nhất quyền này.

4. Kiến nghị Đảng và nhà nước tổng kết thực tiễn mở rộng phạm vi các tội phạm mà người bị hại được quyền yêu cầu khởi tố vụ án như đã phân tích; vận dụng chế định quyền tư tố, thỏa thuận nhận tội của pháp luật nước ngoài trong bối cảnh điều kiện Việt Nam.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về pháp luật và thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam tác giả luận án đã làm sáng tỏ và khái quát được một số nội dung sau đây:

1. Pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam là trường hợp điều chỉnh pháp luật đặc biệt, của tố tụng hình sự trong giải quyết vụ án hình sự; tính chất đặc biệt của biện pháp điều chỉnh này được giải thích xuất phát từ chính nhu cầu xã hội, tính đặc thù của quy phạm pháp luật tố tụng hình sự, chính sách hình sự và các biện pháp pháp lý hình sự đặt ra, đồng thời còn xuất phát từ mục đích của pháp luật hình sự, từ phương diện phòng ngừa tội phạm, bị chi phối bởi mô hình phòng chống tội phạm mà quốc gia thực hiện; xuất phát từ nhu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong tư pháp hình sự.

2. Tác giả cũng đã làm sáng tỏ các khái niệm và đặc điểm: “pháp luật về khởi tố vụ án hình sự”, “người bị hại, chủ thể có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại” trong pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam. Phân tích đánh giá và đưa ra khái niệm “Pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam” là *tập hợp các nguyên tắc, quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự với người bị hại (hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại) khi họ yêu cầu khởi tố vụ án, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi có dấu hiệu tội phạm xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại.*

3. Luận án đã phân tích rõ các đặc điểm của pháp luật và thực hiện pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam có tính đặc thù so với pháp luật tố tụng hình sự nói chung về tính chất, phương pháp điều chỉnh, cơ chế bảo đảm thực hiện việc điều chỉnh pháp luật. Một là, về tính chất điều chỉnh là việc nhà nước thừa nhận “quyền tự quyết định về mặt ý chí của người bị hại” trong xử lý hành vi phạm tội xâm hại đến lợi ích của họ bằng việc yêu cầu khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự (khi đã có đủ căn cứ khởi tố

vụ án). *Hai là*, về phương pháp điều chỉnh Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại có phương thức điều chỉnh đặc thù là “phương pháp ghi nhận và bảo đảm” quyền tự quyết định về ý chí của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ trong thực hiện quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với các vụ án mà người bị hại được quyền yêu cầu khởi tố vụ án. *Ba là*, về cơ chế điều chỉnh là hoạt động điều chỉnh phức tạp, tính chất phức tạp của nó do tính chất của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự nội dung này quy định, bao gồm quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, các văn bản áp dụng pháp luật, hành vi thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý.

4. Luận án đã phân tích rõ nội dung của pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam trong việc bảo đảm các yêu cầu của pháp luật tố tụng về bảo vệ quyền con người, đấu tranh phòng, chống và kiểm soát tội phạm. Trong đó chỉ rõ các nguyên tắc đặc thù là nguyên tắc người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ có quyền tự nguyện quyết định về ý chí trong việc yêu cầu hay không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự khi vụ án đã được khởi tố; nguyên tắc các CQTHTT phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện quyền tự nguyện quyết định về ý chí của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ khi họ thực hiện quyền. Chỉ rõ nội dung điều chỉnh là các yếu tố biểu hiện ra thành quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ tố tụng đặc thù khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại (gồm người bị hại hoặc đại diện của họ và CQTHTT đối với vụ án).

Phân tích các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong thời gian qua và trong thời tương lai tới như: tình hình kinh tế xã hội, sự phát triển của dân chủ; chính sách hình sự của Đảng và nhà nước ở mỗi thời kỳ; các nguyên tắc và mô hình tố tụng; quá trình hội nhập và phát triển, sự tương thích của pháp luật Việt Nam.

5. Luận án đã phân tích rõ vai trò của pháp luật điều chỉnh về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam trong việc bảo đảm các yêu cầu của pháp luật tố tụng về bảo vệ quyền con người, đấu tranh phòng,

chống và kiểm soát tội phạm như: vai trò là phương tiện pháp lý người bị hại thực hiện quyền của họ; là phương tiện pháp lý quan trọng để nhà nước thực hiện chính sách hình sự và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, kiểm soát tội phạm; là phương tiện pháp lý để nhà nước bảo đảm dân chủ, công bằng trong tố tụng hình sự.

6. Luận án cũng đã chỉ rõ các yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật và điều chỉnh pháp luật về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong thời gian tới đó là: cụ thể hóa các yêu cầu về bảo vệ quyền con người trong tư pháp hình sự; cụ thể hóa các yêu cầu về phòng ngừa và kiểm soát tội phạm; thực hiện đa dạng hóa các biện pháp pháp lý xử lý về tội phạm; bảo đảm hài hòa các lợi ích của người bị hại và nhà nước trong xử lý tội phạm; cụ thể hóa quy định tiến bộ của Hiến pháp 2013 vào pháp luật tố tụng hình sự. Đồng thời chỉ ra các định hướng lớn mà hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự phải đáp ứng.

7. Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quy định khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại là rất cấp bách và cần thiết để đáp ứng yêu cầu bảo đảm thực thi quyền con người đã được Hiến pháp 2013 ghi nhận trong lĩnh vực tư pháp hình sự; Trong bối cảnh Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã được thông qua sẽ đi vào cuộc sống trong thời gian tới, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền tố tụng Trung ương khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn pháp luật, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò tập huấn hướng dẫn nhất là cho cán bộ làm công tác tư pháp để nhận thức, triển khai đúng đắn. Tăng cường đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến pháp luật để nâng cao nhận thức trong xã hội về quyền của bị hại và nhất là quyền và nghĩa vụ của người bị hại trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ. Về lâu dài nên nghiên cứu sửa đổi quy định này của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành thành chế định luật “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại”, thiết lập thủ tục tố tụng riêng biệt đặc trưng để thi hành tốt nhất quyền này. Kiến nghị Đảng và nhà nước tổng kết thực tiễn mở rộng phạm vi các tội phạm mà người bị hại được quyền yêu cầu khởi tố vụ án; vận dụng chế định quyền tư tố, thỏa thuận nhận tội của pháp luật nước ngoài trong bối cảnh điều kiện Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt:

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC- BNN&PTNT- VKSNDTC* ngày 02 tháng 8 năm 2013, *Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.*
2. Bộ Công an, *Báo cáo tổng kết công tác năm của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an*, V11/BCV các năm 2010, 2011 và 2012, 2013, 2014, 2015.
3. Bộ Công an (2004), *Mẫu các quyết định tố tụng*, ban hành kèm theo Quyết định số 1351/2004/QĐ-BCA(C11) ngày 18/11/2004.
4. Bộ Tư pháp (1998), “Pháp luật hình sự một số nước”, *Dân chủ và pháp luật số chuyên đề*, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp (1957), *Tập luật lệ về tư pháp*, HN 1957.
6. Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp (bản dịch tiếng Việt, 1998), Nhà pháp luật Việt - Pháp, NXB Chính trị quốc gia.
7. Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản (bản dịch tiếng Việt, 1993), Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
8. Bộ luật Tố tụng hình sự Liên bang Nga năm 2001 (Bản tiếng Việt, 2002), Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Phụ trương thông tin khoa học pháp lý*, Hà Nội.
9. Mai Thế Bày (2009), “Đình chỉ điều tra vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại khi họ rút đơn theo quy định tại khoản 2 điều 105 BLTTHS năm 2003”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 20).
10. Byung – Sun Cho (2014), “Mô hình tố tụng hình sự Hàn Quốc” và “Mô hình tố tụng hình sự của Nhật Bản” trong sách *Những Mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
11. GS.TS. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung Luật hình sự, Tập 1*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

12. Nguyễn Hữu Cầu (2002), “Khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại đối với tội cố ý gây thương tích - một số bất cập nảy sinh từ thực tiễn”, *Tạp chí Tòa án*, (số 6).
13. Lê Tiến Châu (2003), “Một số vấn đề về chức năng buộc tội”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (Số 3).
14. Lê Tiến Châu (2007), “Người bị hại trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (số 1).
15. Lê Lan Chi (2010), *Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong luật tố tụng hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sỹ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Nguyễn Văn Cường (1998), “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại - những vướng mắc”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 01).
17. GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, TS Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (2009), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, NXB Đại học Quốc gia HN.
18. GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, chủ biên (2014), *Viện kiểm sát trong nhà nước pháp quyền*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
19. Nguyễn Văn Dũ (2012), “Rút yêu cầu khởi tố: Không có gì tranh cãi”, *Báo Pháp luật TP Hồ Chí Minh online ngày 7/5/2012*.
20. Lưu Bình Dương (2016), “Vấn đề hòa giải tại cộng đồng trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và những vấn đề pháp lý đặt ra”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (số 3).
21. Lưu Bình Dương (2016), “Cần sửa đổi quy định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự để đáp ứng yêu cầu tự do kinh doanh, thương mại hiện nay”, *Tạp chí Công Thương*, (số 8).
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 01-02-2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*. Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010. định hướng đến năm 2020*. Hà Nội.

24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*. Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. PGS. TS. Trần Văn Độ (1994), *Tội phạm học, Luật hình sự và tổ tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. PGS.TS Trần Đình Hào (2000), “Hòa giải thương lượng trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (01).
28. PGS.TS. Phạm Hồng Hải (2003), *Mô hình lý luận Bộ luật tố tụng Hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân.
29. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền công tố ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
30. GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, NXB Công an nhân dân. Hà Nội
31. GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa (2000), *Tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
32. TS. Tô Văn Hòa (2014), *Những Mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
33. TS. Phan Trung Hoài (2016), *Những điểm mới về chế định bào chữa trong BLTTHS năm 2015*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Nguyễn Quốc Hoàn (2002), *Cơ chế điều chỉnh pháp luật Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
35. Tiến Hiếu, Phan Thương, “Rút yêu cầu khởi tố: nhiều tình huống tranh cãi”, *Báo Pháp luật TP Hồ Chí Minh online* (ngày 05/4/2012).
36. Nguyễn Văn Hiền (2005), *Thủ tục tố tụng hình sự trong pháp luật Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
37. Đinh Xuân Hiền (2001), “Một số vấn đề thực tiễn và lý luận khi áp dụng Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 3).
38. Phạm Mạnh Hùng (1999), “Bàn thêm về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 09).

39. TS. Phạm Mạnh Hùng (2003), “Những bất cập và việc hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về khởi tố theo yêu cầu của người bị hại”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 1).
40. TS. Phạm Mạnh Hùng (2016), “Vấn đề khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong BLTTHS năm 2015”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (số 3).
41. Khoa Luật Đại học quốc gia (2010), *Giáo trình Tòa án hình sự quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Khoa Luật Đại học quốc gia (2011), *Những vấn đề lý luận thực tiễn về Luật hình sự quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội – Văn phòng Quốc Hội (2012), *Sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
44. Khoa Luật Đại học quốc gia (2009), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Khoa Luật Đại học quốc gia (2011), *Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong tố tụng hình sự*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
46. Khoa Luật Đại học Quốc gia (2015), *Thực thi các quyền hiến định trong hiến pháp năm 2013*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
47. Hoàng Thị Liên (2003), “Cần sửa đổi các quy định liên quan đến quyền Khởi tố theo yêu cầu của người bị hại trong BLTTHS 2003”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 3).
48. TS. Phạm Văn Lợi (2007), “*Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*”, NXB Tư pháp, Hà Nội.
49. Đinh Thị Mai (2014), *Quyền của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Học viện KHXH, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam.
50. TS. Marco Fabri (2014), “Mô hình tố tụng hình sự của Cộng hòa Italia” trong sách *Những Mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
51. Montesquieu (2006), *Bàn về tinh thần pháp luật*, NXB Lý luận Chính trị, HN.

52. Trần Cao Ngãi (2002), “Khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại đối với tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS cần được xem xét lại”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (tháng 8).
53. Khuất Văn Nga (1998), *Hệ thống tư pháp hình sự Hoa kỳ*, Thông tin khoa học pháp lý, Hà Nội.
54. Phạm Hữu Nghị (2012), “Hòa giải trong tố tụng dân sự”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, (số 12).
55. Minh Nhất, “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại - Bất cập, khó khăn và kiến nghị hoàn thiện” – *Tạp chí Cảnh sát nhân dân online*, Thứ Ba, 7/4/2015 22:51'(GMT+7), tra cứu 10h ngày 28/9/2016.
<http://www.csnd.vn/Home/Nghien-cuu-Trao-doi/830/Khoi-to-vu-an-hinh-su-theo-yeu-cau-cua-nguoi-bi-hai-Bat-cap-kho-khan-va-kien-nghi-hoan-thien>
56. Nhà Pháp luật Việt – Pháp (1996), *Tố tụng hình sự và vai trò của Viện công tố trong Tố tụng Hình sự*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
57. Lê Nin tập 33 (1976), *Nhà nước và Cách mạng*, NXB Tiến bộ, Matcova, (Bản tiếng Việt).
58. Nguyễn Hải Ninh (2010), “Vấn đề khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại”, *Tạp chí Luật học*, (số 6).
59. Hoàng Lan Phương (2009), *Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu người bị hại trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Khoa Luật ĐHQGHN, Luận văn Thạc sĩ luật học.
60. PGS. TS. Nguyễn Thái Phúc (2007), “Mô hình tố tụng Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí khoa học pháp lý*, (số 05).
61. Quốc hội (2013), *Hiến pháp thông qua ngày 28/11/2013 và Nghị quyết số 64/2013/QH13 hướng dẫn thi hành Hiến pháp 2013*.
62. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự năm 1985*.
63. Quốc hội (1988), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988*.
64. Quốc hội (1990), *Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi năm 2000)*
65. Quốc hội (1999), *Bộ Luật Hình sự năm 1999*.
66. Quốc hội (2000), *Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi năm 2000)*

67. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*.
68. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*.
69. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*.
70. GS.TS. Hoàng Kim Quế (2015), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
71. Đinh Văn Quế (1991), “Khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại”, *Tạp chí Tòa án*, (số 11)
72. Đinh Văn Quế, “Rút yêu cầu khởi tố: Vẫn cần phải hướng dẫn”, *Báo Pháp luật TP Hồ Chí Minh online* ngày 6/5/2012
<http://luatsuquangthai.vn/rut-yeu-cau-khoi-to-van-can-phai-huong-dan>
73. Đinh Văn Quế (2008), “Một số vấn đề cần chú ý khi xác định người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự”, *Tạp chí Tòa án*, (số 13).
74. Lê Sỹ Quế (1999), “Khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại”, *Tạp chí Luật học*, (số 1).
75. Lê Sỹ Quế (2001), “Những khó khăn vướng mắc khi áp dụng Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 10).
76. Ngũ Hồng Quang (2009) “Tur tố trong tố tụng hình sự Trung Quốc”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học* (25).
77. Richard S.Shine (2014), “Mô hình tố tụng hình sự của liên bang Hoa Kỳ” trong sách *Những Mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
78. PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn (2010), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
79. Nguyễn Sơn (2001), “Thẩm quyền và căn cứ đình chỉ vụ án hình sự theo Điều 88 Bộ luật Tố tụng Hình sự”, *Tạp chí Tòa án*, (số 5).
80. Hoàng Thị Sơn (1998) “Chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí Luật học*, (số 2).
81. Đỗ Văn Tạo (2012), “Bàn về việc đình chỉ vụ án do người bị hại rút yêu cầu khởi tố theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số12).

82. Lê Nguyên Thanh (2012), *Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh
83. Đinh Công Thành (2005), “Cần sửa đổi Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 9).
84. Nguyễn Đức Thái (2015), *Khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
85. Thịnh Quang Thắng (2010), *Người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học.
86. TS. Lê Hữu Thế (2005), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
87. Võ Thọ (1995) *Một số vấn đề của Bộ luật tố tụng hình sự*”, NXB Pháp lý, HN.
88. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
89. TS. Trần Quang Tiệp (2011), *Chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. TS. Trần Quang Tiệp (2006), “Một số vấn đề lý luận về khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 1).
91. TS. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB chính trị Quốc gia, Hà Nội.
92. TS. Trần Quang Tiệp (2010), “Một số vấn đề về người bị hại, nguyên đơn dân sự trong BLTTHS năm 2003”, *Tạp chí kiểm sát*, (số 9).
93. Nguyễn Trương Tín, “Một số vấn đề về sự tham gia tranh tụng của người bị hại và nguyên đơn dân sự tại phiên tòa hình sự sơ thẩm theo yêu cầu của cải cách tư pháp”, *Tạp chí Luật học*, (số 3).
94. PGS. TS. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
95. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, tập 1, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.

96. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2015), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, tập 1, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
97. Trường Đại học Luật Hà Nội (1994), *Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Tập bài giảng.
98. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
99. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
100. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
101. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Công An Nhân dân, Hà Nội.
102. Trường Đại học Luật Hà Nội, (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
103. Nguyễn Văn Tuấn (2014), *Những vấn đề đặt ra cho hòa giải trong tố tụng hình sự*, Chuyên đề trong Đề tài Khoa học độc lập cấp nhà nước “Thể chế hòa giải ở Việt Nam, những vấn đề lịch sử và đương đại”, Mã số ĐTDL/2011, Chủ nhiệm Đề tài PGS.TS Nguyễn Tất Viễn, Hà Nội.
104. GS.TS. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam, Quyển 1, Những vấn đề chung*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
105. Nguyễn Tất Viễn (2010), *Trao đổi ý kiến: tổ chức toà án theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW về cải cách tư pháp, bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học năm 2010, Bộ Tư pháp
106. PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn, Trần Mạnh Đạt (2015), *Thế chế hòa giải ở Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Tư pháp.
107. Vũ Đức Việt (2002), “Bàn về thẩm quyền và căn cứ đình chỉ vụ án theo điều 88, điều 139, 143b BLTTHS”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 9).
108. Viện Khoa học kiểm sát – Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Thông tin khoa học pháp lý: Số chuyên đề về những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố Việt Nam từ năm 1945 đến nay*.

109. Viện Khoa học kiểm sát (2003), *Chuyên đề pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới*, (số 1).
110. Viện Khoa học kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Tố tụng hình sự, Trích truyền thống luật dân sự Châu Âu, Mĩ La tinh và Châu Á*”, Bản dịch, Dự án VIE/95/018.
111. Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, NXB Từ điển Bách khoa – NXB Tư pháp, Hà Nội.
112. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2000), “Vai trò của hệ thống công tố ở pháp và tiến hành cải cách tư pháp hiện nay”, sách: *Một số khuyến nghị về xây dựng bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi*”, Sổ tay công tác kiểm sát án hình sự tại Việt Nam.
113. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2003), *Thông tin khoa học pháp lý: số chuyên đề pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới*.
114. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2003), *Thông tin khoa học pháp lý: Số chuyên đề tìm hiểu hệ thống tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn*.
115. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1995), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của luật tố tụng hình sự Việt Nam*.
116. Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (1999), *Tư pháp hình sự so sánh*.
117. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1999), *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt Nam từ 1945 đến nay*, Kỷ yếu đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội.
118. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao: “*Báo cáo tình hình tội phạm năm 2015*”, (của VKSND Tối cao Quốc hội khóa 13).
119. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012): *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 2012*, Bản dịch Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Người dịch: Bùi Việt Hương.
120. Viện kiểm sát nhân dân tối cao: *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa dân chủ Lào, (2012)*, Bản dịch Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

121. Viện kiểm sát nhân dân tối cao: *Bộ luật tố tụng hình sự Nhật Bản (2012)* Bản dịch Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
122. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động Thương binh và xã hội (2011), *Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT – VKSTC – TANDTC- BCA- BTP- BLĐTBXH ngày 12 tháng 7 năm 2011, Hướng dẫn thi hành một số quy định đối với người tham gia tố tụng hình sự là người chưa thành niên.*
123. Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự, luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB chính trị quốc gia. Hà Nội.
124. GS.TS. Võ Khánh Vinh (2002), *Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân.
125. GS.TS. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
126. GS.TS. Võ Khánh Vinh (2013), *Xung đột xã hội và đồng thuận xã hội*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
127. GS.TS. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật những vấn đề cơ bản*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
128. GS.TS. Võ Khánh Vinh (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
129. Jean – Jacques rousseau (2006), *Bàn về khế ước xã hội*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
130. Jean Philippe Rivaud (2014), “Mô hình tố tụng hình sự của CH Pháp” trong sách *Những Mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
131. John stuart Mill (2005), *Bàn về tự do*, NXB Tri thức.
132. William Burnham (2014), “Mô hình tố tụng hình sự của liên bang Nga” trong sách *Những Mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

Tài liệu tiếng nước ngoài:

133. Attorney- General's Department (1988), *Victims of Crime: an overview of research and policy*, page: 9&11, Office of Crime Statistics, Australia
134. American law and the legal system (200): equal justice under the law / Thomas R. Van Dervort Thomson learning/West legal studies, 386 tr.; 30 cm.
135. Irving R. Kaufman (1980), "*Criminal Procedure in England and the United States: Comparisons in Initiating Prosecutions*"
<http://ir.lawnet.fordham.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=2457&context=flr>
cập nhật ngày 20/12/2016.
136. Jon Roland (1995), *Let' Rivive Private Criminal Procecutions*
<http://www.constitution.org/uslaw/pripro01.htm> (Original date: 1995/9/25 —
Last updated 2017/1/15).
137. Ministry of Justice (2010), *Seeking Justice through the Criminal Justice System*, USA.
138. Pavisic Berislav (2004), *Transition of criminal procedure systems*, Published: Pravni fakultet Sveucilista, Croatia.
139. Philippe Conte, Patrick Maistre du Chambon (2002), *Procédure pénale*, 4^e édition, Armand Colin, tr. 13.
140. *Victim of Crime: An Overview of Reasearch and Policy*" (1998), Australia

DANH MỤC

BÀI BÁO ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

01. Lưu Bình Dương (2016), “Vấn đề hòa giải tại cộng đồng trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và những vấn đề pháp lý đặt ra”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát* số 3/2016.

02. Lưu Bình Dương (2016), “Cần sửa đổi quy định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự để đáp ứng yêu cầu tự do kinh doanh, thương mại hiện nay”, *Tạp chí Công Thương* số 8/2016.

PHỤ LỤC 01
Số liệu vụ án hình sự khởi tố giai đoạn 2010 – 2015 trong cả nước

STT	NĂM	TỔNG SỐ KHỞI TỐ	
		Số vụ án	Số bị can
01	2010	61.871	95.085
02	2011	69.266	11.0455
03	2012	75.458	122.277
04	2013	76.388	123.746
05	2014	77.913	121.039
06	2015	72.450	109.096
Tổng số	06 năm	433.346	776.783

Nguồn: *Tình hình tội phạm năm 2015*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tháng 10/2015; (tr 03 Bảng số 01)

PHỤ LỤC 02
Số liệu vụ án khởi tố và tổng số vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại giai đoạn 2008 - 2013

Năm	Số vụ án khởi tố	Số vụ án khởi tố theo yêu cầu NBH	Tỷ lệ vụ án khởi tố theo yêu cầu người bị hại so với số vụ án khởi tố
(1)	(2)	(3)	$4 = 3/2$
2008		2491	
2009		2428	
2010	61.871	2407	3,89
2011	69.266	2854	4,12
2012	75.458	2879	3,81
2013	76.388	2893	3,78

Nguồn: 1. Tình hình tội phạm năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tháng 10/2015; (tr 03 Bảng số 01)

2. Số liệu của Luận án Tiến sĩ Luật học Nguyễn Đức Thái (2015), Khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC 03
Bảng xếp hạng khảo sát về tình hình tội phạm năm 2015
trong toàn quốc theo báo cáo tình hình tội phạm của VKSND tối cao

Địa phương 2015	Số vụ		Bị can		Tỷ lệ % so dân số của tỉnh	Xếp hạng trong toàn quốc về tình hình tội phạm
	Số vụ	Tỷ lệ % so với toàn quốc	Số bị can	Tỷ lệ % so với toàn quốc		
Thái Nguyên	1.270	1,753	1.944	1,782	0,215	10
Quảng Ninh	1.240	1,712	1.886	1,729	0,205	12
Nghệ An	2.363	3,26	4.260	3,905	0,183	23
Bắc Giang	1.118	1,543	2.224	2,039	0,180	26
Nam Định	1.039	1,434	1.745	1,600	0,123	46
Hà Giang	345	0,476	571	0,523	0,106	54

Nguồn: *Tình hình tội phạm năm 2015*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tháng 10/2015; (tr 76- 79; Phụ lục 3 và 4)

PHỤ LỤC 4

**Số liệu vụ án hình sự của 06 tỉnh đã khởi tố và khởi tố theo yêu cầu của người bị hại
(là Thái Nguyên, Bắc Giang, Nam Định, Hà Giang, Quảng Ninh, Nghệ An)
giai đoạn 2010 – 2015**

Tỉnh	Số đã khởi tố vụ án/bị can	Số vụ đã khởi tố theo Điều 105 BLTTHS	Số điều luật của BLHS khởi tố theo Điều 105 BLTTHS/ Số điều luật khởi tố của các địa phương	VAHS khởi tố theo điều 105 BLTTHS/ Tỷ lệ vụ án hình sự khởi tố
(1)	(2)	(3)	(4)	7 = 2/3
Thái Nguyên	6892/10980	510	8/63	7,39%
Quảng Ninh	7972/12548	693	9/102	8,69%
Nghệ An	9327/17765	858	7/97	9,19%
Bắc Giang	6681/13652	574	8/72	8,59%
Nam Định	5538/8647	276	9/81	4,98%
Hà Giang	1369/2546	174	4/53	12,7%
06 tỉnh	37779	3085		Tính TB: 8,16%

Nguồn: 1. *Tình hình tội phạm năm 2015*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tháng 10/2015; (tr 03 Bảng số 01)

2. *Báo cáo tổng kết công tác năm* của VKSND các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Giang, Hà Giang, Nam Định, Nghệ An, Quảng Ninh năm 2011 – 2015.

PHỤ LỤC SỐ 5

**Bảng số vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại theo tội danh
(tại 6 tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Hà Giang, Nam Định, Nghệ An, Quảng Ninh, giai đoạn 2010 – 2015)**

Điều luật	Thái Nguyên		Bắc Giang		Hà Giang		Nam Định		Nghệ An		Quảng Ninh		Tổng số	
	Số vụ án	Tỷ lệ% của tội danh khởi tố trên số tội danh khởi tố theo điều 105	Số vụ án	Tỷ lệ% của tội danh khởi tố trên số tội danh khởi tố theo điều 105	Số vụ án	Tỷ lệ% của tội danh khởi tố trên số tội danh khởi tố theo điều 105	Số vụ án	Tỷ lệ% của tội danh khởi tố trên số tội danh khởi tố theo điều 105	Số vụ án	Tỷ lệ% của tội danh khởi tố trên số tội danh khởi tố theo điều 105	Số vụ án	Tỷ lệ% của tội danh khởi tố trên số tội danh khởi tố theo điều 105	Số vụ án	Tỷ lệ% của tội danh khởi tố trên số tội danh khởi tố theo điều 105
Điều 104	406	79.6	455	79.3	121	69.5	193	69.9	356	41.5	426	61.5	1957	63.4
Điều 105	16	3.1	21	3.7	9	5.2	21	7.6	143	16.7	37	5.3	247	8.0
Điều 106	3	0.6	8	1.4			11	4.0	127	14.8	9	1.3	158	5.1
Điều 108	1	0.2	1	0.2			2	0.7	63	7.3	2	0.3	69	2.2
Điều 109	2	0.4	3	0.5			5	1.8		0.0	11	1.6	21	0.7
Điều 111	67	13.1	58	10.1	36	20.7	23	8.3	134	15.6	137	19.8	455	14.7
Điều 113							6	2.2		0.0	21	3.0	27	0.9
Điều 121	9	1.8	17	3.0	8	4.6	11	4.0	19	2.2	34	4.9	98	3.2
Điều 122	6	1.2	11	1.9			4	1.4	16	1.9	16	2.3	53	1.7
Tổng	510	100	574	100	174	100	276	100	858	100	693	100	3085	100

Nguồn: Báo cáo thống kê của Phòng Thống kê và Báo cáo nhiệm kỳ (2010 – 2015) của VKSND các tỉnh Thái Nguyên, Hà Giang, Bắc Giang, Nam Định, Quảng Ninh, Nghệ An báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh

PHỤ LỤC 6
Khảo sát người bị hại tham gia phiên tòa trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ tại tỉnh Thái Nguyên

Stt	Đơn vị	Số vụ án khởi tố theo yêu cầu NBH		Số người bị hại tham gia phiên tòa sơ thẩm	Tỷ lệ người bị hại trong vụ khảo sát tham gia phiên tòa
		Tổng số vụ án	Số vụ khảo sát		
01	TP Thái Nguyên	34	24	19	79,16%
02	Huyện Định Hóa	11	11	07	63,63%
03	Huyện Phú Bình	09	09	06	66,66%
04	Huyện Võ Nhai	05	05	05	100%
05	TX Phổ Yên	16	16	13	81,25%
Tổng		97	65	50	76,92%

Nguồn: NCS trực tiếp khảo sát tại tỉnh Tòa án các huyện tỉnh Thái Nguyên

PHỤ LỤC 7
Khảo sát người bị hại tham gia phiên tòa trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ tại tỉnh Hà Giang

Stt	Đơn vị	Số vụ án khởi tố theo yêu cầu NBH		Số người bị hại tham gia phiên tòa sơ thẩm	Tỷ lệ người bị hại trong vụ khảo sát tham gia
		Tổng số vụ án	Số vụ khảo sát		
01	TP Hà Giang	37	21	17	80,9%
02	Huyện Bắc Quang	13	10	10	100%
03	Huyện Hoàng Su Phì	08	08	06	75%
Tổng		58	39	33	84,61%

Nguồn: NCS khảo sát trực tiếp tại Tòa án các huyện tỉnh Hà Giang

PHỤ LỤC 8

Khảo sát người bị hại tham gia phiên tòa trong vụ án khởi tố theo yêu cầu của họ tại tỉnh Thái Nguyên với 03 tội danh cụ thể

Stt	Đơn vị	Số vụ án khởi tố theo yêu cầu NBH		Số vụ khảo sát	Số người bị hại tham gia phiên tòa sơ thẩm	Tỷ lệ người bị hại trong vụ khảo sát tham gia
		Tổng số vụ khảo sát	Tội danh			
01	TP Thái Nguyên	24	Điều 104	13	13	100%
			Điều 111	09	06	66,66%
02	Huyện Định Hóa	11	Điều 104	05	05	100%
			Điều 111	06	02	33,33%
03	Huyện Phú Bình	09	Điều 104	02	02	100%
			Điều 111	07	04	57,14%
04	Huyện Võ Nhai	05	Điều 111	05	05	100%
05	TX Phổ Yên	16	Điều 104	06	06	100%
			Điều 111	07	04	57,14%
			Điều 113	03	03	100%
Tổng		65		65	50	76,92%

Nguồn: NCS khảo sát trực tiếp tại Tòa án các huyện tỉnh Thái Nguyên

PHỤ LỤC 9

Bảng tổng hợp vụ án đình chỉ ở giai đoạn điều tra của 05 tỉnh: Thái Nguyên, Hà Giang, Nam Định, Nghệ An, Quảng Ninh

Tỉnh	Số vụ đã khởi tố theo Điều 105 BLTTHS	Số vụ án đình chỉ điều tra/số bị can	Số vụ án đình chỉ theo khoản 2 điều 105	Tỷ lệ vụ án hình sự đình chỉ theo k2 điều 105 /VAHS đình chỉ giai đoạn điều tra	Tỷ lệ vụ án hình sự đình chỉ theo k2 điều 105 /VAHS khởi tố theo khoản 01 điều 105 BLTTHS
(1)	(2)	(3)	(4)	5 = 4/3	6 = 4/2
Thái Nguyên	510	281 vụ/232 bị can	126	44,83%	24,7%
Quảng Ninh	693	274 vụ/320 bị can	261	95,25%	37,66%
Nghệ An	858	112 vụ/169 bị can	97	86,6%	11,30%
Nam Định	276	93 vụ/142 bị can	79	84,94%	28,62%
Hà Giang	174	31 vụ/33 bị can	29	93,54%	16,66%
05 tỉnh	2511	791/896	589	Trung bình 74,46%	Trung bình 23,45%

Nguồn: Báo cáo thống kê của Phòng Thống kê và Báo cáo nhiệm kỳ (2010 – 2015) của VKSND các tỉnh Thái Nguyên, Hà Giang, Nam Định, Quảng Ninh, Nghệ An báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh các tỉnh.

PHỤ LỤC 10

Bảng tổng hợp vụ án hình sự đình chỉ ở giai đoạn truy tố của 05 tỉnh: Thái Nguyên, Hà Giang, Nam Định, Nghệ An, Quảng Ninh

Tỉnh	Số vụ đã khởi tố theo Điều 105 BLTTHS	Số vụ án đình chỉ điều tra/số bị can	Số vụ án đình chỉ theo khoản 2 điều 105	Tỷ lệ vụ án hình sự đình chỉ theo k2 điều 105 /VAHS đình chỉ	Tỷ lệ vụ án hình sự đình chỉ theo k2 điều 105 /VAHS khởi tố theo khoản 1 điều 105
(1)	(2)	(3)	(4)	$5 = 4/3$	$6 = 4/2$
Thái Nguyên	510	35 vụ/45 bị can	29	82,85%	5,68%
Quảng Ninh	693	36 vụ/65 bị can	29	80,55%	4,18%
Nghệ An	858	17 vụ/21 bị can	16	94,11%	1,86%
Nam Định	276	33 vụ/64 bị can	29	87,87%	10,5%
Hà Giang	174	04 vụ/08 bị can	0	0%	0%
05 tỉnh	2511	125 vụ/203 bị can	103	Trung bình 69,07%	Trung bình 2,64%

Nguồn: Báo cáo thống kê của Phòng Thống kê và Báo cáo nhiệm kỳ (2010 – 2015) của VKSND các tỉnh Thái Nguyên, Hà Giang, Nam Định, Quảng Ninh, Nghệ An báo cáo Hội đồng nhân dân các tỉnh

PHỤ LỤC 11

Bảng tổng hợp vụ án đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử của 06 tỉnh: Thái Nguyên, Hà Giang, Nam Định, Nghệ An, Quảng Ninh

Tỉnh	Số vụ đã khởi tố theo Điều 105 BLTTHS	Số vụ án đình chỉ xét xử/số bị can	Số vụ án đình chỉ theo khoản 2 điều 105	Tỷ lệ vụ án hình sự đình chỉ theo k2 điều 105 /VAHS đình chỉ	Tỷ lệ vụ án hình sự đình chỉ theo k2 điều 105 /VAHS khởi tố theo khoản 1 điều 105
(1)	(2)	(3)	(4)	$5 = 4/3$	$6 = 4/2$
Thái Nguyên	510	77/187	54	70,1	15,9
Quảng Ninh	693	45/58	19	42,22	2,74
Nghệ An	858	43/64	38	88,37	4,42
Nam Định	276	13/20	11	84,61	3,98
Hà Giang	174	2/3	01	50	0,57
05 tỉnh	2511	180/332	123	68,33	4,89

Nguồn: Báo cáo thống kê của Phòng Thống kê và Báo cáo nhiệm kỳ (2010 – 2015) của VKSND các tỉnh Thái Nguyên, Hà Giang, Nam Định, Quảng Ninh, Nghệ An báo cáo Hội đồng nhân dân các tỉnh